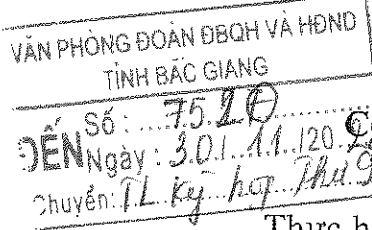


Số: 132 /BC-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 11 năm 2022



## BÁO CÁO

### Công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang năm 2022

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường (BVMT), UBND tỉnh báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang năm 2022, cụ thể như sau:

#### I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

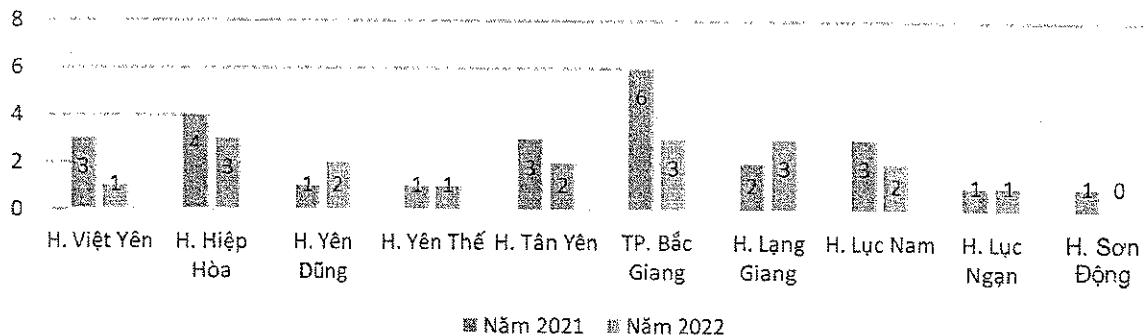
##### 1. Môi trường không khí

Chất lượng không khí ở tỉnh Bắc Giang nhìn chung còn khá tốt và đang được cải thiện trong những năm gần đây, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi. Kết quả quan trắc năm 2022 cho thấy các thông số độc hại ( $\text{NO}_2$ ;  $\text{SO}_2$ ;  $\text{CO}$ ;  $\text{O}_3$ ), thông số vật lý (Bụi  $\text{PM}_{10}$ ; bụi Pb; bụi TSP) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT.

Tuy nhiên tại một số vị trí nút giao thông, nhiều phương tiện qua lại có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ bởi Tiếng ồn (18/53 vị trí quan trắc có thông số Tiếng ồn vượt quy chuẩn cho phép dao động từ 1,01-1,05 lần. Tập trung nhiều nhất tại thành phố Bắc Giang có 3 vị trí vượt từ 1,01 - 1,05 lần; huyện Hiệp Hòa có 3 vị trí vượt từ 1,01-1,03 lần; huyện Lạng Giang có 3 vị trí vượt từ 1,01-1,04 lần.).

Như vậy, so với năm 2021, chất lượng môi trường không khí năm 2022 đã được cải thiện hơn (năm 2021 có 28/53 vị trí quan trắc vượt thông số tiếng ồn so với QCVN, có 01/53 vị trí có thông số  $\text{NO}_2$  vượt quy chuẩn cho phép).

Số vị trí có thông số tiếng ồn vượt QCVN 26:2010/BTNMT



Nguyên nhân: Một số tuyến đường giao thông ở khu vực quan trắc hiện trạng đã hoàn thành việc cải tạo nâng cấp và đi vào hoạt động ổn định; các doanh nghiệp chú trọng đầu tư hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải; các địa phương trong quá trình xây dựng nông thôn mới đã quan tâm, chú trọng công tác vệ sinh môi trường.

## 2. Môi trường nước mặt

### 2.1. Nhận định chung về ô nhiễm môi trường nước trên địa bàn

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có ba con sông lớn chảy qua với tổng chiều dài là 347 km, gồm: Sông Cầu đoạn chảy qua địa phận Bắc Giang có chiều dài 101 km, sông Lục Nam có chiều dài khoảng 150 km, sông Thương có chiều dài 87 km. Theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh ban hành danh mục đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh có 272 hồ chứa lớn với tổng diện tích gần 5.000 ha (trong đó lớn nhất là hồ Cẩm Sơn thuộc địa phận huyện Lục Ngạn với diện tích 2.600 ha, hồ Làng Thum với diện tích 275 ha, hồ Khuôn Thân với diện tích 240 ha...).

Qua kết quả quan trắc đối với 50 vị trí nước mặt trong năm 2022, thực hiện 02 lần (vào tháng 5, 6/2022 và tháng 10/2022) cho thấy: Có 47/50 vị trí có thông số ô nhiễm vượt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1 - Quy chuẩn chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi với mức ô nhiễm dao động từ 1,02 - 45,8 lần, trong đó vị trí có mức ô nhiễm cao nhất bởi thông số Nitrit là nước kênh T6, đoạn hợp lưu với kênh T3 thuộc xã Song Khê (TP-NM04).

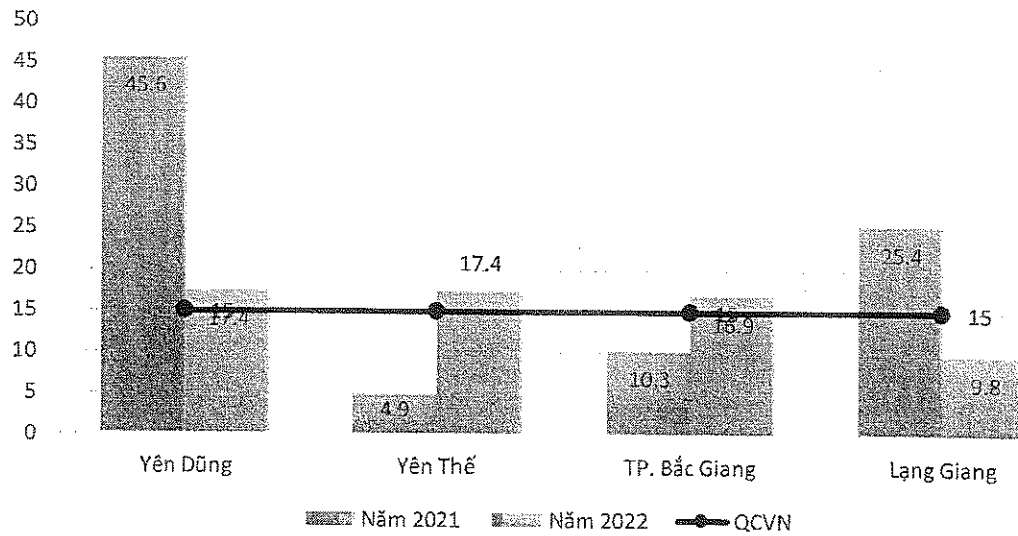
### 2.2. Nhận định, đánh giá chi tiết môi trường nước trên địa bàn tỉnh

- Sông Thương: Chất lượng nước sông Thương vẫn bị ô nhiễm cục bộ bởi một số thông số hữu cơ, vi sinh vật. So với năm 2021, chất lượng nước sông Thương có thông số BOD, COD, Nitrit, Tổng dầu mỡ, TSS được cải thiện, thông số Fe tăng. Cụ thể thông số BOD năm 2021 vượt QCVN từ 1,51 đến 3,83 lần thì năm 2022 thông số BOD vượt QCVN từ 1,13 đến 2,2 lần. Thông số COD năm 2021 vượt QCVN từ 1,57 đến 3,4 lần năm 2022 vượt QCVN từ 1,04 đến 2,24 lần. Thông số Tổng dầu mỡ năm 2021 vượt QCVN từ 1,2 đến 1,72 lần, năm 2022 không vượt. Thông số Fe năm 2021 không có vị trí nào vượt, năm 2022 vượt QCVN 1,14 lần.

Nguyên nhân: Việc ô nhiễm cục bộ vẫn xảy ra, do nước thải của một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, khu dân cư, khu đô thị,...chưa được xử lý triệt để gây tích tụ, ô nhiễm môi trường cục bộ.

+ So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1- Quy chuẩn chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi: Chất lượng nước sông Thương tại 8/8 vị trí quan trắc có dấu hiệu ô nhiễm bởi các thông số hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>), kim loại nặng (Fe, Hg), vi sinh vật (Coliform) vượt QCVN từ 1,04 - 13,12 lần. Cụ thể: thông số BOD<sub>5</sub> vượt từ 1,13 - 2,2 lần, COD vượt từ 1,04 - 2,24 lần, Nitrit vượt từ 1,22 - 13,12 lần, Fe vượt 1,14 lần, Coliform vượt từ 1,25 - 2,27 lần; Trong đó cao nhất là chỉ tiêu Nitrit tại Sông Thương vị trí cách 200m sau cổng xả Công ty TNHH MTV Phân đạm và hóa chất Hà Bắc, phường Thọ Xương có giá trị vượt QCVN 13,12 lần.

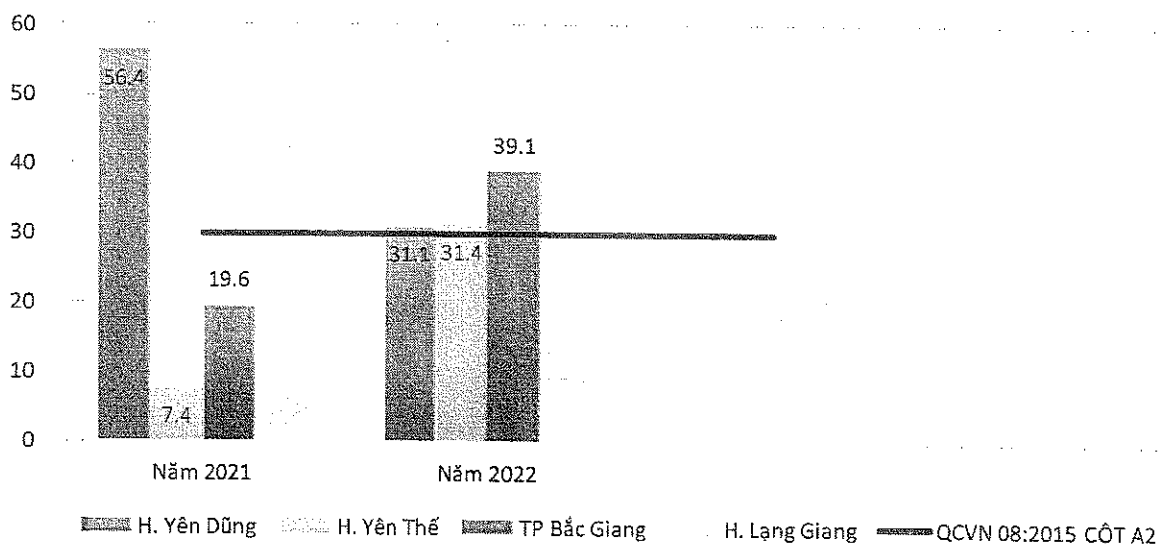
Kết quả đo BOD trên sông Thương so sánh với QCVN 08 cột B1



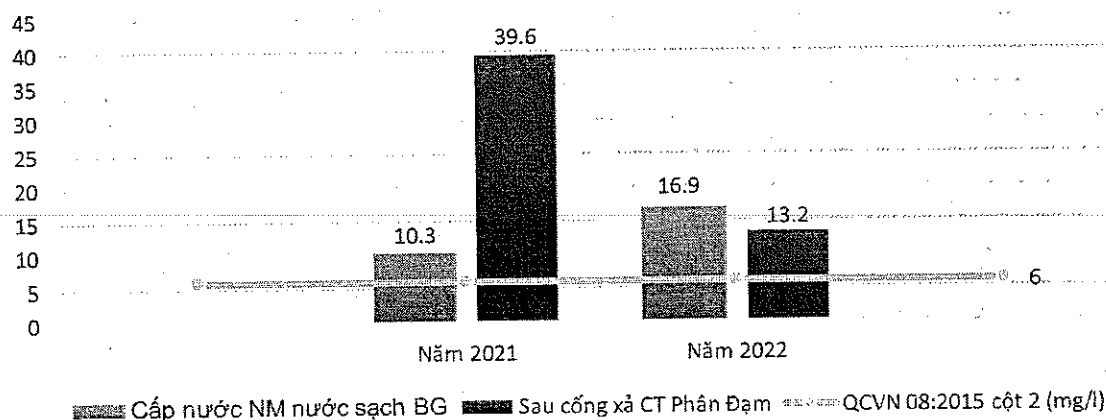
+ So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2 - Quy chuẩn chất lượng nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt: Chất lượng nước sông Thương tại 8/8 vị trí quan trắc có dấu hiệu ô nhiễm bởi các thông số hữu cơ ( $BOD_5$ , COD, TSS,  $NO_2^-$ ,  $NH_4^+$ ,  $PO_4^{3-}$ , kim loại nặng Fe, Hg, Zn, Coliform, Tổng dầu, mỡ, vượt quy chuẩn cho phép từ 1,03-13,12 lần.

Khu vực cấp nước cho nhà máy nước sạch Bắc Giang - phường Thọ Xương có 5 thông số vượt QCVN: Tổng chất rắn lơ lửng vượt 1,13 lần;  $BOD_5$  vượt từ 1,43-2,82 lần; COD vượt từ 1,06 - 2,61 lần; Tổng dầu, mỡ vượt từ 1,82-1,88 lần; Amoni vượt 1,13 lần. Vị trí 200m sau cống xả Công ty TNHH MTV Phân đạm và hóa chất Hà Bắc có 05 thông số vượt QCVN, cụ thể: Tổng chất rắn lơ lửng vượt 1,2 lần; Tổng dầu, mỡ vượt từ 1,42-1,86 lần;  $BOD_5$  vượt 2,2 lần; COD vượt 1,56 lần; Amoni vượt 1,77 lần.

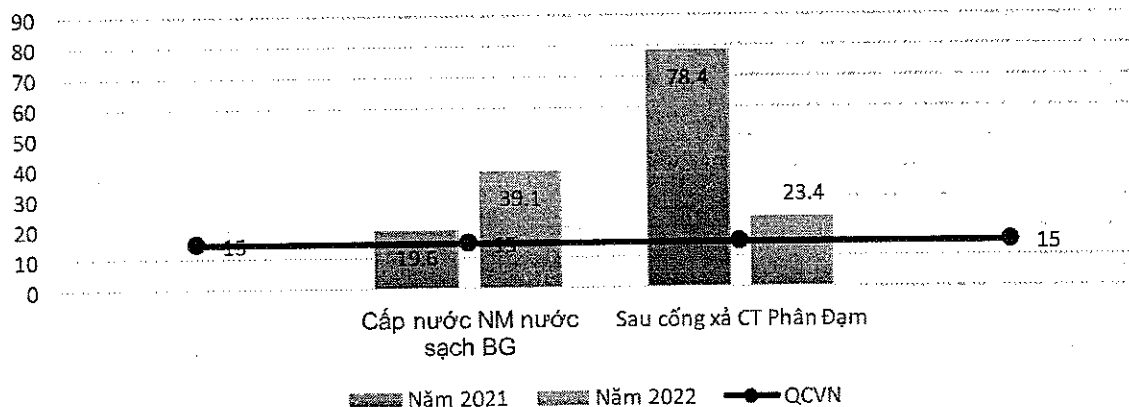
Kết quả đo COD trên sông Thương



Kết quả đo BOD trên sông Thương qua địa phận TP. Bắc Giang  
so sánh với QCVN 08:2015 cột A2



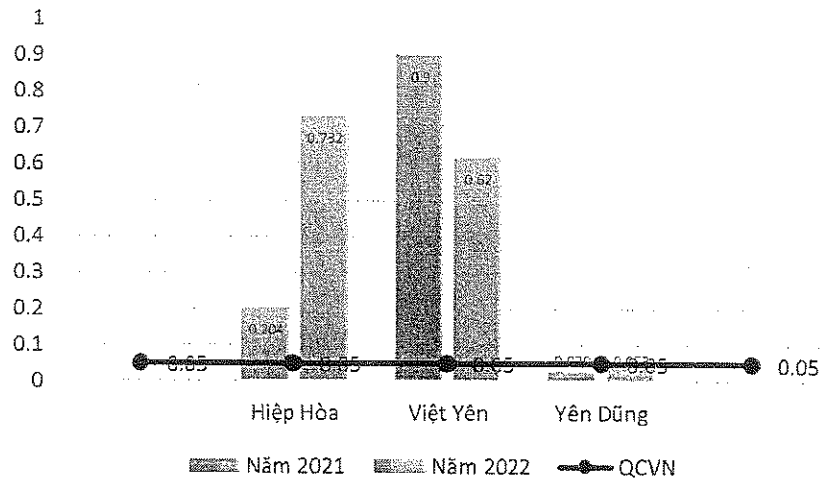
Kết quả đo COD trên sông Thương qua địa phận TP. Bắc Giang



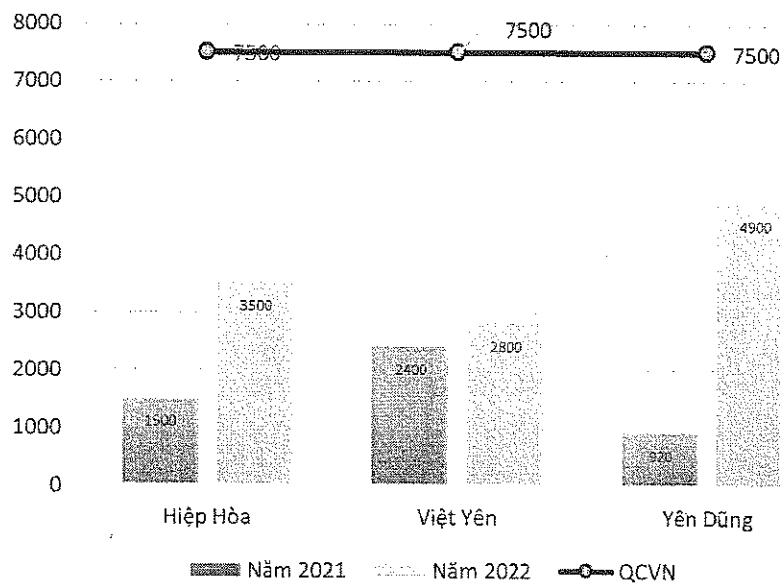
- Sông Cầu: Chất lượng nước sông Cầu so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1 - Quy chuẩn chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi. Tại 7/7 vị trí lấy mẫu có dấu hiệu ô nhiễm bởi các thông số hữu cơ ( $BOD_5$  vượt từ 1,31-1,74 lần; COD vượt 1,05-1,56 lần, Nitrit vượt 1,06-14,64 lần), kim loại nặng ( $Fe$  vượt từ 1,07 -2,71 lần,  $Hg$  vượt 2,2-10,6 lần), Coliform vượt 1,05 lần. Đoạn qua xã Quang Châu, sau điểm xả nước thải của KCN Quang Châu có hàm lượng Nitrit vượt 12,4 lần (năm 2021 vượt 18,0 lần). Nguyên nhân: Do nước thải của sông Ngũ Huyện Khê và các tỉnh đầu nguồn chảy xuống và khu dân cư, khu đô thị xung quanh xả nước thải ra sông Cầu...



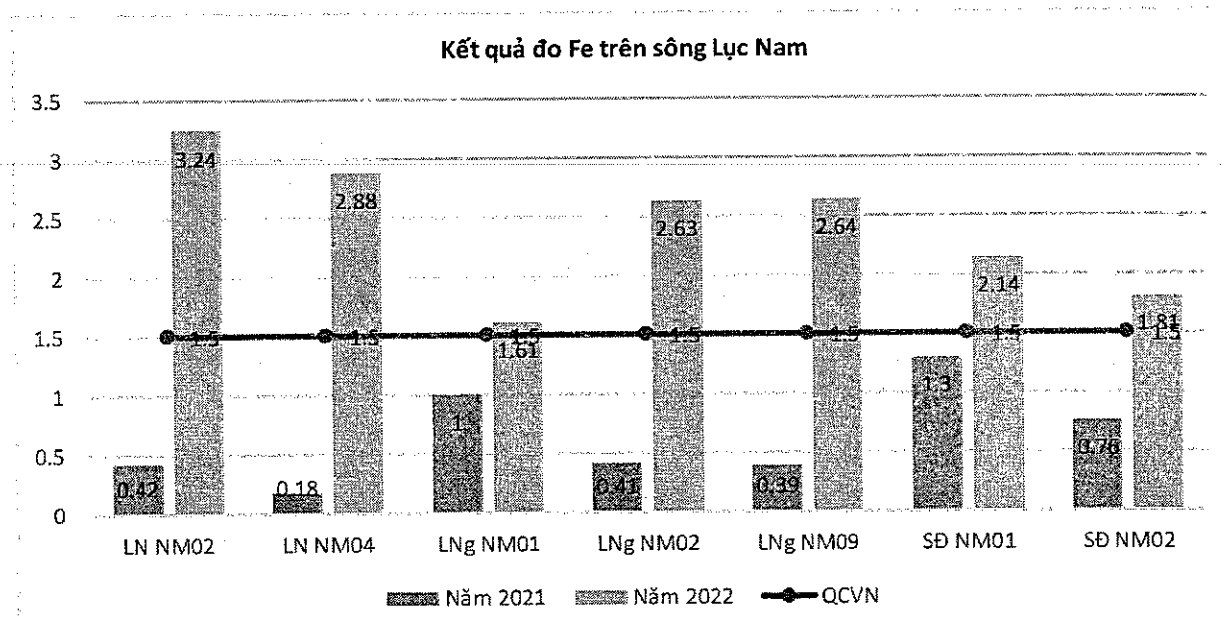
Kết quả đo Nitrit trên sông Cầu



Kết quả đo Coliform trên sông Cầu



- Sông Lục Nam: Chất lượng nước sông Lục Nam so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1 - Quy chuẩn chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi. Tại 9/9 vị trí lấy mẫu có dấu hiệu ô nhiễm bởi các thông số hữu cơ ( $BOD_5$  vượt 1,17 lần,  $COD$  vượt từ 1,04-1,31 lần, Nitrit 1,02-1,48 lần), kim loại nặng Fe vượt QCVN tại 7 vị trí trên địa bàn huyện Sơn Động, Lục Ngạn,



Lục Nam dao động trong khoảng 1,07 -2,16 lần, các thông số khác khác đều đạt quy chuẩn cho phép. Nguyên nhân: Do nước thải của các khu đô thị, khu dân cư xung quanh, hoạt động khai thác khoáng sản...

\* Hiện trạng, diễn biến môi trường nước một số hồ lớn:

Qua kết quả quan trắc một số hồ lớn (hồ Đá Ong, hồ Bầu Lầy, hồ Cẩm Sơn, hồ Làng Thum, hồ Suối Mỡ, hồ Suối Nứa, hồ Cầu Rễ): So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1 - Quy chuẩn chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi cho thấy:

+ 03 hồ có chất lượng nước còn khá tốt là: hồ Suối Nứa, hồ Suối Mỡ (huyện Lục Nam) và Hồ Làng Thum (huyện Lục Ngạn). Qua 02 đợt quan trắc không phát hiện ô nhiễm hoặc có phát hiện thì thông số và mức độ ô nhiễm không đáng kể. So với năm 2021 chất lượng nước các hồ Suối Nứa, hồ Suối Mỡ có chất lượng tốt hơn (Năm 2021 hồ suối Nứa ô nhiễm 2 thông số TSS và Fe mức độ ô nhiễm dao động trong khoảng 1,26 - 1,3 lần; hồ suối Mỡ ô nhiễm coliform 1,24 lần).

+ 04 hồ có dấu hiệu ô nhiễm với thông số và mức độ ô nhiễm, cụ thể:

Hồ Bầu Lầy (huyện Lục Ngạn): ô nhiễm bởi 02 thông số  $BOD_5$ ,  $COD$  với mức ô nhiễm dao động từ 1,03-1,07 lần, giảm hơn so với năm 2021 (năm 2021 mức ô nhiễm cao nhất là 1,47 lần).

Hồ Cẩm Sơn (huyện Lục Ngạn): ô nhiễm bởi 04 thông số Sắt, Kẽm, TSS, Nitrit với mức ô nhiễm dao động từ 1,77-2,99 lần, tăng so với năm 2021 (năm 2021 chưa phát hiện dấu hiệu ô nhiễm).

Hồ Cầu Rễ (huyện Yên Thế): ô nhiễm bởi 02 thông số  $COD$ ,  $BOD_5$  vượt

từ 1,57-1,61 lần, Coliform vượt 1,47 lần, giảm so với năm 2021 (năm 2021 mức độ ô nhiễm cao nhất là 1,71 lần).

Hồ Đá Ong (huyện Yên Thế): ô nhiễm bởi 03 thông số BOD<sub>5</sub>, COD, Coliform với mức ô nhiễm dao động từ 1,05-1,35 lần, tăng so với năm 2021. (năm 2021 chưa phát hiện dấu hiệu ô nhiễm).

- So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2- Quy chuẩn chất lượng nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt: Tất cả các hồ có thông số vượt quy chuẩn cho phép, cụ thể:

+ Hồ Bầu Lầy (huyện Lục Ngạn) có 05 thông số DO, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng dầu mỡ vượt QCVN từ 1,12-2,68 lần.

+ Hồ Cầm Sơn (huyện Lục Ngạn) có 08 thông số ô nhiễm TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Phosphat, Sắt, Kẽm, Nitrit, Tổng dầu mỡ vượt QCVN từ 1,04-4,49 lần.

+ Hồ Làng Thum (huyện Lục Ngạn) có 05 thông số ô nhiễm DO, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng dầu mỡ với mức ô nhiễm dao động từ 1,04-2,47 lần.

+ Hồ Cầu Rẽ (huyện Yên Thế) có 04 thông số ô nhiễm COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng dầu mỡ, Coliform vượt QCVN từ 1,57-4,02 lần.

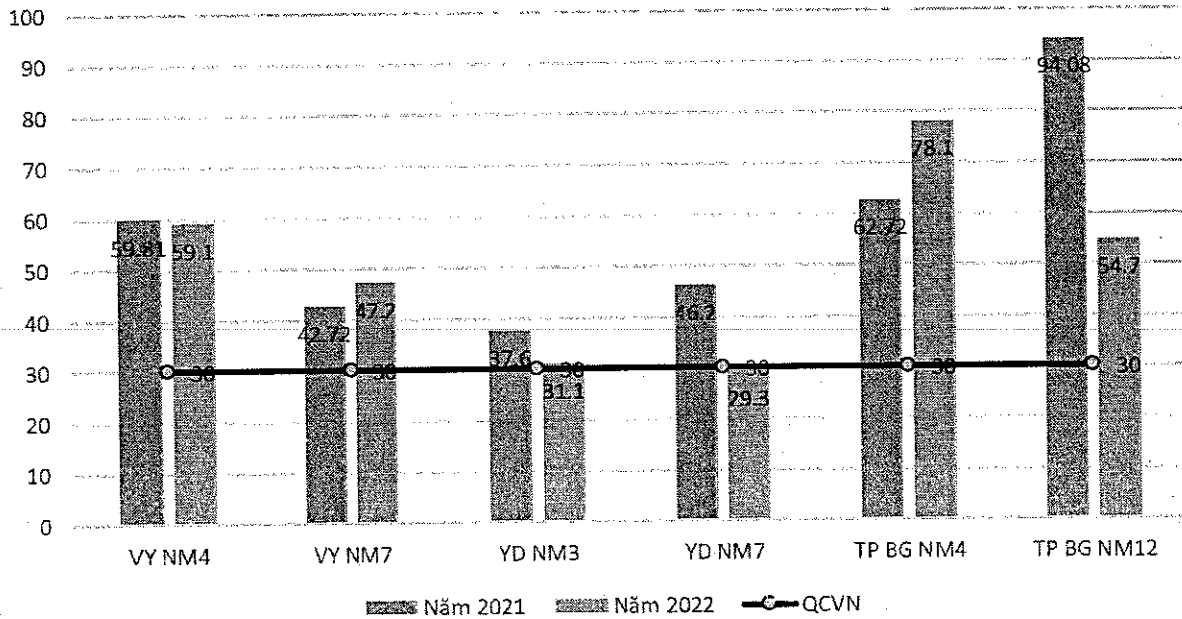
+ Hồ Suối Nứa (huyện Lục Nam) có 04 thông số ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng dầu mỡ vượt QCVN từ 1,05-1,78 lần.

+ Hồ Suối Mỡ (huyện Lục Nam) có 05 thông số ô nhiễm BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng dầu mỡ, Kẽm với mức ô nhiễm dao động từ 1,03-2,13 lần.

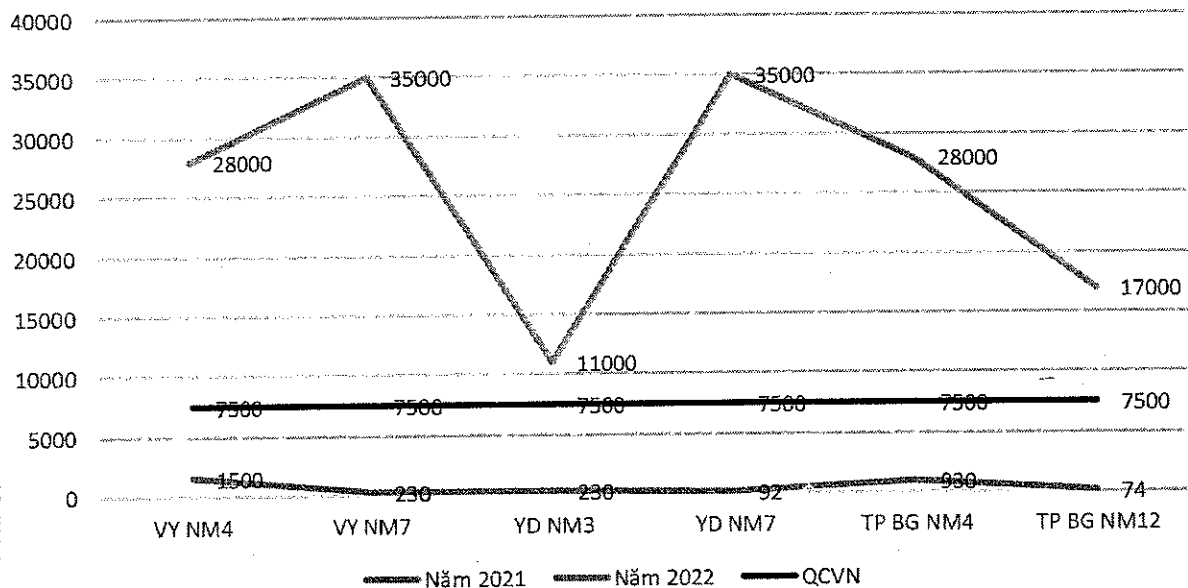
\* Hiện trạng, diễn biến môi trường nước mặt ao, hồ trong khu dân cư: Qua 02 đợt quan trắc hiện trạng môi trường năm 2022, tất cả các vị trí quan trắc (17/17) đều bị ô nhiễm bởi các thông số hữu cơ (DO, BOD<sub>5</sub>, COD, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Amoni), kim loại nặng (Fe, Hg), vi sinh vật (Coliform) vượt QCVN từ 1,02 - 45,8 lần (so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1) trong đó vị trí có mức ô nhiễm cao nhất là nước kênh T6, đoạn hợp lưu với kênh T3 xã Song Khê đặc trưng bởi thông số Nitrit vượt QCVN 45,8 lần. Mức độ ô nhiễm tăng hơn so với năm 2021 (năm 2021 mức độ ô nhiễm dao động từ 1,02-18,0 lần).

Nhìn chung, chất lượng ao, hồ, kênh, ngòi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ, bởi các chất hữu cơ, vi sinh vật, các kim loại nặng... Nguyên nhân: Ao, hồ, kênh, ngòi là nơi tiếp nhận nước thải các khu dân cư tập trung, từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm, làng nghề, hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; các ao, hồ, kênh, ngòi lưu giữ nước thải nhiều năm chưa được cải tạo, nạo vét. Hàm lượng ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm kim loại đang có dấu hiệu tăng, vì vậy cần có những biện pháp kiểm soát và cải thiện chất lượng tại các khu vực này.

**Kết quả COD ao hồ tại huyện Việt Yên, Yên Dũng và thành phố Bắc Giang**



**Kết quả Coliform ao hồ tại huyện Việt Yên, Yên Dũng và thành phố Bắc Giang**



### \* Môi trường nước dưới đất

Qua kết quả quan trắc đối với 29 vị trí nước dưới đất trong tháng 10 năm 2022 trên địa bàn tỉnh cho thấy: Số vị trí phát hiện ô nhiễm và thông số ô nhiễm có xu hướng giảm so với các năm trước, cụ thể đã phát hiện 12/29 vị trí ô nhiễm bởi các thông số: Amoni, Nitrat, Coliform, các kim loại nặng Chì, Thủy ngân, Sắt mức ô nhiễm cụ thể như sau:

+ Có 05 vị trí nước dưới đất bị ô nhiễm bởi các kim loại nặng Thủy ngân, Chì, Sắt với mức vượt QCVN dao động từ 1,5-3,0 lần.

+ Có 05 vị trí đã bị ô nhiễm hữu cơ, đặc trưng bởi các thông số Amoni, Nitrat với mức vượt QCVN từ 1,02 - 3,27 lần.

+ Có 04 vị trí bị ô nhiễm vi sinh vật, đặc trưng bởi thông số Coliform với mức vượt QCVN dao động từ 1,33 - 2,6 lần.

Nhìn chung, số vị trí quan trắc phát hiện ô nhiễm giảm so với năm 2021 cả về số điểm và mức độ ô nhiễm. Như vậy cho thấy chất lượng nước dưới đất đã được cải thiện, chưa bị ô nhiễm bởi các thông số pH, Nhiệt độ, Độ cứng, sunfat, Xianua, Clorua, Cd, Mn, Cu, Zn, As. Các kết quả quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09-MT: 2015/BTNMT.

Nguyên nhân chính chất lượng nước dưới đất có cải thiện do chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các khu, cụm công nghiệp đã được thu gom, xử lý. Tuy nhiên, chất thải từ các khu dân cư, bãi chôn lấp rác thải chưa được xử lý đảm bảo nhiều năm qua đã tích đọng lâu ngày, ngấm vào các mạch nước ngầm, gây ảnh hưởng ô nhiễm đến chất lượng nước dưới đất. Ngoài ra việc khai thác nước ngầm để phục vụ sinh hoạt nói riêng và sản xuất nói chung dẫn đến nhiều nguy cơ về lâu dài như sụt lún, giảm mực nước ngầm.

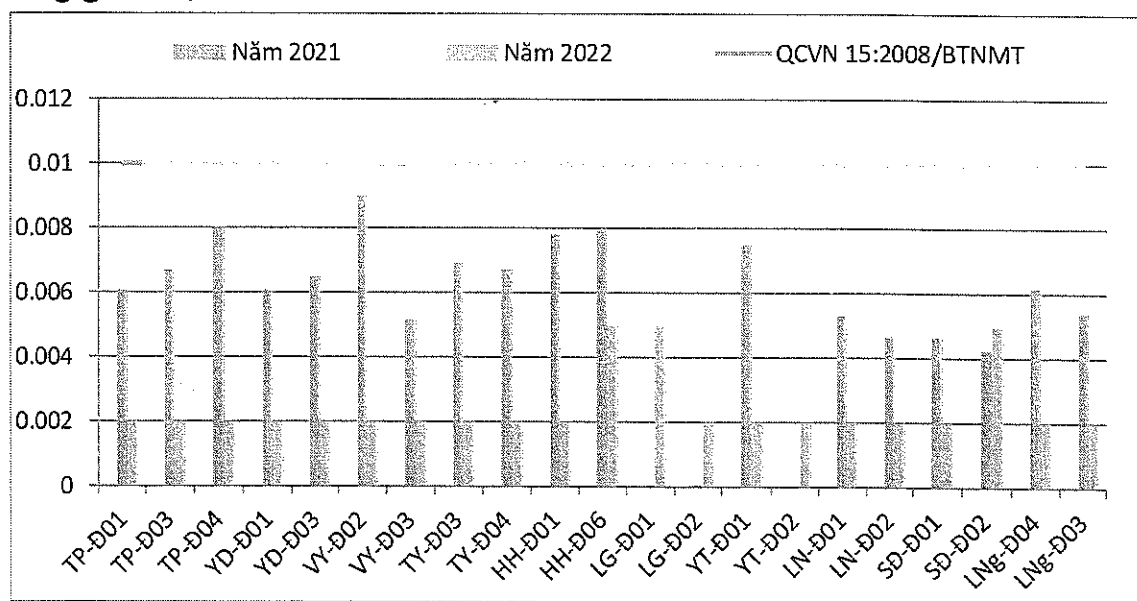
### 3. Môi trường đất

- Theo kết quả quan trắc năm 2022, chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì ổn định, không có dấu hiệu tăng, giảm khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn.

- Diễn biến chất lượng môi trường đất tại các điểm quan trắc ở các năm 2021, 2022 tại các vị trí quan trắc (19 vị trí trên 10 huyện, thành phố) đều chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm bởi các kim loại nặng Cu, Pb, Zn, Cd, As và dư lượng hóa chất thuốc bảo vệ thực vật.

- Kết quả cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực ô nhiễm môi trường đất: Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện nay chưa phát hiện khu vực đất bị ô nhiễm cần cải tạo, phục hồi môi trường.

Biểu đồ diễn biến dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (DDT) trong đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2022



Biểu đồ diễn biến dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (DDT) trong đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2022

## 4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

### 4.1. Đánh giá chung

- Theo quy hoạch, tỉnh Bắc Giang hiện có 01 khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (diện tích 12.452 ha), 01 khu bảo vệ cảnh quan suối Mỡ (diện tích 1.504 ha), 01 khu bảo vệ cảnh quan hồ Cẩm Sơn (diện tích 2.500 ha). Số lượng và diện tích các khu vực trên không thay đổi so với năm 2021. Theo kết quả theo dõi diễn biến rừng, đến 31/12/2021, diện tích đất có rừng (bao gồm cả diện tích rừng trồng chưa thành rừng) tỉnh Bắc Giang là 160.386 ha (rừng đặc dụng 12.956 ha, rừng phòng hộ 19.840 ha, rừng sản xuất 127.590 ha). Chia theo trạng thái rừng gồm rừng tự nhiên 55.494 ha, rừng trồng 92.716 ha, rừng mới trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng 12.176 ha.

- Theo số liệu thống kê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có các loài nguy cấp, quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ gồm: Thực vật 47 loài; động vật 51 loài; các loài đặc hữu 06 loài; các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh mục đỏ của IUCN 47 loài. Số loài và nguồn gen không có sự thay đổi so với năm 2021.

Nhìn chung, công tác bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang mới tập trung vào các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng; các nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học, nhất là bảo tồn phát triển các loài động, thực vật còn rất hạn chế; công tác điều tra, đánh giá hiện trạng và bảo tồn một số loài động, thực vật rừng quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng chưa được quan tâm đầu tư, triển khai.

### 4.2. Biểu đồ so sánh số liệu so sánh với năm trước

Số loài và nguồn gen không có sự thay đổi so với năm 2021.

## II. Bối cảnh kinh tế xã hội và các tác động chính đến môi trường

### 1. Thông tin chung về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Từ đầu năm đến nay tình hình kinh tế xã hội diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, lạm phát gia tăng, giá dầu tăng cao, xung đột quân sự trên thế giới diễn biến ngày càng phức tạp; trong nước giá xăng dầu tăng cao, giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tăng lên từng ngày, điều đó ảnh hưởng nặng nề cho hoạt động kinh tế xã hội cả nước nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng. Với sự chỉ đạo kịp thời, tích cực của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhằm triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp đảm bảo thực hiện tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh đảm bảo an sinh xã hội. Bởi vậy tình hình kinh tế-xã hội của tỉnh Bắc Giang 11 tháng đầu năm đạt được kết quả tích cực, cụ thể:

#### 1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp duy trì đà phục hồi mạnh, tạo động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ số sản xuất công nghiệp cả năm dự kiến tăng 30%<sup>1</sup>. Các sản phẩm công nghiệp chính có mức tăng mạnh; sản xuất được trên 1,7 tỷ chiếc mạch điện tích hợp, tăng 29,3%; 370 triệu thiết bị ngoại vi, tăng 39%; 500 nghìn tấn

<sup>1</sup> Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 33%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước tăng 17%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 6%; Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,5%.

phân bón, tăng 23%; 445 triệu sản phẩm may mặc, tăng 32%...Giá trị sản xuất công nghiệp cả năm ước đạt 407.930 tỷ đồng, vượt 11,3% kế hoạch.

### *1.2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản*

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản duy trì tăng trưởng. Giá trị sản xuất toàn ngành cả năm dự kiến tăng 2,1%, trong đó, nông nghiệp tăng 2%; lâm nghiệp tăng 0,2%, thủy sản tăng 5,6%. Giá trị sản xuất đạt 37.680 tỷ đồng, đạt 96,1% kế hoạch. Toàn tỉnh có 205 phẩm OCOP, tăng 50 sản phẩm so với năm 2021, vượt 13,9% kế hoạch.

### *1.3. Hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu*

Các hoạt động dịch vụ sôi động trở lại nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh đã giúp ngành dịch vụ phục hồi và phát triển tích cực. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng 9,1%, đạt 47.525 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch. Tổng giá trị xuất, nhập khẩu cả năm 2022 ước đạt 43,7 tỷ USD, tăng 40% so với năm 2021, vượt 16% kế hoạch; trong đó xuất khẩu đạt 22,6 tỷ USD, tăng 42,4%; nhập khẩu 21,1 tỷ USD, tăng 38,1%.

### *1.4. Thu ngân sách nhà nước*

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 ước đạt 18.077 tỷ đồng, bằng 82,6% năm 2021, vượt 26,9% dự toán; trong đó, thu nội địa 16.311 tỷ đồng, vượt 30,0% dự toán; thu thuế xuất nhập khẩu 1.766 tỷ đồng, vượt 3,9% dự toán.

Có 15/16 khoản thu nội địa đạt và vượt dự toán, trong đó có các khoản thu quan trọng như: Thu tiền sử dụng đất 9.616 tỷ đồng, vượt 36,8%, DN có vốn đầu tư nước ngoài 1.230 tỷ đồng, vượt 2,5%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.471 tỷ đồng, vượt 22,6%, thuế thu nhập cá nhân 1.211 tỷ đồng, vượt 40,8%.

## **2. Các tác động chính đến môi trường**

Sản xuất công nghiệp năm 2022 dự kiến tăng 30% so với cùng kỳ năm 2021, xây dựng tăng 7%, nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,1%, dịch vụ tăng 9,1%... sẽ gia tăng tác động đến môi trường do gia tăng phát sinh chất thải rắn, nước thải, khí thải và chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ các hoạt động sinh hoạt, sản xuất, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ,...

Phần lớn các đô thị trên địa bàn tỉnh (17/18 đô thị), nước thải sinh hoạt được xử lý bằng công trình tại chỗ chưa được thu gom, xử lý tập trung là một trong các nguồn gây áp lực đáng kể lên môi trường tiếp nhận nước thải.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên chất thải y tế nhiễm thành phần nguy hại có xu hướng tăng lên.

## **III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường**

### **1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm**

Trên địa bàn tỉnh đã có 05 KCN và 30 CCN đang hoạt động và triển khai thu hút đầu tư, 18 đô thị (trong đó: 01 đô thị loại II, 03 đô thị loại IV và 14 đô thị loại V), 27 làng nghề truyền thống được công nhận.

1.1. Tỷ lệ KCN, CCN, làng nghề có hệ thống nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ các cơ sở

sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và môi trường theo quy định:

\* Khu công nghiệp: Trên địa bàn tỉnh có 5 KCN đang hoạt động, trong đó 100% KCN có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, cụ thể:

- KCN Đình Trám: nước thải phát sinh khoảng 610 m<sup>3</sup>/ngày, được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất là 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

- KCN Quang Châu: nước thải phát sinh 13.200 m<sup>3</sup>/ngày và được xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 19.000 m<sup>3</sup>/ngày đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT.

- KCN Song Khê - Nội Hoàng:

+ Khu phía Bắc: phát sinh khoảng 3.540 m<sup>3</sup>/ngày, trong đó: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, thực tế hiện nay đang thu gom và xử lý 960m<sup>3</sup>/ngày. Ngoài ra Công ty TNHH KHKT năng lượng mặt trời Boviet và Nhà máy giấy Xương Giang phát sinh 2.580 m<sup>3</sup>/ngày, tự xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT và xả trực tiếp ra ngoài môi trường (không đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN).

+ Khu phía Nam: phát sinh khoảng 450 m<sup>3</sup>/ngày được xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT.

- KCN Vân Trung:

+ Phần do Công ty TNHH Fugiang làm chủ đầu tư: nước thải phát sinh khoảng 7.500 m<sup>3</sup>/ngày được xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT.

+ Phần do Công ty cổ phần S&G làm chủ đầu tư: nước thải phát sinh 1.700m<sup>3</sup>/ngày được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000m<sup>3</sup>/ngày, đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT.

- KCN Hòa Phú: Lượng nước thải phát sinh khoảng 600 m<sup>3</sup>/ngày được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000m<sup>3</sup>/ngày đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT.

\* Cụm công nghiệp: Trên địa bàn tỉnh có 30 CCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 952,19 ha (16 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư, 14 CCN do Trung tâm phát triển quỹ đất và CCN huyện, thành phố làm chủ đầu tư). Trong đó: 16/30 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung (đạt 53,3%).

\* Làng nghề: Toàn tỉnh có 27 làng nghề được công nhận, trong đó: 8 làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm (chiếm 29,6%), 12 làng nghề thủ công mỹ nghệ (chiếm 44,4%), 4 làng nghề làm đồ gia dụng (14,8%), 1 làng nghề vận tải đường sông (3,7%) và 2 làng nghề sinh vật cảnh (7,4%). Có 21/27 làng nghề (đạt 77,8%) có phương án bảo vệ môi trường làng nghề được phê duyệt; Có 2 làng nghề (*làng nghề Thổ Hà và làng nghề Vân Hà*) phát sinh nhiều nước thải đã có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m<sup>3</sup>/ngày đêm.



\* Khu đô thị:

Toàn tỉnh Bắc Giang có 18 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại II là thành phố Bắc Giang (cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại I); 03 đô thị loại IV (thị trấn Thắng, thị trấn Chũ và thị trấn Đồi Ngô) và 14 đô thị loại V (gồm các thị trấn: Nham Biền, Tân An, Cao Thượng, Nhã Nam, Phồn Xương, Bó Hạ, Vôi, Kép, Nénh, Bích Động, An Châu, Tây Yên Tử, Phương Sơn, Bắc Lý). Tỷ lệ dân số đô thị (đến tháng 6/2022) chiếm 23,9% (ứng với 446.550 người).

Thành phố Bắc Giang được đã đầu tư hoàn thành hệ thống xử lý nước thải 02 modul với công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, đã vận hành ổn định, thu gom xử lý nước thải cho thành phố Bắc Giang đạt tỷ lệ khoảng 85%. Các đô thị còn lại (17/18) phần lớn nước thải sinh hoạt chưa được thu gom, xử lý. Bên cạnh đó các dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư, tòa chung cư mới thành lập đều phải xây dựng hệ thống, công trình xử lý nước thải tập trung theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường được phê duyệt.

\* Khu vực nông thôn:

Nước thải sinh hoạt được các hộ gia đình thu gom bằng bể tự hoại; nước thải chăn nuôi được thu gom bằng bể biogas xử lý trước khi thải ra môi trường. Nguồn thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp từ một số cơ sở chăn nuôi quy mô lớn đầu tư và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom, xử lý nước thải phát sinh như Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động, Công ty TNHH RTD Bắc Giang, Hộ kinh doanh Trần Công Sở, ...

\* Việc lắp đặt các trạm quan trắc tự động đạt 100% đối tượng, cụ thể: Đến nay có 24 doanh nghiệp lắp trạm quan trắc tự động và truyền số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường với tổng số 48 trạm quan trắc tự động trong đó có 30 trạm khí thải và 18 trạm nước thải.

1.2. Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm: *Phụ lục I kèm theo.*

## 2. Quản lý chất thải, phế liệu

### a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh là 932,73 tấn/ngày (đô thị 324,95 tấn/ngày, nông thôn 707,78 tấn/ngày). Trong đó khối lượng thu gom 860,32 tấn/ngày (đô thị 318,12 tấn/ngày, nông thôn 542,2 tấn/ngày); xử lý 803,38 tấn/ngày (đô thị 315,69 tấn/ngày, nông thôn xử lý 487,21 tấn/ngày).

- Toàn tỉnh có 64 cơ sở xử lý CTRSH, trong đó có 03 bãi chôn lấp CTRSH. Một số khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung lớn của tỉnh như:

+ Khu xử lý rác thải tập trung thị trấn Nham Biền hoạt động từ tháng 11/2021 Công ty Cổ phần Đầu tư xử lý môi trường Bắc Giang đưa vào vận hành dây truyền sàng tuyển, phân loại rác; rác sau khi phân loại cơ bản đã được xử lý hết trong ngày bằng lò đốt cho 13 xã, thị trấn.

+ Nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01 tại khu Dọc Tranh, thôn Cai Lé, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang của Công ty cổ phần thương mại Thành Đạt đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 7/2022, hiện nay đang xử lý khoảng 50-60 tấn/ngày.

+ Khu xử lý rác thải tập trung tại xã Thượng Lan và thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, xử lý rác thải cho 16/18 xã thị trấn.

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Tổng khối lượng phát sinh khoảng: 2.271 tấn/ngày (828.915 tấn/năm), tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100%, trong đó khối lượng chất thải được thu gom để tái sử dụng, tái chế khoảng 2.000 tấn/ngày (730.000 tấn/năm); khối lượng chất thải được tiêu hủy khoảng 271 tấn/ngày (98.915 tấn/năm).

- Trên địa bàn tỉnh có 01 khu xử lý chất thải rắn công nghiệp (Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và tái chế phế liệu thuộc Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình); ngoài ra còn có các doanh nghiệp thực hiện tái chế phế liệu, chất thải (cơ sở tái chế thép, sản xuất bao bì nhựa, sản xuất giấy, sản xuất gạch không nung,...).

c) Quản lý chất thải nguy hại:

- Qua số liệu thống kê từ báo cáo của các chủ nguồn thải, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 121 tấn/ngày. Các chủ nguồn thải đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, đạt 90%.

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh khoảng 1,2 tấn/ngày. Các bệnh viện, cơ sở y tế đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Cơ sở xử lý CTNH: Trên địa bàn tỉnh có Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và tái chế phế liệu thuộc Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (địa chỉ tại tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng) được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép quản lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.014.VX, thực hiện xử lý chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế và chất thải nguy hại.

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 04 đơn vị được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

+ Công ty TNHH sản xuất AC&T Vina được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 83/GXN-BTNMT ngày 09/7/2018 và Thông báo số 67/TB-BTNMT ngày 08/4/2022 của Bộ TN&MT, phế liệu nhập khẩu là nhôm phế liệu và mảnh vụn. Khối lượng được phép nhập khẩu 8.800 tấn/năm. Khối lượng đã nhập khẩu từ đầu năm 2022 đến 30/10/2022 là 63,426 tấn (qua cửa khẩu Cảng Hải Phòng).

+ Công ty TNHH Bắc Hà được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 41/GXN-BTNMT ngày 04/4/2019, phế liệu nhập khẩu là: giấy krap hoặc bìa krap hoặc giấy hoặc bìa sóng chưa tẩy trắng; loại khác kể cả phế liệu vụn thừa chưa phân loại. Khối lượng được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận: 39.000 tấn. Khối lượng nhập khẩu từ đầu năm 2022 đến 30/10/2022 là 3.049,17 tấn (qua cửa khẩu Cảng Hải Phòng).

+ Chi nhánh Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Liên Minh được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 31/GXN-BTNMT ngày 22/3/2019, phế liệu nhập khẩu là phế liệu và mẩu vụn nhựa các loại. Khối lượng được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận là 312.380 tấn. Khối lượng nhập khẩu từ đầu năm 2022 đến 30/10/2022 là 7.623,33 tấn.

+ Công ty TNHH Bedra Việt Nam được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 212/GPMT-BTNMT ngày 12/9/2022, phế liệu nhập khẩu là đồng phế liệu và mảnh vụn. Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu 7.220 tấn/năm. Từ đầu năm đến nay, Công ty TNHH Bedra Việt Nam chưa nhập khẩu phế liệu phục vụ sản xuất.

- Tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu của các cơ sở trên địa bàn trong năm 2022: Nhôm: 63,426 tấn; Giấy: 3.049 tấn; Nhựa: 7.623,22 tấn.

đ) Bảng tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu: *Tại Phụ lục II kèm theo.*

### **3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường:**

3.1. Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước, không khí; quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất

- Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước:

+ Nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nước trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 về quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh; Triển khai Kế hoạch Điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo định kỳ, trong đó có nội dung đánh giá chất lượng các nguồn thải vào môi trường nước mặt.

+ Công tác phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước được quan tâm: Quan tâm việc nâng cao chất lượng hoạt động đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường. Đối với các dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị khi thẩm định, phê duyệt đều được yêu cầu đầu tư Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung hoặc đầu nối với trạm xử lý nước thải của khu vực, đảm bảo khi dự án đi vào vận hành toàn bộ nước thải đều được xử lý đạt Quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

+ Về kiểm soát và khắc phục các nguồn ô nhiễm: Các cơ sở phát sinh nguồn nước thải lớn vào môi trường đã lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, đến nay có 18 trạm quan trắc tự động đối với nước thải: 100% các khu công nghiệp đi vào hoạt động đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải; Có 03/16 CCN có hệ thống xử lý nước thải đã lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động đối với nước thải.

+ Công tác kiểm tra, giám sát tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực giáp ranh được quan tâm, kịp thời phối hợp giải quyết, như tình trạng ô nhiễm nguồn nước sông Cầu do hoạt động xả thải từ sông Ngũ Huyện Khê, tỉnh Bắc Ninh (từ đầu năm 2022 đến nay 02 lần xảy ra tình trạng xả thải gây ô nhiễm môi trường sông Cầu tại địa phận tỉnh Bắc Giang vào tháng 3 và tháng 10 năm 2022, tình

Bắc Giang đã có kịp thời có văn bản đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh giải quyết). tình trạng xả bụi, khí thải gây ô nhiễm của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương giải quyết).

Công tác kiểm soát ô nhiễm từ các cơ sở đang hoạt động được tăng cường, từ tháng 01/2022 đến 30/10/2022 đã kịp thời phát hiện, xử lý 52 cơ sở vi phạm với tổng số tiền phạt 3.248 triệu đồng; ngoài ra tổ chức làm việc, xem xét giải quyết 12 đơn thư, phản ánh về môi trường, trong đó có cơ sở chăn nuôi phát sinh nguồn nước thải lớn là Công ty CP chăn nuôi Sơn Động.

+ Khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Tỉnh Bắc Giang đã hoàn thành khắc phục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối với 23/23 cơ sở (đạt 100%) từ năm 2021. Năm 2022 không phát sinh thêm cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất:

Môi trường đất tỉnh Bắc Giang chưa có dấu hiệu ô nhiễm, công tác tuyên truyền, triển khai nhiều mô hình như "Giảm thiểu rủi ro thuốc bảo vệ thực vật và sản xuất rau, cây ăn quả an toàn theo hướng VietGAP, GlobalGap". Vùng sản xuất vải thiều xuất khẩu Lục Ngạn, vùng trồng rau an toàn tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP Yên Dũng, TP Bắc Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên được triển khai giúp hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV đã hạn chế ô nhiễm môi trường đất do hóa chất thuốc bảo vệ thực vật.

- Quản lý, cải thiện chất lượng không khí:

Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 268/UBND-KTN ngày 18/01/2022 đồng ý chủ trương xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2025. Tuy nhiên do nguồn kinh phí bố trí thực hiện nhiệm vụ chưa đảm bảo, do vậy nhiệm vụ này dự kiến sẽ triển khai trong năm 2023.

Các cơ sở phát sinh nguồn thải lớn thuộc đối tượng thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao như sản xuất pin, linh kiện điện tử, hóa chất, tái chế kim loại, giấy, xi măng... phải lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động liên tục, đến nay có 30 trạm quan trắc tự động khí thải đã được các doanh nghiệp lắp đặt và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

3.2. Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường; tỷ lệ các khu vực môi trường bị ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường:

- Trên địa bàn tỉnh có 119 mỏ khai thác khoáng sản (than, quặng đồng, barit, đá làm vật liệu xây dựng, đất sét gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, cát, sỏi) đã thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường với tổng số tiền ký quỹ năm 2022 là 1,8 tỷ đồng (tổng số tiền ký quỹ lũy kế là 53 tỷ đồng).

- Năm 2022, trên địa bàn tỉnh không phát sinh khu vực môi trường bị ô nhiễm cần phải xử lý cải tạo phục hồi môi trường.

3.3. Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh 41.810 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phố Bắc Giang có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 85%; Thị trấn Thắng có hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu dân cư số 3 thị trấn Thắng đã được Công ty cổ phần Detech Land đầu tư và vận hành trạm xử lý nước thải công suất 800m<sup>3</sup>/ngày, đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 15%; 16 thị trấn còn lại chưa có Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, nước thải sinh hoạt được xử lý bằng công trình, thiết bị tại chỗ như bể tự hoại, bể bigogas.

*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*

#### **4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

##### *4.1. Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường năm 2022*

+ Tỉnh Bắc Giang được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, trong đó đã bao gồm mục về quy hoạch bảo vệ môi trường.

+ UBND tỉnh ban hành Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 ban hành Quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh.

+ UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 14/10/2022.

+ Tỉnh đã triển khai nhiệm vụ: “Điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh” báo cáo Bộ Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

- UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

##### *4.2. Kết quả xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường*

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai đầu tư và chuẩn bị xây dựng 01 trạm quan trắc không khí tại thành phố Bắc Giang. Tỉnh Bắc Giang đang triển khai đầu tư và chuẩn bị xây dựng 05 trạm quan trắc môi trường nước mặt, 02 trạm quan trắc không khí. Thành phố Bắc Giang đang triển khai đầu tư và chuẩn bị xây dựng 03 trạm quan trắc không khí.

Toàn tỉnh đang duy trì hoạt động hệ thống quan trắc môi trường tự động với 24 cơ sở gồm 18 trạm nước thải và 30 trạm khí thải.

##### *4.3. Kết quả thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường*

+ Trên địa bàn tỉnh đến thời điểm báo cáo không xảy ra sự cố môi trường.

+ Các dự án, cơ sở sản xuất xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường và kế

hoạch phòng ngừa sự cố môi trường; Các cơ sở sử dụng hóa chất có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

*4.4. Kết quả xử lý các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn*

Tính đến 31/10/2022, toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 12/12 lượt thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn, đạt 100%. Trong đó, có một số phản ánh điển hình:

+ Dư luận xã hội và ý kiến cử tri huyện Yên Dũng phản ánh về việc Nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại (thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương) xả khói thải có màu đen kèm theo bụi gây ảnh hưởng đến môi trường, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân. Tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với tỉnh Hải Dương làm việc và đề nghị Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại thực hiện ngay các biện pháp rà soát, kiểm tra toàn bộ các quy trình, công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải, bụi than để khắc phục, xử lý kịp thời; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh có Công văn số 1009/TNMT-BVMT ngày 18/4/2022 đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, giải quyết.

+ Cử tri huyện Việt Yên, huyện Yên Dũng phản ánh về việc ô nhiễm môi trường nước sông Cầu có màu đen, mùi khó chịu, gây hiện tượng cá chết...: UBND tỉnh, UBND huyện Việt Yên đã có các văn bản chỉ đạo xử lý kịp thời và báo cáo Tổng cục Môi trường như: Công văn số 700/UBND-TNMT ngày 12/3/2022 của UBND huyện Việt Yên, Công văn số 3323/TNMT-BVMT ngày 06/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Tổng cục Môi trường đã có Công văn số 808/TCMT-MTMB về việc giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường nước sông Cầu do hoạt động xả thải từ sông Ngũ huyện Khê gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh đề nghị kiểm tra và giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường nêu trên.

+ Các ý kiến, kiến nghị, phản ánh của nhân dân, các cơ quan thông tấn báo chí, các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kịp thời chuyển đến UBND huyện, thành phố và cơ quan liên quan để phối hợp, xử lý theo thẩm quyền (điển hình như đề nghị UBND các huyện: Việt Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Lục Nam, Lục Ngạn, Tân Yên chỉ đạo, giải quyết các điểm tồn lưu rác thải không đúng quy định).

**5. Việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (nếu có); lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung**

Trong năm 2022 tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát các nguồn thải phát sinh và bảo vệ môi trường như: Thành phố Bắc Giang đang xây dựng CCN Bãi Ôi, CCN làng nghề Đa Mai để di dời các cơ sở sản xuất trong khu vực làng nghề, khu vực dân cư tập trung. Làng nghề nấu rượu Vân Hà đã được đầu tư các công trình BVMT đưa ra khỏi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

**6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học**

- Tỉnh đã triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, trong đó đã bao gồm các nội dung về Phương án bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên cụ thể:

+ Khu bảo tồn đa dạng sinh học Tây Yên Tử (thuộc địa phận xã Thanh Luận, thị trấn Tây Yên Tử - huyện Sơn Động và xã Lục Sơn - huyện Lục Nam) 7.594 ha, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt Tây Yên Tử - Lục Sơn: 2.796 ha.

+ Khu bảo tồn đa dạng sinh học Rừng nguyên sinh Khe Rỗ (xã An Lạc - huyện Sơn Động), diện tích khoảng 5.078 ha, vùng bảo vệ nghiêm ngặt Khe Rỗ: 2.652 ha;

+ Khu bảo tồn cảnh quan sinh thái đa dạng sinh học Suối Mỡ (xã Nghĩa Phương - huyện Lục Nam), diện tích khoảng 1.038 ha.

+ Khu bảo tồn cảnh quan sinh thái hồ Cẩm Sơn (thuộc địa phận các xã Sơn Hải, Hộ Đáp, Cẩm Sơn, Tân Sơn - Lục Ngạn), diện tích khoảng 2.600 ha (trong đó, diện tích khu vực lòng hồ khoảng 2.600ha)

+ Khu bảo tồn hệ sinh thái vườn Cò (02 khu thuộc xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang và xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa).

- Phát triển, mở rộng Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử với quy mô 12.172,2 ha rừng và đất rừng đặc dụng, trong đó phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là 5.448,3ha, phân khu phục hồi sinh thái là 6.523,9 ha, phân khu hành chính dịch vụ là 200 ha; Mở rộng Khu bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ với quy mô 1.504,8 ha.

- Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm

+ Ban hành Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

+ Các loài và nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm được bảo tồn và phát triển bền vững; duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm thúc đẩy phát triển bền vững; nâng cao chất lượng và tăng diện tích của các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ; Cải thiện về chất lượng và số lượng quần thể các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo đảm: không gia tăng số lượng loài bị tuyệt chủng, cải thiện đáng kể tình trạng một số loài nguy cấp, quý, hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng; kiểm kê, lưu giữ và bảo tồn các nguồn gen (vật nuôi, cây trồng, vi sinh vật) bản địa, nguy cấp, quý, hiếm, bảo đảm các nguồn gen bản địa, quý, hiếm không bị suy giảm; thiết lập các hành lang đa dạng sinh học kết nối các sinh cảnh nơi có các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Quản lý nguồn gen và an toàn sinh học: Các loài động, thực vật rừng có nguồn gen đặc hữu được quản lý, bảo vệ góp phần bảo tồn hệ sinh thái rừng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã phát hiện sự có mặt của 1.335 loài thực vật bậc cao có mạch, thuộc 730 chi của 194 họ, trong 6 ngành thực vật; trong đó, riêng khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử có 1.165 loài, thuộc 677 chi của 187

họ, trong 6 ngành thực vật; khu bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ có 424 loài, thuộc 310 chi của 117 họ, trong 4 ngành thực vật. Về động vật có 25 bộ, 61 họ, 154 loài thuộc các lớp Thú, Chim, Bò sát, Ếch nhái; trong số này có 27 loài được liệt kê trong danh mục đỏ của IUCN 2007, 30 loài trong SĐVN 2007, 16 loài trong Nghị định 64/2019/NĐ-CP; 27 loài trong công ước CITES.

- Phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên

+ Bảo vệ, phát triển hệ động, thực vật hiện có trong Khu bảo tồn, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu nhằm phục hồi môi trường sinh thái rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới và rừng kín thường xanh mưa ẩm á nhiệt đới có tính đa dạng sinh học cao; cân bằng sinh thái nhằm tăng độ che phủ rừng, tăng chất lượng rừng; phát huy tiềm năng của khu rừng về giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học.

+ Bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, loài và nguồn gen đặc thù vốn có trong các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước.

+ Bảo vệ, phát triển cảnh quan hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước và phát triển bền vững các giá trị lịch sử, văn hóa, đa dạng sinh học trong khu vực; phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường.

- Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

*Tại Phụ lục IV kèm theo.*

**IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường**

**1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện**

1.1. Trên cơ sở quy định của Trung ương năm 2022, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện về bảo vệ môi trường, điển hình:

- Văn bản pháp luật:

+ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh về việc quy định một số nội dung thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

+ Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (bao gồm nội dung quản lý môi trường).

+ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

+ Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ môi trường:



+ Hướng dẫn số 52-HD/BTGTU ngày 17/10/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Giang Tuyên truyền an ninh môi trường phục vụ phát triển bền vững đất nước.

+ Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 19/3/2022 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực Môi trường;

+ Kế hoạch số 1026/KH-UBND ngày 15/10/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030.

+ Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2022;

+ Công văn số 3470/UBND-KTN ngày 20/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chỉ đạo, tập trung triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến cấp huyện, xã theo Công văn số 3956/BTNMT-TCMT ngày 13/7/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Công văn số 1923/UBND-KTN ngày 04/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh theo Công văn số 2180/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Công văn số 2219/UBND-KTN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc báo cáo việc triển khai, áp dụng định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đề nghị tại Công văn số 2639/BTNMT-TCMT ngày 17/5/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Hàng tháng UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tập trung đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường

+ Kế hoạch số 559/KH-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh về ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh Bắc Giang.

- Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường của quốc gia trên địa bàn.

- Tỉnh Bắc Giang đã xây dựng Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022, trong đó nội dung bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu là một phần của Quy hoạch tỉnh.

- Các dự án đầu tư khi lập thủ tục môi trường (báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường) phải đánh giá sự phù hợp của dự án về nội dung môi trường trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang được phê duyệt tại Quyết

định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2. Đánh giá chung công tác xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật do địa phương ban hành:

Công tác xây dựng các văn bản pháp luật được triển khai với sự tham gia tích cực của các ngành và địa phương, sự kiểm tra, thẩm định chuyên môn của Sở Tư pháp, do vậy công tác xây dựng và ban hành được triển khai đúng quy định.

Công tác thực thi các văn bản pháp luật đã xây dựng được triển khai thuận lợi và đúng quy định từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

## 2. Giải quyết thủ tục hành chính

- UBND tỉnh ban hành các Quyết định quy định trình tự giải quyết thủ tục hành chính như: Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 19/3/2022 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 796/QĐ-TNMT ngày 27/9/2022 về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện trong lĩnh vực môi trường

- Số lượng thủ tục hành chính đã giải quyết trong năm

Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường tiếp tục được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chất lượng, kịp thời. Kết quả, từ tháng 11/2021 (thời điểm số liệu báo cáo năm 2021) đến tháng 10/2022 đã phê duyệt 133 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường; 76 giấy phép môi trường (trong đó cấp tỉnh cấp 60 giấy phép; cấp huyện cấp 17 giấy phép).

Nhìn chung việc triển khai thực hiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường được triển khai thường xuyên, kịp thời, đảm bảo quy định, tiến độ về thời gian. Chi tiết hồ sơ về môi trường đã phê duyệt và xác nhận trong năm: *tại Phụ lục V kèm theo.*

*\* Khó khăn, bất cập trong việc giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:*

Luật Bảo vệ môi trường năm 2022 quy định về đối tượng lập báo cáo ĐTM, GPMT và xác định thẩm quyền thẩm định của cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp huyện rất khó khăn, cụ thể như:

+ Việc xác định đối tượng phải thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường: các dự án có quy mô là lắp ráp linh kiện điện tử, nhưng mục tiêu là sản xuất linh kiện điện tử, gặp khó khăn về cách thức xác định dự án đó có thuộc loại hình sản xuất linh kiện điện tử theo Quy định tại phụ lục II Danh mục các dự án thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Đối với các dự án sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử: quy mô từ 01 triệu sản phẩm/năm trở lên, thuộc đối tượng thẩm định ĐTM của Bộ Tài nguyên và

Môi trường...), tuy nhiên trên thực tế có nhiều dự án sản xuất linh kiện điện tử chủ yếu là lắp ráp hoặc gia công một phần, một công đoạn, thuê nhà xưởng hoặc đầu tư vào khu công nghiệp gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục môi trường trình cấp Bộ phê duyệt.

+ Nhiều dự án có quy mô nhỏ, tác động tới môi trường không lớn như đầu tư, cải tạo, mở rộng trường học, trụ sở cơ quan hành chính... nhưng có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa do vậy dự án vẫn thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường.

+ Việc quy định 03 mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường gây khó khăn khi xác định áp dụng quy trình thẩm định.

+ Việc xin ý kiến (tham vấn trên mạng) chưa phát huy hiệu quả, thực tế trên địa bàn tỉnh từ năm 2022 đến nay không nhận được ý kiến đóng góp, phản hồi nào. Việc tham vấn cộng đồng chịu tác động, có nhiều dự án đối tượng chịu tác động trực tiếp, gián tiếp khá lớn nhưng chưa quy định lệ đại biểu đến tham dự bao nhiêu là đảm bảo phù hợp,...

### **3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường**

- Tình hình tổ chức các hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật liên quan được các cấp, ngành của tỉnh triển khai thực hiện thường xuyên và tổ chức kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, phản ánh về ô nhiễm môi trường; tổ chức đoàn thanh tra liên ngành về lĩnh vực đầu tư, đất đai, thuế và bảo vệ môi trường, các đoàn thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề,....

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên tiếp nhận và giải quyết các thông tin phản ánh của người dân, doanh nghiệp và báo chí về tình hình ô nhiễm môi trường. Năm 2022, toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 12/12 lượt đơn thư phản ánh, kiến nghị của nhân dân và các kênh truyền thông, báo chí về tình hình ô nhiễm môi trường; trên địa bàn tỉnh không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo về môi trường. Các vụ việc thông tin, phản ánh về tình trạng gây ô nhiễm môi trường đã được giải quyết kịp thời, hiệu quả, tình trạng vi phạm gây ô nhiễm về môi trường được xử lý.

Một số kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị điển hình như: Đã tổ chức kiểm tra, xác minh đối với phản ánh của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang đối với 12 doanh nghiệp hoạt động trong KCN Song Khê - Nội Hoàng và KCN Đình Trám xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép, qua đó yêu cầu các doanh nghiệp phải xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra hệ thống thu gom nước thải của KCN; kiểm tra, xác minh đối với phản ánh của nhân dân khu vực xung quanh Công ty cổ phần Sơn Thạch tại CCN Nội Hoàng về việc phát sinh, bụi, khí thải gây ảnh hưởng xấu đến môi trường (xảy ra chủ yếu vào ban đêm).

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm:

Cấp tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 56 cơ sở, đề nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với 15 cơ sở vi phạm với số tiền 1.195,6 triệu đồng (*điển hình như Công ty cổ phần thương mại Sơn Thạch bị xử phạt với số tiền 440 triệu đồng*). Đang tiếp tục tổ chức thanh tra đối với 18 doanh nghiệp. Cấp huyện tổ chức kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 47 cơ sở, xử lý vi phạm hành chính đối với 5 cơ sở với số tiền 173,25 triệu đồng.

Lực lượng công an đã nắm bắt tình hình, phòng ngừa, đấu tranh, xử lý hành vi vi phạm và phối hợp với cơ quan chức năng, phát hiện và xử lý 33 vụ liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm hành chính 32 vụ với tổng số tiền 1,88 tỷ đồng, bàn giao cho Công an tỉnh Bắc Ninh xử lý theo thẩm quyền 01 vụ việc.

Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ việc vi phạm bị xử lý hình sự về lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Nhìn chung các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã cơ bản thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường (đã lập hồ sơ môi trường, đầu tư các công trình xử lý chất thải, thực hiện quản lý chất thải rắn phát sinh), tuy nhiên còn một số đơn vị còn để xảy ra tồn tại trong quá trình hoạt động và đã bị xử lý, các hành vi vi phạm về: không vận hành thường xuyên công trình xử lý khí thải, xử lý chất thải nguy hại không đúng quy định, xả nước thải, khí thải vượt quy chuẩn cho phép, thực hiện không đầy đủ chương trình giám sát, báo cáo môi trường định kỳ.

Ngoài ra có tình trạng tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện vận chuyển chất thải từ tỉnh khác về đổ trộm trên địa bàn tỉnh (xảy ra tại xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang).

Chi tiết cơ sở thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm: *Phụ lục VI kèm theo.*

**4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường: Kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường.**

Năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội nghị trực tuyến tuyên truyền, triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (vào ngày 29/3/2022) cho các cán bộ chủ chốt làm công tác bảo vệ môi trường ở các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và một số xã trên địa bàn tỉnh. Triển khai Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3470/UBND-KTN ngày 20/7/2022 về việc chỉ đạo tăng cường tập trung triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, toàn tỉnh đã tổ chức 15 hội nghị tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đã phát sóng, đưa tin hơn 100 tin, bài, phóng sự, 4 chuyên đề thuộc Chuyên mục “Môi trường quanh ta” trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang và thường xuyên phát trên loa phát thanh của phường, xã về công tác bảo vệ môi trường.

Các đoàn thể, chính quyền đã duy trì hoạt động vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn tỉnh như Ngày Chủ nhật xanh, trồng gần 5.000 cây xanh; tổ chức trên 55 hoạt động hướng dẫn người dân phân loại, xử lý rác thải thành phân hữu cơ tại hộ gia đình, thu gom, xử lý trên 9.000m<sup>3</sup> rác thải; đã tổ chức dọn dẹp vệ sinh môi trường quét dọn được 957 km đường làng, khơi thông 316,5 km kênh mương, cống rãnh, thu gom, xử lý trên 280 tấn rác thải; Tổ chức lồng ghép các hoạt động hưởng ứng phong trào phòng chống rác thải nhựa năm 2022 theo Kế hoạch số 462/KH-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh.

Các đoàn thể, chính quyền tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025*”; tổ chức 129 buổi tập huấn, hướng dẫn thu gom, phân loại rác tại nguồn, đổ rác đúng quy định cho cán bộ, hội viên phụ nữ; tổ chức 1.303 buổi ra quân vệ sinh môi trường; xây dựng 305 lò đốt rác, bể chứa, hố chôn lấp rác tự hủy; tặng 16.008 xô, thùng và túi đựng rác tự hủy cho hội viên phụ nữ để thực hiện phân loại rác tại nhà; phối hợp tuyên truyền hàng nghìn lượt trên hệ thống loa, đài phát thanh cơ sở.

## **V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường**

1. Tình hình đầu tư, xây dựng, vận hành hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường trên địa bàn; các chương trình và kết quả triển khai các chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn

- Tỉnh đang tiến hành khảo sát, triển khai đầu tư xây dựng 5 trạm quan trắc môi trường tự động đối với nước mặt tại sông Thương (3 trạm), sông Cầu 2 trạm); 03 trạm quan trắc môi trường không khí tại thành phố Bắc Giang.

- Đến nay có 24 doanh nghiệp lắp trạm quan trắc tự động và truyền số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường với tổng số 48 trạm quan trắc tự động trong đó có 30 trạm khí thải và 18 trạm nước thải.

- Công tác triển khai thực hiện mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ trên địa bàn tỉnh được duy trì. Năm 2022, công tác thực hiện đánh giá hiện trạng môi trường tỉnh được thực hiện vào 2 đợt (mùa mưa vào tháng 6 và mùa khô vào tháng 10).

2. Chi tiết hiện trạng các trạm quan trắc môi trường trên địa bàn: *tại Phụ lục VII kèm theo.*

## **VI. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường**

### **1. Nguồn nhân lực**

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn: Năm 2022, tổng số cán bộ công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm công tác môi trường là 286 người: cấp tỉnh 57 người (*Sở Tài nguyên và Môi trường 17 người; Công an tỉnh có 32 người; các sở, ban, ngành khác có 8 người*); cấp huyện có 20 người và cấp xã 209 người.

- Trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường: Các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh và cấp huyện có trình độ từ đại học trở lên. Các cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường cấp xã có trình độ từ trung cấp trở lên.

**2. Nguồn lực tài chính:** Năm 2022, tổng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường là 147,690 tỷ đồng; tổng kinh phí đầu tư thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt cấp tỉnh 77 tỷ đồng.

### VII. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

- Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

Hàng năm thực hiện thống kê theo quy định của Luật thống kê, Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật thống kê.

Năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổng hợp số liệu gửi Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang để cập nhật vào hệ thống các chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật thống kê, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Năm 2021		Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện 10 tháng năm 2022	Ước tính kết quả năm 2022
				Kế hoạch	Thực hiện cả năm			
1	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch	%	80,5	81,0	81,0	81,5	81,5	81,5
2	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	88,2	89,3	89,3	93,1	92,24	93,1
3	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý	%	74,5	78,0	93,0	93,0	93,2	93,2
4	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	100	100	100	100	100
5	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	50	50	50	78,1	53,3	53,3
6	Tỷ lệ nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	78	80	80	82	82	82
7	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	38	38	38	38	38	38

- Tổng hợp, báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo quy định: Thực hiện Công văn số 3656/TCMT-QTMB ngày 03/12/2021 của Tổng cục Môi trường về việc thực hiện báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 458/TNMT-BVMT ngày 24/02/2022 về việc báo cáo chỉ tiêu môi trường thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường gửi Tổng cục Môi trường và Cục Bảo vệ môi trường Miền Bắc.

- Tổng hợp các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thực hiện Công văn số 8103/BTNMT-TCMT ngày 30/12/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2021 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 1096/BTNMT-TCMT ngày 04/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đôn đốc gửi hồ sơ tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số nhóm I Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2021 của tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1340/TNMT-BVMT ngày 19/5/2022 về việc rà soát hồ sơ tự đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số kết quả bảo vệ môi trường tỉnh năm 2021.

## **VIII. Đánh giá chung**

### **1. Về chất lượng môi trường**

Chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh dần được cải thiện. Môi trường nước dưới đất, môi trường không khí đã có sự chuyển biến tích cực, chất lượng môi trường đất ổn định và ở trạng thái tốt.

#### **a) Về chất lượng môi trường nước mặt**

- Môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh đang chịu nhiều áp lực từ các nguồn: Công nghiệp, nông nghiệp, làng nghề, y tế và sinh hoạt của các khu dân cư với lượng nước thải ngày càng gia tăng cả về lưu lượng thải và phức tạp về thành phần chất thải. Qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ cho thấy, chất lượng nước mặt của tỉnh được đánh giá còn khá tốt, song đã xảy ra hiện tượng ô nhiễm cục bộ tại một số điểm với chất lơ lửng, chất hữu cơ và vi sinh vật. Các đoạn sông chảy qua các khu đô thị, khu sản xuất công nghiệp, khai khoáng có chất lượng nước bị suy giảm sau khi tiếp nhận nước thải. Nước hồ đã có chuyển biến tốt so với các năm trước. Một số hồ, ao, kênh, mương tiếp nhận nước thải sinh hoạt các khu đô thị, khu dân cư bị ảnh hưởng bởi các chất hữu cơ và vi sinh vật.

(Qua kết quả quan trắc nước mặt cho thấy: có 47/50 vị trí có thông số ô nhiễm vượt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1 từ 1,02 - 45,8 lần, trong đó vị trí có mức ô nhiễm cao nhất bởi thông số Nitrit là nước kênh T6, đoạn hợp lưu với kênh T3 thuộc xã Song Khê).

- Nguyên nhân và nguồn tác động chính: Các con sông, kênh, mương, ngòi, ao và các hồ trên địa bàn tỉnh là nơi cung cấp nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, đồng thời nó cũng là nơi tiếp nhận các nguồn chất thải từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp của nhân dân, do vậy chất lượng nước mặt tại các vị trí quan trắc trên địa bàn tỉnh bị ô nhiễm là do một số nguyên nhân sau:

+ Các nguồn thải phía thượng nguồn của các con sông và các chất thải từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất của nhân dân khu vực xung quanh ao, hồ, kênh, mương chưa được xử lý đảm bảo xả xuống dòng sông, kênh, mương, và ao, hồ, gây ô nhiễm nguồn nước;

+ Hoạt động sản xuất của nhân dân trên lòng sông, hồ (khai thác khoáng

sản trên sông, hoạt động giao thông thủy của các thuyền, xà lan; hoạt động nuôi trồng thủy sản trên lòng ao, hồ...) tác động không nhỏ đến chất lượng nước mặt.

+ Sông Cầu và sông Thương là nơi tiếp nhận nước từ các tỉnh thượng nguồn và các tỉnh lân cận nên dẫn theo các chất ô nhiễm từ các tỉnh xung quanh chảy vào địa phận tỉnh Bắc Giang, đặc biệt là nước thải từ khu vực sông Ngũ Huyện Khê xả ra khu vực sông của huyện Việt Yên.

#### b) Về chất lượng môi trường không khí

Chất lượng không khí ở tỉnh Bắc Giang nhìn chung còn khá tốt, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi. So với năm 2021, chất lượng môi trường không khí năm 2022 đã được cải thiện hơn. Tuy nhiên tại một số vị trí nút giao thông, nhiều phương tiện qua lại có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ bởi tiếng ồn (ở thành phố Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, huyện Lạng Giang).

Chất lượng môi trường không khí được cải thiện do chất lượng công trình đường giao thông trên địa bàn các huyện đã được nâng cấp và công tác vệ sinh môi trường cũng được cải thiện, đã có sự đầu tư, quan tâm của các cơ sở sản xuất, nâng cấp công nghệ xử lý môi trường; một số cơ sở phát sinh nguồn khí thải lớn đã đầu tư hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động. Tuy nhiên trong năm vẫn xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường không khí từ các tỉnh xung quanh phát tán sang như Nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại xả khói thải có màu đen kèm theo bụi; mùi, khí thải từ khu vực xử lý rác thải Phù Lãng của tỉnh Bắc Ninh gây ảnh hưởng đến môi trường, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân.

#### c) Về chất lượng môi trường đất

Theo kết quả quan trắc môi trường đất định kỳ trên địa bàn tỉnh năm 2022 cho thấy chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì ổn định, không có dấu hiệu tăng, giảm khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn.

Đây là kết quả của việc chuyển đổi hình thức canh tác theo hướng thân thiện với môi trường, cùng sự đầu tư trong thu gom, xử lý chất thải của địa phương. Tuy nhiên, với các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, với tải lượng chất thải rắn cao và diện tích lớn là những khu vực nguy cơ cao tác động đến môi trường đất do rò rỉ, thấm của chất hữu cơ, các chất độc hại do không được xây dựng và vận hành hợp lý.

## 2. Về kết quả công tác bảo vệ môi trường

### a) Những mặt đạt được

- Công tác phổ biến, tập huấn Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành được quan tâm triển khai sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, công nhân viên chức và lãnh đạo quản lý, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, qua đó làm cho nhận thức về bảo vệ môi trường của các tổ chức kinh tế, các tầng lớp nhân dân được nâng lên.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện, đảm bảo phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác xây dựng, ban hành văn bản quản lý, bảo vệ môi trường nhằm cụ thể hóa quy định pháp luật về BVMT đảm bảo chủ động, kịp thời; hoạt động phòng ngừa, kiểm soát



nguồn gây ô nhiễm môi trường được chú trọng, việc đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường được quan tâm và thực hiện đúng quy định pháp luật; hoạt động thanh tra, kiểm tra về môi trường được đẩy mạnh; đầu tư cho công tác BVMT ngày càng tăng, đã thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án và đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội.

- Những vấn đề bức xúc, phản ánh, kiến nghị về môi trường được quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời; các khu công nghiệp đang hoạt động có Hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quan tâm công tác bảo vệ môi trường, đầu tư công trình xử lý chất thải, các doanh nghiệp có nguồn phát thải lớn đã thực hiện lắp đặt quan trắc tự động theo quy định; công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải có nhiều chuyển biến tích cực, dần đi vào nền nếp, người dân có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường chung; tỷ lệ thu gom rác thải, tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh được nâng lên; không làm phát sinh thêm mới các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

b) Những vấn đề môi trường hoặc các hoạt động bảo vệ môi trường chính được giải quyết, xử lý

- Ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp huyện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020, đảm bảo thông suốt, không ách tắc, chậm muộn (Ban hành Quyết định số 796/QĐ-TNMT ngày 27/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện trong lĩnh vực môi trường, Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 19/3/2022 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong lĩnh vực Môi trường).

- Công tác thu gom rác được quan tâm, hỗ trợ, nhiều dự án xây dựng lò đốt rác được triển khai, thẩm định cấp phép môi trường, sớm đi vào hoạt động, nhằm giải quyết các khu xử lý, bãi chôn lấp rác thải tồn lưu, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp rác thải. Nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01 tại khu Dọc Tranh, thôn Cai Lé, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn của Công ty cổ phần thương mại Thành Đạt đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 7/2022, hiện nay đang xử lý khoảng 50-60 tấn/ngày, góp phần tăng tỷ lệ thu gom xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã quan tâm chấp hành pháp luật BVMT, đầu tư công trình xử lý chất thải, chấp hành nộp phí bảo vệ môi trường (từ đầu năm đến nay đã thu phí được 2,2 tỷ đồng).

- Tình trạng xảy ra ô nhiễm môi trường liên tỉnh được khắc phục; kịp thời thông tin đến tỉnh giáp ranh có phát sinh nguồn thải để sớm khắc phục, đồng thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để chỉ đạo địa phương liên quan có biện pháp khắc phục, xử lý. Tình trạng ô nhiễm do khói bụi nhà máy Nhiệt điện phả lại, tình trạng ô nhiễm do nước sông Ngũ Huyện Khê đổ vào sông Cầu được

phối hợp giải quyết kịp thời.

c) Tồn tại, hạn chế

- Hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải cụm công nghiệp, đô thị chưa đồng bộ, chưa được quan tâm đầu tư đúng mức (còn 14/30 CCN và 17/18 đô thị chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung).

- Tiến độ thu hút đầu tư công trình hạ tầng xử lý rác thải sinh hoạt còn chậm (Nhà máy xử lý rác tập trung tại thành phố Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, huyện Lục Nam); huyện Tân Yên và Lục Nam chậm lắp đặt các lò đốt rác đăng ký hỗ trợ theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (mặc dù các địa phương đã đăng ký thực hiện từ năm 2021); tỷ lệ rác được xử lý bằng công nghệ đốt còn chưa cao (đạt khoảng 70%).

- Môi trường nước và không khí mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn bị ô nhiễm cục bộ tại một số khu vực như: một số đoạn sông Cầu thuộc địa phận huyện Việt Yên, Yên Dũng; nước sông Thương khu vực thành phố Bắc Giang, một số khu vực bãi rác thải sinh hoạt của thôn, xã.

- Việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại cấp huyện, xã còn hạn chế, công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường chưa thường xuyên, chủ động phát hiện và xử lý vi phạm chưa được kịp thời; còn tình trạng đổ trộm chất thải, xả rác thải ra môi trường.

\* Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Một số quy định của pháp luật còn chưa đầy đủ (tiêu chuẩn, kỹ thuật, công nghệ xử lý chất thải, cơ chế chính sách khuyến khích ưu đãi xã hội hóa trong đầu tư về bảo vệ môi trường, ...). Một số các tiêu chuẩn, quy chuẩn được xây dựng nhưng chưa xem xét đầy đủ tình hình thực tế, QCVN 14:2009/BXD về quy hoạch xây dựng nông thôn, đây là một quy chuẩn hướng dẫn khá chi tiết, tuy nhiên, một số tiêu chí về phân loại rác, thu gom và quy định vị trí bãi rác là chưa thể áp dụng thực hiện trong điều kiện hạ tầng nông thôn hiện nay

+ Ngân sách địa phương còn hạn hẹp nên đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường chưa được chú trọng, nhất là hạ tầng thu gom, xử lý rác thải, nước thải chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, chưa được đầu tư bài bản.

+ Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt còn có bất cập: Công tác thu giá dịch vụ tại địa phương có mật độ sinh sống của người dân trên địa bàn các xã miền núi thưa thớt còn gặp khó khăn; việc quy hoạch, bố trí điểm tập kết, khu xử lý rác tập trung tại các địa phương gặp nhiều khó khăn do không được người dân đồng thuận, hoặc quy hoạch, bố trí khu xử lý rác mới khó đáp ứng về khoảng cách an toàn môi trường theo QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; việc thu hút đầu tư nhà máy điện rác phải chờ phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn điện sử dụng chất thải rắn quốc gia; triển khai lắp đặt lò đốt công nghệ chậm do quy trình, thủ tục lựa chọn hình thức đầu tư, công nghệ phức tạp, còn vướng mắc do chính sách thay đổi.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số cấp uỷ, chính quyền, cơ quan chưa sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; có nơi công tác bảo vệ môi trường chưa thực sự được coi trọng, nên sự vào cuộc còn thiếu quyết liệt, chưa cương quyết dẫn đến một số vấn đề nổi cộm về môi trường chậm được giải quyết; chưa quan tâm đầu tư hệ thống xử lý nước thải các CCN.

+ Công tác phối hợp giải quyết vấn đề môi trường liên tỉnh đã có sự quan tâm của UBND tỉnh và các sở, ngành, nhưng chuyển biến chậm do tỉnh Bắc Ninh kiểm soát các nguồn thải đổ vào lưu vực sông Cầu chưa thực sự hiệu quả.

+ Ý thức về bảo vệ môi trường của một bộ phận doanh nghiệp và người dân chưa được chuyển biến thành ý thức tự giác thực hiện, còn tình trạng đổ rác thải sinh hoạt ra nơi công cộng, xử lý chất thải không đạt quy chuẩn môi trường.

+ Công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất còn chưa chủ động và thường xuyên, nhất là cấp huyện, cấp xã, nhiều nơi còn tư tưởng né tránh, đùn đẩy, bị động.

+ Đầu tư, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực trong xã hội cho bảo vệ môi trường còn hạn chế.

### **3. Về thực hiện các chỉ tiêu về môi trường năm 2022**

Các chỉ tiêu thống kê về môi trường dự kiến đến cuối năm 2022 thực hiện 6/7 chỉ tiêu đạt kế hoạch đề ra, 1/7 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra (tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 53,3%, theo kế hoạch là 78,1%). Nguyên nhân do một số CCN chưa có nhà đầu tư hạ tầng, được giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và CCN cấp huyện quản lý, chưa bố trí kinh phí đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của CCN, các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp phải tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải của đơn vị mình trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

## **IX. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường năm 2023**

### **1. Mục tiêu**

- Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch (theo chuẩn mới): 63,7%
- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom: 93,5%
- Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý (hợp vệ sinh): 82,7%
- Không phát sinh mới cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.
- Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 62,9%.
- Tỷ lệ nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường: 82%.
- Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả): 37,8%

### **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

*2.1. Về tuyên truyền, nâng cao nhận thức; về quan trắc, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu*

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn, thống nhất cao hơn trong nhận thức của cả hệ thống chính trị, của cán bộ,

đảng viên, công chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về BVMT. Tăng cường gắn trách nhiệm và duy trì nền nếp chế độ đi cơ sở kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

Tăng cường năng lực quan trắc môi trường tự động, năm 2022 đầu tư hoàn thiện 03 điểm quan trắc môi trường đối với nguồn nước sông và 01 điểm quan trắc môi trường không khí xung quanh trên địa bàn tỉnh.

*2.2. Về kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực, huy động nguồn lực tài chính, hoàn thiện chính sách, pháp luật*

- Tăng cường tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Tăng cường đầu tư kinh phí, huy động các nguồn lực xã hội cho công tác bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng thu gom, xử lý chất thải (chú trọng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN, xử lý rác thải sinh hoạt).

- Bố trí kinh phí điều tra các khu vực qua đánh giá hiện trạng môi trường tỉnh năm 2022 đã phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường, để có biện pháp cải thiện, khắc phục ô nhiễm.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về BVMT phù hợp với điều kiện thực tiễn; thực hiện Quy hoạch BVMT trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chú trọng lồng ghép nội dung BVMT trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương, vào các phong trào, cuộc vận động xã hội.

*2.3. Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về môi trường*

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư; rà soát, đôn đốc, yêu cầu các cơ sở đầu tư công trình bảo vệ môi trường và thực hiện cấp giấy phép môi trường theo quy định.

- Rà soát, bổ sung và điều chỉnh mạng lưới quan trắc hiện tại của tỉnh theo tần suất 04 lần/năm (theo quý); bổ sung các vị trí quan trắc cho phù hợp tình hình thực tế và tăng độ tin cậy trong đánh giá diễn biến ô nhiễm môi trường; yêu cầu các cơ sở có nguồn thải lớn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động theo quy định. Triển khai dự án Nâng cao năng lực quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh.

- Bố trí kinh phí đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải đối với các CCN thuộc thẩm quyền quản lý của cấp huyện; các doanh nghiệp quản lý hạ tầng CCN tăng cường đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải của các CCN được giao chủ đầu tư hạ tầng. Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho các CCN trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1721/KH-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang. Cấp huyện bố trí kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải tập trung đối với còn các CCN và 17/18 đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai xây dựng đề án: Thu gom, xử lý rác thải vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh; Xây dựng kế hoạch duy trì hoạt động điều tra, thống kê, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu nguồn thải trên địa bàn tỉnh năm 2022.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác BVMT, chú trọng kiểm tra đột xuất nhằm ngăn ngừa triệt để tình trạng xả trộm chất thải ra môi trường; kiểm soát chặt chẽ các cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có nguồn xả thải lớn. Cấp huyện, cấp xã cần tăng cường thanh kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các dự án, cơ sở trên địa bàn quản lý.

- Tăng cường phối hợp với các tỉnh liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường liên vùng, liên tỉnh.

#### *2.4. Tập trung giải quyết vấn đề môi trường*

- Tiếp tục thực hiện Kết luận số 99-KL/TU về tập trung thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các Nhà máy xử lý tập trung của tỉnh (Nhà máy rác phát điện Đa Mai; Nhà máy xử lý rác Lan Mẫu, Nhà máy xử lý rác Đông Lỗ); duy trì vận hành thường xuyên và hiệu quả các khu xử lý, lò đốt rác; chú trọng và nâng cao năng lực hoạt động có hiệu quả của các đơn vị chuyên trách thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; huy động các nguồn lực xã hội hóa cho công tác thu gom, xử lý rác và đẩy mạnh hoạt động thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường theo quy định.

- Về xử lý nước thải trong các khu dân cư: Thực hiện xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước trong các khu dân cư tập trung theo chương trình xây dựng nông thôn mới; duy trì định kỳ ra quân vệ sinh môi trường, khơi thông hệ thống cống, rãnh thoát nước, ao, hồ; tăng cường đầu tư hoàn thành hệ thống thu gom, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung các đô thị; các khu đô thị mới thực hiện đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường.

- Về nước thải đô thị: UBND thành phố Bắc Giang tổ chức thu gom, và vận hành thường xuyên trạm xử lý nước thải tại xã Tân Tiến với công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung khu vực phía Nam theo quy hoạch để xử lý nước thải cho các xã Song Khê, Tân Mỹ, Đa Mai, Song Mai; UBND các huyện xây dựng cụ thể kế hoạch, lộ trình bố trí nguồn vốn để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung đối với 17 đô thị còn lại thuộc địa bàn quản lý.

- Chủ động rà soát, kiểm tra, đánh giá các khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh để có giải pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời.

### **X. Đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường**

- Rà soát, tham mưu Chính phủ sửa đổi một số điểm bất cập được quy định trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (như nêu tại điểm 2 Mục IV) cho phù hợp.

- Tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước về môi trường từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Kịp thời chủ trì giải quyết những vấn đề môi trường liên vùng, liên tỉnh giữa các địa phương.

- Định hướng giải pháp, công nghệ xử lý rác thải, nước thải và khuyến cáo cho các địa phương trong quá trình lựa chọn, sử dụng phù hợp với thực tế.

- Có ý kiến đề nghị Bộ Xây dựng điều chỉnh Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng về quy định khoảng cách an toàn môi trường để quy hoạch khu xử lý rác thải mới phù hợp với công nghệ xử lý và thực tế phân bố dân cư của địa phương.

## 2. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh

- Ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường như đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các CCN do cấp huyện quản lý hạ tầng, 17 đô thị, các làng nghề.

- Cho phép thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang hàng năm từ năm 2023 trở đi theo quy định tại Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/02; kỳ báo cáo từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo; thời điểm báo cáo trước 15/02 của năm kế tiếp năm báo cáo; báo cáo được gửi bằng bản giấy hoặc bản điện tử*). Do tại thời điểm báo cáo tháng 12 hàng năm, việc tổng hợp số liệu từ tháng 10 từ các sở, ban, ngành, cấp huyện là rất khó khăn, số liệu báo cáo của các sở, ngành, huyện không đầy đủ và không thống nhất.

Trên đây là báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022, UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng nhân dân tỉnh./.

### Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
  - + Lưu VT, KTN.Binh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

## Phụ lục I

## CÁC NGUỒN Ô NHIỄM

(Kèm theo Báo cáo số 2 /BC-UBND ngày 26 /11/2022 của UBND tỉnh)



Bảng 1. Danh mục các đô thị

STT	Tên đô thị	Địa chỉ	Mật độ dân số sinh hoạt phát sinh ( $m^2/ngày$ )	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh ( $m^3/ngày$ )	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: $m^3/ngày$ )	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Đô thị đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-
II	Đô thị loại I	-	-	-	-	-	-	-
III	Đô thị loại II	-	-	-	-	-	-	-
1	Thành phố Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	2.910	23.520	01 trạm xử lý nước thải: công suất 20.000m <sup>3</sup>	85	15	-
IV	Đô thị loại III							
V	Đô thị loại IV							
1	Thị trấn Đồi Ngô	Huyện Lục Nam	1.916	2.518	380	0	15	Đạt tiêu chuẩn
2	Thị trấn Thăng	Huyện Hiệp Hòa	1.659	1.589	03 HTXLNT <sup>2)</sup>	15	75	-
VI	Đô thị loại V							
1	Thị trấn Nhã Nam	Huyện Tân Yên	1.506	1.166	Không có	0	100	-
2	Thị trấn Cao Thượng	Huyện Tân Yên	1.464	2.284	Không có	0	100	-
3	Thị trấn Nham Biền	Huyện Yên Dũng	802	1.520	Không có	0	0	-
4	Thị trấn Tân An	Huyện Yên Dũng	1.310	1.208	Không có	0	0	-

<sup>2)</sup> Thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa: Chưa có HTXLNT tập trung cho toàn thị trấn. Tuy nhiên, có 03 Khu dân cư đã có HTXLNT tập trung (gồm: KDC số 3; KĐT phía Nam thị trấn Thăng; KĐT phía Tây thị trấn Thăng).

5	Thị trấn Bắc Lý	Huyện Hiệp Hòa	1.184	1.222	Không có	0	80	-
6	Thị trấn An Châu	Huyện Sơn Động	517	523	Không có	0	0	-
7	Thị trấn Tây Yên Tử	Huyện Sơn Động	81	331	Không có	0	0	-
8	TT Bó Hạ	Huyện Yên Thế	1.418	825	Không có	0	75	-
9	TT Phồn Xương	Huyện Yên Thế	1.089	745	Không có	0	75	-
10	Thị trấn Vôi	Huyện Lạng Giang	1.416	687	Không có	0	100	-
11	Thị trấn Kép	Huyện Lạng Giang	1.241	478	Không có	0	100	-
12	Thị trấn Phương Sơn	Huyện Lục Nam	965	782	Không có	0	10	-
13	Thị trấn Chũ	Huyện Lục Ngạn	-	933	Không có	0	0	-
14	Thị trấn Nénh	Huyện Việt Yên	-	962,5	Không có	-	100	-
15	Thị trấn Bích Động	Huyện Việt Yên	-	516,6	Không có	-	100	-



**Bảng 2. Danh mục các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (viết tắt là KCN) không thuộc khu kinh tế**

TT	Tên KCN đang hoạt động	Địa chỉ	Tên chủ đầu tư hạ tầng	Diện tích đã đầu tư/tổng diện tích (ha)	Số doanh nghiệp đang hoạt động	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh (%)	
								Tổng lượng nước thải phát sinh (m3/ngày)	Công suất thiết kế HTXL (m3/ngày)	Quan trắc tự động, thông số	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (tấn/năm)			Nguy hại (tấn/năm)
1	KCN Đình Trám	TT Nén, Việt Yên, Bắc Giang	Công ty CP Phát triển Hạ tầng KCN Bắc Giang	127	141	100	Có	654	2000	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	1.223,5	3.725,8	284,4	Có	100
2	KCN Quang Châu	Xã Quang Châu, Việt Yên	Công ty CP phát triển KCN Sài Gòn - Bắc Giang	426	39	100	Có	13.200 (trong đó có 850 miễn trừ đầu nói)	19.000	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	2.242,8	3.667	2.961	Có	57
3	KCN Song Khê - Nội Hoàng	Phía Bắc tại xã Song Khê, TP	Công ty CP Phát triển Hạ tầng KCN Bắc Giang	104,9	25	100	Có	3448 (trong đó có 2576 miễn trừ đầu nói)	2000	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	373,2	2.548,8	2.157,5 2	Có	100
		Phía Nam xã Tiên Phong, Yên Dũng	Công ty CP Phát triển Fuji	44,9	28	100	Có	450	1200	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	86,465	59,322	244,91 2	Có	30

4	KCN Vân Trung	Xã Vân Trung, Việt Yên	Công ty TNHH Fugiang	237,41	115	100	Có	7500	10.000	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	2.489,1	3.225	1.940,4	Có	100
5	KCN Hoà Phú	Xã Nội Hoàng, Yên Dũng, xã Vân Trung huyện Việt Yên	Công ty CP S&G	112,42	24	100	Có	1700	4.000	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	2.931	8331	1276,7	Có	100
6	KCN Việt Hàn (giai đoạn 1)	Xã Châu Minh, Hiệp Hoà	Công ty TNHH Hoà Phú Invest	207,4	18	85	Có	600	4.000	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	126	176,4	69,552	Có	20
7	KCN Tân Hưng	Việt Yên, Bắc Giang	Công ty CP Phát triển Fuji Phúc Long	50											
8	KCN Yên Lư	Xương Lâm, Lạng Giang	Công ty CP LIDECO 1	105,2/105,3											
		Xã Yên Lư, Yên Dũng	Công ty CP bất động sản Capella	47/377											
Đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN															
Đang thực hiện giải phóng mặt bằng															

Bảng 3. Danh mục các cụm công nghiệp (CCN) đang hoạt động

TT	Tên CCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động	Tỷ lệ lắp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố	Tỷ lệ cây xanh (%)
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m <sup>3</sup> /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLLNT (m <sup>3</sup> /ngđ)	Quan trắc nước thải tự động	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
1	Cụm CN Thọ Xương	Phường Thọ Xương, TP Bắc Giang	4,06	Trung tâm PT Quỹ đất và CCN thành phố	13	100	Có	30	120		100	22	1		0,0
2	Cụm CN Xương Giang II	Phường Xương Giang, TP Bắc Giang	10,37	Trung tâm PT Quỹ đất và CCN thành phố	7	100	Có	100	150		650	35	3		
3	Cụm CN Tân Mỹ - Song Khê	Xã Tân Mỹ và xã Song Khê, TP Bắc Giang	7,75	Trung tâm PT Quỹ đất và CCN thành phố	11	100	Có	204	400		350	85	5		0,0
4	Cụm CN Làng nghề Đa Mai	Phường Đa Mai, TP Bắc Giang	6,00	Trung tâm PT Quỹ đất và CCN thành phố	1	4,6	Không	Không có	220		0	0			





18	Cụm CN Việt Tiên	Xã Việt Tiên, huyện Việt Yên	29,76	Công ty TNHH Minh Hoàng Long	10	100	Có	200	720		70	2.000	150-200		
19	Cụm CN Nội Hoàng	Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	61,41	Công ty CP thép Việt Úc	77	100	Có		1.500	Lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, Amoni, Chất rắn lơ lửng	900	1500	2000	có	10,1
20	Cụm CN Nham Sơn Yên Lư	Xã Nham Sơn, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng	73,30	Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang	4	100	Có		500	không	200	800	300		10,0
21	Cụm CN Nghĩa Hòa	Xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang	63,50	Công ty CP tổng công ty may Bắc Giang LGG	4	72,1	Có	250	-	không	500	14	2800	có	10,1
22	Cụm CN Non Sáo	Xã Tân Đình, huyện Lạng Giang	22,34	Công ty CP Ngôi sao Bắc Giang	4	100	Không	160	-	-	60	13	1300		0,0

23	Cụm CN Đại Lâm	Xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang	50,00	Trung tâm Phát triển Quỹ đất và CCN huyện + Liên danh Công ty Mặt Trời và Phú Thái	13	58,1	Có	300	630	không	90	65	160.000	3.500	có	15
24	Cụm CN Đồng Đình	Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	60,38	Công ty CP XD TM Đồng Tâm	11	34,9	Có	200	-		72	800	6.200			12,8
25	Cụm CN Sơn	Xã Lan Mầu, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	69,50	Công ty Wenzhou Hedy Mechanism and plastic Co.LTD	1	100	Có	(có 1 doanh nghiệp đang triển khai xây dựng)								11,2
26	Cụm CN Vũ Xá	Xã Vũ Xá, huyện Lục Nam	75,00	Công ty CP Nhiệt Điện - An Khánh - Bắc Giang	1	100	Có	(có 1 doanh nghiệp đang triển khai xây dựng)								20,2
27	Cụm CN Đoàn Bái	Xã Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa	70,0	Công ty Cổ phần đầu tư ASIC	4	48,8	Có				120	160.000	5.600			14,7

28	Cụm CN Hợp Thịnh	Xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	74,92	Công ty TNHH Park's	15	66,3	Có		80	500	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, COD, DO, TSS	14,3	56.900	8.318				8,8
29	Cụm CN Thanh Vân	Xã Thanh Vân, Hiệp Hòa	50,00	C.ty TNHH Long Dũng	2	57,7	Có		15	1.200		60	780.000	2.850				10,0
30	Cụm CN Mỹ An	Xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn	46,77	Công ty Thiên Lâm Đạt	1	100	Có		15	Không có	-	9	1.800	150				9,4



Bảng 4. Danh mục làng nghề trên địa bàn

STT	Huyện, thành phố/ Tên làng nghề	Địa chỉ	Kết quả bảo vệ môi trường làng nghề						Số cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển/tổng số lượng cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề	Các vấn đề môi trường chính
			Phương án bảo vệ môi trường (Có/không)	Tổ chức tự quản (Có, không)	Hạ tầng bảo vệ môi trường			Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải phải có công trình, thiết bị xử lý chất thải		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	<b>TOÀN TỈNH</b>									
<b>I</b>	<b>Huyện Lục Ngạn</b>									
1	Thù Dương	Xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn	Không	Có	-	-	Chất thải rắn được thu gom, xử lý tại lò đốt công nghệ cấp xã hoặc do Công ty môi trường đô thị huyện vận chuyển, xử lý, hoặc tự đốt tại hộ gia đình	287 hộ có phát sinh nước thải được thu gom, lắng sơ bộ qua hố thu hoặc xử lý qua hầm biogas		Nước thải
2	Khu phố làng Chủ	Thị trấn Chủ, huyện Lục Ngạn	Không	Có	-	-	Nt	75 hộ có phát sinh nước thải được thu gom, lắng sơ bộ qua hố thu hoặc xử lý qua hầm biogas		Nước thải
3	Bông 1	Xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn	Không	Có	-	-	Nt			

<b>II</b>	<b>Huyện Lục Nam</b>																	
1	Khe Nghệ	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	Không	Có	-	-	-		Chất thải rắn được thu gom, xử lý tại hộ gia đình hoặc thu gom xử lý tại khu xử lý rác thải của xã bằng biện pháp đốt lộ thiên hoặc chôn lấp	Nt								
2	Trại Cao	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	Không	Có	-	-	-			Nt								
3	Tân Sơn Trong	Xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	Có	Có	-	-	-			Nt								
<b>III</b>	<b>Huyện Yên Thế</b>																	
1	Sỏi	Thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế	Không	Có	-	-	-		Chất thải rắn được thu gom, xử lý tại lò đốt công nghệ của thị trấn									
<b>IV</b>	<b>Huyện Việt Yên</b>																	
1	Yên Viên	Xã Vân Hà, huyện Việt Yên	Có	Có	x	x	x		Chất thải rắn được Hợp tác xã môi trường của huyện vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung của huyện	Nt								Nước thải
2	Thỏ Hà	Xã Vân Hà, huyện Việt Yên	Có	Có	x	x	x			Nt								Nước thải
3	Chùa	Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	Có	Có	-	-	-			Nt								

4	Bảy	Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	Có	Có	-	-	Nt				
5	Chằm	Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	Có	Có	-	-	Nt				
6	Phúc Long	Xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	Có	Có	-	-	Nt				
7	Nguyệt Đức	Xã Vân Hà, huyện Việt Yên	Có	Có	-	-	Nt				
V	Thành phố Bắc Giang										
1	Sau	Phường Dĩnh Kế, Tp. Bắc Giang	Có	Có	-	-	Chất thải rắn được Công ty cổ phần quản lý công trình đô thị Bắc Giang vận chuyển về bãi xử lý hợp vệ sinh của thành phố Bắc Giang	Có phát sinh nước thải được thải thẳng ra công, rãnh thu gom cùng nước thải sinh hoạt	32 hộ		Nước thải
2	Đa Mai	Phường Đa Mai, Tp. Bắc Giang	Có	Có	-	-	Nt	Có phát sinh nước thải được thải thẳng ra công, rãnh thu gom cùng nước thải sinh hoạt	82 hộ		Nước thải
3	Mé	Phường Dĩnh Kế, Tp. Bắc Giang	Có	Có	-	-	Nt	Có phát sinh nước thải được thu gom, lắng sơ bộ qua hố thu hoặc xử lý qua hầm biogas	27 hộ		Nước thải
4	Bãi Ồi	Xã Dĩnh Trì, Tp. Bắc Giang	Có	Có	-	-	Nt				Bụi, mùi sơn, tiếng ồn,...
5	Song Khê	Xã Song Khê, Tp. Bắc Giang	Có	Có	-	-	Nt				
6	Lục	Xã Tân Mỹ, Tp. Bắc Giang	Có	Có	-	-	Nt				
VI	Huyện Yên Dũng										
1	Đông Thương	Xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng	Có	Có	-	-	Chất thải rắn được thu gom, xử lý tại lò đốt công nghệ cấp xã				Bụi, mùi sơn, tiếng ồn,...

2	Đông Thăng	Xã Tiên Dũng, huyện Yên Dũng	Có	-	-	Nt			
3	Thuận Lý	Xã Tiên Dũng, huyện Yên Dũng	Có	-	-	Nt			
<b>VII</b>	<b>Huyện Tân Yên</b>								
1	Đông Am Vàng	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên	Có	-	-	Nt	Chất thải rắn được thu gom, xử lý tại hộ gia đình hoặc thu gom xử lý tại khu xử lý rác thải của xã bằng biện pháp đốt lộ thiên hoặc chôn lấp	45 hộ	Nước thải
2	Châu Sơn	Xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên	Có	-	-	Nt		Có phát sinh nước thải được thu gom, lắng sơ bộ qua hồ thu hoặc xử lý qua hầm biogas	
3	Nội Hạc	Xã Việt Lập, huyện Tân Yên	Có	-	-	Nt			
<b>VIII</b>	<b>Huyện Lạng Giang</b>								
1	Gai Bùn	Xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang	Có	-	-	Nt	Chất thải rắn được thu gom, xử lý tại hộ gia đình		

**Bảng 5. Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường**

TT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thải phát sinh (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Hệ thống quan trắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m <sup>3</sup> /giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (tấn/năm)	Nguy hại (tấn/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Loại 1: sản xuất pin ắc quy	Công ty TNHH KHKT năng lượng mặt trời Boviet	633/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	2000	x	-	-	200	1161	2254	
		Công ty TNHH JA Solar Technology Việt Nam	16/GXN-BTNMT ngày 27/01/2022	858	x	30.000, 12.000, 35.000, 56.000, 30.000, 60.000, 140.000, 100.000,	x	114	3550	870.430	
		Công ty TNHH Vina Cell Technology	4657/GXN-TNMT ngày 30/12/2021	2514	-	3 trạm/ 50.000 3 trạm/ 15.000 3 trạm/ 45.000 3 trạm/ 6.000	x	84	350	1500	
		Công ty TNHH JA Solar PV Việt Nam	602/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	2874	Không có	140.000 230.000 60.000 180.000 8.000	x	-	-	-	
		Công ty TNHH	206/GXN-	767	x	60.000	x	-	-	-	

TT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động  công nghệ năng lượng ET (Việt Nam)	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường TNMT ngày 19/01/2022	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thải phát sinh (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Hệ thống quan trắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m <sup>3</sup> /giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tán/năm)	Công nghiệp thông thường (tán/năm)	Nguy hại (tán/năm)	
2	Loại 2: Sản xuất hóa chất	Công ty TNHH vật liệu điện tử Việt Nam	2024/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021	25,2	x	45.000	x	0,135	15	54	
		Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	746/QĐ-BTNMT ngày 01/4/2008 của Bộ TNMT	19.842	x	280.000 và 170.000	x	-	-	-	
3	Loại 3: Tái chế phế liệu	Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình	1304/QĐ-BTNMT ngày 10/7/2009	50	Không có	Chưa truyền dữ liệu	Không có	-	-	-	
		Công ty TNHH Bedra Việt Nam	212/QĐ-BTNMT ngày 12/9/2022	8	Không có	6.000 và 26.000	x	2	300	400	
3	Loại 3: sản xuất linh kiện điện tử	Công ty TNHH Si Flex Việt Nam	118/QĐ-BTNMT ngày 26/01/2022	3702		54.000 và 72.000	x	462	1152	1764	
		Công ty TNHH Fuhong Precision Component Bắc Giang	số 23/QĐ-UBND ngày 09/01/2020. 2162/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	800	x	Không có		1.100	3.812	1,2	

TT	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Tên cơ sở hoạt động	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường	Nước thải		Khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có)
				Tổng lượng nước thải phát sinh (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Hệ thống quan trắc tự động, (nếu có)	Lượng khí thải phát sinh (m <sup>3</sup> /giờ)	Hệ thống quan trắc tự động (nếu có)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (tấn/năm)	Nguy hại (tấn/năm)	
4	Loại 4: Chăn nuôi gia súc	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động	751/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	686	x	Không có		13,5	82,6	1,05	
	Loại 5: Sản xuất xi măng	Công ty cổ phần xi măng Bắc Giang	444/QĐ-UBND ngày 25/3/2009	Tạm dừng hoạt động		Đã dừng truyền dữ liệu (dùng hoạt động nhà máy)	x	-	-	-	
	Loại 6: Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Công ty TNHH Seojin Việt Nam	516/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	30		Chưa truyền dữ liệu		98,9	1.561	1.338	



## Phụ lục II

## QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ PHÉP LIỆU

(Xem theo Báo cáo số: 132 /BC-UBND ngày 26 /11/2022 của UBND tỉnh)

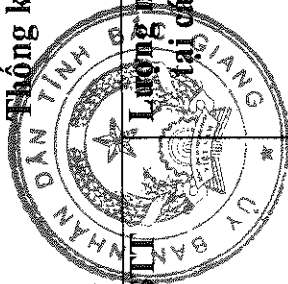
Bảng 1 Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày)/ Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng của..)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Bãi chôn lấp rác thải thành phố Bắc Giang	Phường Đa Mai, TPBG	Đề án BVMT	Chôn lấp hợp vệ sinh	150	Đang hoạt động	
2.	Nhà máy xử lý rác thải Hòa Bình - Công ty có phân xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình	TT Nham Biền, huyện Yên Dũng	Giấy phép xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX (cấp lần 5) ngày 19/01/2022 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.	Đốt	35	Đang hoạt động	
3.	Nhà máy xử lý rác thải	TT Nham Biền, huyện Yên Dũng	Báo cáo ĐTM	Đốt, chế biến phân vi sinh	80	Đang hoạt động	
4.	Lò đốt rác thải	TT Tân An	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
5.	Lò đốt rác thải	Xã Cảnh Thụy	Kế hoạch BVMT	Đốt	4	Đang hoạt động	
6.	Lò đốt rác thải	Xã Lãng Sơn	Kế hoạch BVMT	Đốt	4	Đang hoạt động	
7.	Bãi chôn lấp rác thải huyện Việt Yên	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	Báo cáo ĐTM	Đốt, chôn lấp	80	Đang hoạt động	
8.	Nhà máy xử lý rác thải	Xã Thượng Lan, huyện Việt Yên	Chưa	Đốt, tái chế	100	Đang hoạt động	
9.	Lò đốt rác thải	Xã Việt Tiên, huyện Việt Yên	Kế hoạch BVMT	Đốt	10	Đang hoạt động	



## Phụ lục III

Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên trên địa bàn  
(Kèm theo Báo cáo số: 132 /BC-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh)



(1)	(2)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại các đô thị từ loại IV trở lên (m <sup>3</sup> /ngày đêm)						Tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m <sup>3</sup> /ngày đêm)						Tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường					
		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
	Tổng số	Đô thị loại đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II	Đô thị loại III	Đô thị loại IV	Tổng số	Đô thị loại đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II	Đô thị loại III	Đô thị loại IV	Tổng số	Đô thị loại đặc biệt	Đô thị loại I	Đô thị loại II	Đô thị loại III	Đô thị loại IV	
Toàn tỉnh																			
TP. Bắc Giang	23.520			23.520			20.000			20.000			3.528			3.528			
Huyện Hiệp Hòa	2.811					2.811	238					238	2.169						2.169
Huyện Lục Nam	2.158					2.158	0					0	323,7						323,7

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/ hóa rắn (%)	Ghi chú
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	-	-	-	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	-	-	-	-	



TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn (%)	Ghi chú
1.1	Khu vực đô thị	-	-	-	-	
1.2	Khu vực nông thôn	-	-	-	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	-	-	-	-	
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	-	-	-	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	-	-	-	-	
	<b>Huyện Việt Yên</b>	44.015,72	42.350,95	42.350,95	-	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	-	-	-	
1.1	Khu vực đô thị	-	-	-	-	
1.2	Khu vực nông thôn	-	-	-	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	-	-	-	-	
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	-	-	-	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	-	-	-	-	
	<b>Huyện Hiệp Hòa</b>	44.136	42.084	36.828	86,3	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	9.504	9.504	36.828	86,3	
1.1	Khu vực đô thị					
1.2	Khu vực nông thôn	34.632	32.580		-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	-	-	-	-	

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/ hóa rắn (%)	Ghi chú
	<i>phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)</i>					
3	Chất thải nguy hại	-	-	-	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	-	-	-	-	
	<b>Huyện Sơn Động</b>					
1	Chất thải rắn sinh hoạt					
1.1	<i>Khu vực đô thị</i>	157	129	125,13	3,75%	
1.2	<i>Khu vực nông thôn</i>	472	381	329,18	9,87%	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
2.1	<i>CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.</i>	-	-	-	-	
2.2	<i>Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)</i>	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	-	-	-	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	-	-	-	-	
	<b>Huyện Lục Ngạn</b>	43.179,5	35.405	35.405	-	
1	Chất thải rắn sinh hoạt					
1.1	<i>Khu vực đô thị</i>	-	-	-	-	
1.2	<i>Khu vực nông thôn</i>	-	-	-	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
2.1	<i>CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.</i>	-	-	-	-	
2.2	<i>Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)</i>	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	-	-	-	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	-	-	-	-	
	<b>Huyện Tân Yên</b>	28.440,8	25.477	24.107	-	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	-	-	-	

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn (%)	Ghi chú
1.1	Khu vực đô thị	7.665	7.588	6.980	-	
1.2	Khu vực nông thôn	24.090	23.126	21.270	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	15.330	14.563,5	14.563,5	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	10.950	10.402,5	10.402,5	-	
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)	4.380	4.161	4.161	-	
3	Chất thải nguy hại	1.095	1.040,25	1.040,25	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	77,7	77,7	77,7	-	
<b>Huyện Yên Thế</b>						
1	Chất thải rắn sinh hoạt	19.637	17.925	15.958	25,5	
1.1	Khu vực đô thị	6.041	5.909	5.851		
1.2	Khu vực nông thôn	13.569	12.106	10.107		
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	-	-	-	-	
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)	-	-	-	-	
3	Chất thải nguy hại	-	-	-	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	-	-	-	-	
<b>Huyện Lục Nam</b>						
1	Chất thải rắn sinh hoạt	39.293	31.454	26.727	-	
1.1	Khu vực đô thị	-	-	-	-	
1.2	Khu vực nông thôn	-	-	-	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	-	-	-	-	
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	-	-	-	-	

Bảng 6. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>Toàn tỉnh</b>						
<b>Thành phố Bắc Giang</b>						
1	Chất thải rắn sinh hoạt	150	143,8	-	-	
1.1	Khu vực đô thị	110	107,8	-	98	
1.2	Khu vực nông thôn	40	36	-	90	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	250.000	250.000	-	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	140.000	140.000	-	-	
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)	110.000	110.000	-	-	
3	Chất thải nguy hại	20.000	20.000	20.000	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	280	280	280	-	
<b>Huyện Lạng Giang</b>						
1	Chất thải rắn sinh hoạt	27.338,5	26456	19104,1	17,65	
1.1	Khu vực đô thị	8.630,55	8492,95	0	-	
1.2	Khu vực nông thôn	18.707,95	17933,05	0	-	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	20.403,5	20403,5	20403,5	-	
2.1	CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.	7.139,9	7139,9	7139,9	-	
2.2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)	13.263,6	13263,6	13263,6	-	
3	Chất thải nguy hại	26,6	26,6	26,6	-	
4	Chất thải y tế nguy hại	3,4	3,4	3,4	-	
<b>Huyện Yên Dũng</b>						
1	Chất thải rắn sinh hoạt	31.755	30.714	28.250	8,7	

Bảng 5. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu theo từng nhóm phế liệu (Sắt thép, giấy, nhựa, đồng, nhôm...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nhà máy sản xuất hạt nhựa-Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Liên Minh tại Bắc Giang	Nhà xưởng KCN C4+C5 Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Giấy xác nhận số 31/GXN-BTNMT ngày 22/3/2019 của Bộ TN&MT	Nhựa: 7.623,22 tấn	
2	Nhà máy sản xuất giấy Krap-Công ty TNHH Bắc Hà	Số 188A, 188B đường 398, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Giấy xác nhận số 41/GXN-BTNMT ngày 04/4/2019 của Bộ TN&MT	Giấy phế liệu: 3.049,17 tấn	
3	Nhà máy kim khí AC&T -Công ty TNHH sản xuất AC&T Vina	Lô 15, 17 CCN Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	Giấy xác nhận số 83/GXN-BTNMT ngày 09/7/2018 của Bộ TN&MT	nhôm phế liệu và mảnh vụn: 63,426 tấn	
4	Năng công suất nhà máy sản xuất dây cắt kim loại cao cấp - Công ty TNHH Việt Nam-	Lô B5-B6, Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang	Giấy phép môi trường số 212/GPMT-BTNMT ngày 12/9/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đồng phế liệu và mảnh vụn: 0 tấn. (Từ đầu năm 2022 đến nay Công ty TNHH Bedra Việt Nam chưa nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất)	

					<p>500 kg/giờ; + Hệ thống hóa rắn, sản xuất gạch không nung, công suất 6.000kg/giờ; + Hệ thống tái chế nhôm, công suất 4.000kg/giờ; + Hệ thống xử lý hộp mực in, công suất 150 kg/giờ; + Bể đóng kén, thể tích 454m<sup>3</sup>/bể, số lượng 5 bể. - Thiết bị xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Hệ thống tái chế nhựa, nilong công suất 5.000 kg/giờ.</p>		
--	--	--	--	--	---	--	--

**Bảng 4. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn (nếu có)**

*(Như thông tin tại Bảng 3)*



Bảng 2. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

(Như thông tin tại Bảng 3)

Bảng 3. Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTRCNTT nếu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Nhà máy xử lý chất thải và tái chế phế liệu- Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình	- Trụ sở chính: số 64 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội. - Địa chỉ cơ sở: Tô dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Giấy phép xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX (cấp lần 5) ngày 19/01/2022 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.	- Hệ thống, thiết bị xử lý và tái chế: + Lò đốt chất thải nguy hại: Lò đốt chất thải nguy hại số 1 công suất 500 kg/giờ; Lò đốt chất thải nguy hại số 2 công suất 2.000 kg/giờ; + Lò hấp chất thải y tế, công suất 500 kg/giờ; + Hệ thống xử lý linh kiện, bản mạch điện tử, gồm: Thiết bị tiên xử lý linh kiện điện tử, công suất 30 kg/giờ; Thiết bị xử lý bản mạch điện tử công suất 1.250 kg/giờ. + Thiết bị xử lý dung dịch mực in thải, công suất 1.000 kg/giờ; + Thiết bị xử lý bóng đèn huỳnh quang thải, công suất 15 kg/giờ; + Thiết bị xử lý xỉ thiếc hàn, công suất 80 kg/giờ; + Hệ thống xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải số 01, công suất 8m <sup>3</sup> /giờ; Hệ thống xử lý nước thải số 02, công suất 30 m <sup>3</sup> /giờ; + Hệ thống phá dỡ ắc quy thải, công suất 50 kg/giờ; + Thiết bị tiên xử lý pin thải, công suất 50 kg/giờ; + Hệ thống tẩy rửa chất thải rắn cho chứa thành phần nguy hại, công suất 4.000 kg/giờ; + Hệ thống tẩy rửa thùng phuy, công suất	- Vùng trung du và miền núi phía Bắc; - Vùng đồng bằng sông Hồng; - Vùng Bắc trung bộ và duyên hải Miền trung; - Vùng Đông nam Bộ; - Vùng đồng bằng sông Cửu Long	

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày)/ Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng cửa..)	Ghi chú
50.	Lò đốt rác thải	Xã Ngọc Vân	Báo cáo ĐTM	Đốt	07	Đang hoạt động	
51.	Lò đốt rác thải	Xã An Dương		Đốt	5	Đang hoạt động	
52.	Lò đốt rác thải	Xã Việt Lập		Đốt	5	Đang hoạt động	
53.	Lò đốt rác thải	Thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	Chưa	Đốt	10	Đang hoạt động	
54.	Lò đốt rác thải	Xã Đại Sơn	Chưa	Đốt	07	Đang hoạt động	

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày)/ Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng cửa..)	Ghi chú
31.	Lò đốt rác thải	Xã Thái Đào	Chưa	Đốt	5	Đang hoạt động	
32.	Lò đốt rác thải	Xã Tân Dĩnh	Chưa	Đốt	5	Đang hoạt động	
33.	Lò đốt rác thải	Xã Nghĩa Hòa	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
34.	Khu xử lý rác thải huyện Yên Thế	Xã Tam Tiên, huyện Yên Thế	Báo cáo ĐTM	Đốt, chôn lấp hợp vệ sinh	17	Đang hoạt động	
35.	Lò đốt rác thải	TT Bó Hạ	Báo cáo ĐTM	Đốt	10	Đang hoạt động	
36.	Lò đốt rác thải	Xã Xuân Lương	Báo cáo ĐTM	Đốt	10	Đang hoạt động	
37.	Lò đốt rác thải	Xã An Thượng	Chưa	Đốt	3	Đang hoạt động	
38.	Nhà máy xử lý rác thải	Xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn	Báo cáo ĐTM	Đốt, tái chế	100	Đang hoạt động	
39.	Lò đốt rác thải	Xã Thanh Hải	Chưa	Đốt	07	Đang hoạt động	
40.	Lò đốt rác thải	Xã Hộ Đáp	Báo cáo ĐTM	Đốt	07	Đang hoạt động	
41.	Lò đốt rác thải	Xã Phú Nhuận	Báo cáo ĐTM	Đốt	07	Đang hoạt động	
42.	Khu xử lý rác thải huyện Hiệp Hòa	Thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa	Báo cáo ĐTM	Đốt	20	Đang hoạt động	
43.	Lò đốt rác thải	Xã Bắc Lý	Kế hoạch BVMT	Đốt	7	Đang hoạt động	
44.	Lò đốt rác thải	Xã Châu Minh	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
45.	Lò đốt rác thải	Xã Đoan Bái	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
46.	Lò đốt rác thải	Xã Mai Trung	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
47.	Lò đốt rác thải	Xã Quang Minh	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
48.	Khu xử lý xã Đồng Tân	Xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa	Kế hoạch BVMT	Đốt	3	Đang hoạt động	
49.	Lò đốt rác thải	TT Nhà Nam	Báo cáo ĐTM	Đốt	07	Đang hoạt động	

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày)/ Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng cửa..)	Ghi chú
10.	Lò đốt rác thải	Xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
11.	Khu xử lý rác thải thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam (02 khu)	Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	Chưa	Đốt, tái chế	60	Đang hoạt động	
12.	Lò đốt rác thải	Xã Bảo Đài	Chưa	Đốt	5	Đang hoạt động	
13.	Khu xử lý rác thải	Xã Bình Sơn	Báo cáo ĐTM	Đốt	3	Đang hoạt động	
14.	Khu xử lý rác thải	Xã Đông Hưng	Báo cáo ĐTM	Đốt	3	Đang hoạt động	
15.	Khu xử lý rác thải	Xã Đông Phú	Báo cáo ĐTM	Đốt	3	Đang hoạt động	
16.	Khu xử lý rác thải	Xã Thanh Lâm	Báo cáo ĐTM	Đốt	3	Đang hoạt động	
17.	Khu xử lý rác thải	Xã Cẩm Lý	Báo cáo ĐTM	Đốt	3	Đang hoạt động	
18.	Khu xử lý xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
19.	Khu xử lý rác thải	TT Vôi	Kế hoạch BVMT	Đốt	15	Đang hoạt động	
20.	Lò đốt rác thải	TT Kép	Kế hoạch BVMT	Đốt	10	Đang hoạt động	
21.	Lò đốt rác thải	Xã Nghĩa Hưng	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
22.	Lò đốt rác thải	Xã Hương Lạc	Kế hoạch BVMT	Đốt	3	Đang hoạt động	
23.	Lò đốt rác thải	Xã Tân Hưng	Kế hoạch BVMT	Đốt	10	Đang hoạt động	
24.	Lò đốt rác thải	Xã An Hà	Kế hoạch BVMT	Đốt	15	Đang hoạt động	
25.	Lò đốt rác thải	Xã Mỹ Hà	Kế hoạch BVMT	Đốt	5	Đang hoạt động	
26.	Lò đốt rác thải	Xã Tiên Lục	Báo cáo ĐTM	Đốt	8	Đang hoạt động	
27.	Lò đốt rác thải	Xã Quang Thịnh	Báo cáo ĐTM	Đốt	5	Đang hoạt động	
28.	Lò đốt rác thải	Xã Mỹ Thái	Chưa	Đốt	3	Đang hoạt động	
29.	Lò đốt rác thải	Xã Đào Mỹ	Chưa	Đốt	3	Đang hoạt động	
30.	Lò đốt rác thải	Xã Đại Lâm	Kế hoạch BVMT	Đốt	3	Đang hoạt động	

## Phụ lục IV

## Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

(Kèm theo Báo cáo số: 132 /BC-UBND ngày 26/11/2022 của UBND tỉnh)

## Bảng 1. Danh mục số lượng và diện tích di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn

	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạng sinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Số lượng (2)	Diện tích (ha) (3)	Số lượng (4)	Diện tích (5)	Số lượng (6)	Diện tích (7)	Số lượng (8)	Diện tích (ha) (9)
Toàn tỉnh	01	12.452						
Huyện Sơn Động	01 - Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử	12.452					01 - Vườn thực vật Tây Yên Tử	20
Huyện Lục Nam							01 - Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	0,05
Huyện Lạng Giang							01 - Vườn Cò Đào Mỹ	3,0
Huyện Việt Yên							01 - Vườn Cò Bích Sơn	3,0

Bảng 2. Danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm cần ưu tiên bảo vệ (theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP, Công ước CITES).

- Thực vật:

TT	Tên khoa học loài động vật rừng	Tên Việt Nam
1	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Kim tuyến lông
2	<i>Aerides odoratum</i> Lour	Quế lan hương
3	<i>Anoectochilus elwesii lylei</i> Rolfe ex Downie	Kim Tuyến
4	<i>Asarum glabrum</i> Merr.	Hoa tiên, trầu tiên
5	<i>Bulbophyllum ambrosia</i> (Hance) Schltr.	Thạch đậu lan
6	<i>Bulbophyllum lepidum</i> (Blume) I. J. Sm.	Lan cầu
7	<i>Calamus palatyacanthoides</i> Merr.	Song mật
8	<i>Calanthe triplicata</i> Willem	Địa lan hoa trắng
9	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Smith	Câu tích
10	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack) Meinsl.	Re hương
11	<i>Corymbokis veratrifolia</i> Blume	Lan đất lá dừa
12	<i>Cyathea chinensis</i> Copel.	Quyết thân gỗ
13	<i>Cyathea constaminas</i> (Wall. ex Hook.)	Dương xỉ gỗ bản
14	<i>Cyathea podophylla</i> (Hook.) Copel.	Dương xỉ mộc
15	<i>Cycas balansae</i> Warb	Sơn tuế
16	<i>Cycas fugax</i> K.D. Hill, H.T. Nguyễn & Phan K. Loc	Tuế lá xẻ
17	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.	Lan lô hội
18	<i>Cymbidium lancifolium</i> Hook.	Lan kiếm mác
19	<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb.	Trắc bụi, Dây sưa
20	<i>Dendrobium chrysanthum</i> Lindl.	Lan phi điệp vàng
21	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Hook.	Kim điệp
22	<i>Dendrobium gibsonii</i> Lindl	Hoàng thảo trúc
23	<i>Dendrobium lindleyi</i> Steud	Lan vảy rồng
24	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Lan phi điệp đẹp
25	<i>Dendrobium superbum</i> Reicho	Phi điệp
26	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh cách
27	<i>Drynaria bonii</i> Christ	Ráng đuôi phượng
28	<i>Drynaria fortunei</i> (Mett.) J. Sm.	Cột toái bỏ
29	<i>Eria globulifera</i> Seidenf.	Lan ni cầu
30	<i>Eria pannea</i> Lindl.	Ni lan lá hình trụ
31	<i>Fernandoa serrata</i> (Dop) Steenis	Đỉnh vàng quả khía
32	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	Hoàng đẳng đại
33	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Hoàng đẳng
34	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) Henry et Thomas	Pơ mu
35	<i>Kadsura coccinea</i> A.C.Sun	Cơm nắm đen
36	<i>Kadsura heteroclita</i> (Roxb.) Craib	Cơm nắm
37	<i>Nervilia aragoana</i> Gaudich.	Chân trâu xanh

38	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schlechter	Thanh thiên quỳ, Lan một lá trắng
39	<i>Paris polyphylla</i> Smith	Trọng lâu nhiều lá
40	<i>Podocarpus pilgeri</i> Forw.	Thông tre lá ngắn
41	<i>Polygonatum punctatum</i> Royle	Hoàng tinh đóm
42	<i>Renanthera coccinea</i> Lour.	Lan huyết nhung
43	<i>Stephania cepharantha</i> Hayata	Bình vôi hoa đầu
44	<i>Stephania dielsiana</i> C. Y. Wu	Củ dôm
45	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Bình vôi
46	<i>Tropidia curculigoides</i> Lindl.	Lan lòng thuyền
47	<i>Vrydagzynea albida</i> (Bl.) Bl.	Huệ đá trắng

## - Động vật:

TT	Tên khoa học loài động vật rừng	Tên Việt Nam
1	<i>Capricornis milneedwardsii</i>	Sơn dương
2	<i>Captopuma temmincki</i>	Báo lửa
3	<i>Cuon alpinus</i>	Chó sói lửa
4	<i>Cuora galbinifrons</i>	Rùa hộp trán vàng
5	<i>Cuora trifasciata</i>	Rùa hộp ba vạch
6	<i>Lutrogale perspicillata</i>	Rái cá lông mượt
7	<i>Manis pentadactyla</i>	Tê tê vàng
8	<i>Neofelis nebulosa</i>	Báo gấm
9	<i>Nycticebus bengalensis</i>	Cu li lớn
10	<i>Ophiophagus hannah</i>	Rắn hổ mang chúa
11	<i>Platysternon megacephalum</i>	Rùa đầu to
12	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	Voọc mũi hếch
13	<i>Shinisaurus crocodilurus</i>	Thằn lằn cá sấu
14	<i>Trachypithecus francoisi</i>	Voọc đen má trắng
15	<i>Ursus malayanus</i>	Gấu chó
16	<i>Ursus thibetanus</i>	Gấu ngựa
17	<i>Arctonyx collaris</i>	Lừng lợn
18	<i>Garrulax canorus</i>	Họa mi
19	<i>Garrulax chinensis</i>	Khướu bạc má
20	<i>Garrulax leucolophus</i>	Khướu đầu trắng
21	<i>Gekko gekko</i>	Tắc kè
22	<i>Geoemyda spengleri</i>	Rùa đất Spengler
23	<i>Glaucidium cuculoides</i>	Cú vọ mặt trắng
24	<i>Goniurosaurus lichtenfelderi</i>	Thạch thùng mí lichten-phen-đơ
25	<i>Heosemys grandis</i>	Rùa đất lớn
26	<i>Indotestudo elongata</i>	Rùa núi vàng
27	<i>Ketupa zeylonensis</i>	Dù di phương đông
28	<i>Lepus peguensis</i>	Thỏ nâu

29	<i>Lophura nycthemera</i>	Gà lôi trắng
30	<i>Macaca arctoides</i>	Khi mặt đỏ
31	<i>Macaca assamensis</i>	Khi mốc
32	<i>Macaca mulatta</i>	Khi vàng
33	<i>Milvus migrans</i>	Diều hâu
34	<i>Mustela strigidorsa</i>	Triết chỉ lưng
35	<i>Naja atra</i>	Rắn hổ mang
36	<i>Nyctereutes procyonoides</i>	Lửng chó
37	<i>Otus bakkamoena</i>	Cú mèo khoang cổ
38	<i>Paguma larvata</i>	Cây vòi mốc
39	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	Cây vòi hương
40	<i>Prionailurus bengalensis</i>	Mèo rừng
41	<i>Psittacula alexandri</i>	Vẹt ngực đỏ
42	<i>Python molorus</i>	Trăn mốc (Trăn đất)
43	<i>Pyxidae mouhoti</i>	Rùa sa nhân
44	<i>Ratufa bicolor</i>	Sóc đen
45	<i>Sacalia quadriocellata</i>	Rùa bốn mắt
46	<i>Trionyx steindachneri</i>	Ba ba gai
47	<i>Tylototriton vietnamensis</i>	Cá cóc Việt Nam
48	<i>Tyto alba</i>	Cú lợn xám
49	<i>Tyto capaensis</i>	Cú lợn lưng nâu
50	<i>Viverra zibetha</i>	Cây giông
51	<i>Viverricula indica</i>	Cây hương

Bảng 3. Danh mục các loài đặc hữu

TT	Tên khoa học loài động vật rừng	Tên Việt Nam
1	<i>Bejonia yentuensis</i>	Thu hải đường yên tử
2	<i>Odorrana yentuensis</i>	Ếch yên tử
3	<i>Tylototriton vietnamensis</i>	Cá cóc việt nam
4	<i>Shinisaurus crocodilurus</i>	Thằn lằn cá sấu
5	<i>Phacophorus maximus</i>	Ếch cây lớn
6	<i>Phacophorus rhodopus</i>	Ếch cây hai đốm

Bảng 4. Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

TT	Tên khoa học loài động vật rừng	Tên Việt Nam
1	<i>Pinus massoniana Lamb</i>	Thông đuôi ngựa
2	<i>Artabotrys tetramerus Ban</i>	Móng rồng mỏ nhọn
3	<i>Goniothalamus vietnamensis Bân</i>	Bồ bèo đen
4	<i>Alstonia scholaris R. Br</i>	Sữa
5	<i>Markhamia stipulata (Wall.) Seem. ex Schum.</i>	Đinh



6	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Yakovl.	Trám đen
7	<i>Sindora tonkinensis</i> A. Chev. ex K.	Gụ lau
8	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume	Chò nâu
9	<i>Hopea mollissima</i> C.Y.Wu.	Táu mặt quý
10	<i>Vatica fleuryana</i> Tardieu	Táu muối
11	<i>Elaeocarpus apiculatus</i> Gagnep	Côm lá bàng
12	<i>Craibiodendron stellatum</i> (Pierre) W.W. Smith	Rán mật
13	<i>Deutzianthus tonkinensis</i> Gagnep	Mọ
14	<i>Castanopsis hystrix</i> A. DC	Cà ôi (lá) đỏ, Dẻ gai đỏ
15	<i>Lithocarpus cerebrinus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ phẳng
16	<i>Lithocarpus hemisphaericus</i> (Drake) Barnett	Dẻ bán cầu
17	<i>Lithocarpus podocarpus</i> Chun.	Sồi quả chuông
18	<i>Lithocarpus sphaerocarpus</i> (Hickel et A. Camus) Camus	Sồi hương, quả tròn
19	<i>Lithocarpus vestitus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ cau lông trắng
20	<i>Lithocarpus bacgiangensis</i> (Hickel et Camus) A. Camus	Dẻ Bắc Giang
21	<i>Quercus chrysocalyx</i> Hickel & A. Camus	Sồi quang, Dẻ cuông
22	<i>Quercus platycalyx</i> Hickel & A. Camus	Sồi đĩa
23	<i>Aesculus chinensis</i> Bunge	Kẹn
24	<i>Phoebe macrocarpa</i> C. Y. Wu	Re trắng quả to
25	<i>Ixonanthes chinensis</i> Champ	Hà nu
26	<i>Strychnos cathayensis</i> Merr.	Mã tiền cà thày
27	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy	Giôi lông
28	<i>Aglai spectabilis</i> (Mq.) Jain & Bennet	Gội nếp
29	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss	Lát hoa
30	<i>Knema conferta</i> Warbg	Máu chó lá nhỏ
31	<i>Knema poilanei</i> De Wilde	Máu chó poilane
32	<i>Ardisia crispa</i> (Thunb.) A. DC.	Trọng đũa
33	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô
34	<i>Meliantha suavis</i> Pierre	Rau sắng
35	<i>Morinda officinalis</i> How	Ba kích
36	<i>Amesiodendron chinensis</i> (Merr.) Hu	Trường sâng
37	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H. J. Lam	Sén mật
38	<i>Limnophila rugosa</i> (Roh.) Merr	Rau thom đắng, Hồi nước
39	<i>Alniphyllum eberhartii</i> Guillaum.	Lá dương đỏ
40	<i>Camellia gilbertii</i> (A. Chev. ex Gagnep.) Sealy	Trà hoa vàng gilbert

41	<i>Rhamnoneuron balansae</i> (Dracke) Gilg (V)	Dó
42	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trâm hương
43	<i>Dendrochride urentissima</i> (Gagnep.) Chew.	Hàn voi
44	<i>Curculigo aff. orchioides</i> Gaertn	Sâm cau tựa lan
45	<i>Smilax glabra</i> Wall. Et Roxb.	Thỏ phục linh
46	<i>Smilax petelotii</i> T. Koyama	Kim cang petelot
47	<i>Tacca subflabellata</i> P.P.Ling &C.T.Ting	Râu hùm

## Phụ lục V

## Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm

132 Báo cáo số: 132 /BC-UBND ngày 26 /11/2022 của UBND tỉnh)



TT	Tên dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dự án	Số quyết định phê duyệt	Cơ quan phê duyệt	Ngày ký	Ghi chú
(1)			(3)				
A	<b>BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG</b>						
I	<b>Thành phố Bắc Giang</b>						
1.	Khu đô thị trung tâm xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang - Công ty TNHH Bắc Giang Land	Khu đô thị	Xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang	1312/QĐ-UBND	UBND tỉnh	25/11/2021	
2.	Nhà máy gia công cơ khí chính xác - Công ty TNHH cơ khí mạ Thiên Đông	Gia công cơ khí	KCN Song Khê - Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang	1412/QĐ-UBND	UBND tỉnh	10/12/2021	
3.	"Khu đô thị mới thôn Tân Mỹ, xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang"	Xây dựng hạ tầng khu đô thị mới	thôn Tân Mỹ, xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang	705/QĐ-UBND	UBND tỉnh	16/7/2021	
4.	Khu đô thị mới Thành Trung - Cầu, xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang - Công ty cổ phần thương mại xây dựng Thành Đạt Bắc Giang	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	Xã Đình Trì, thành phố Bắc Giang	45/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/01/2022	
5.	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Mai Cao, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Giang	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	Xã Song Mai, thành phố Bắc Giang	272/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/3/2022	
6.	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cạnh đường nối từ đường Thân Khuê đến đường Trần Hưng Đạo, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Giang	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	Xã Song Mai, thành phố Bắc Giang	221/QĐ-UBND	UBND tỉnh	03/3/2022	

7.	Mở rộng đường gom hai bên cao tốc Hà Nội - Bắc Giang (đoạn từ nút giao QL17 đến cầu Xương Giang) - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Bắc Giang	Giao thông	Xã Song Khê và xã Đông Sơn, thành phố Bắc Giang.	239/QĐ-UBND	UBND tỉnh	10/3/2022	
8.	Khu đô thị mới phía Tây Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang - Liên danh Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam, Công ty cổ phần tập đoàn Bách Việt, Công ty cổ phần BV Land và Công ty cổ phần phát triển hạ tầng TMG	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	Thôn Riều, xã Dĩnh Trì và một phần thuộc tổ dân phố Giáp Tiều, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang	508/QĐ-UBND	UBND tỉnh	27/5/2022	
9.	Khu đô thị mới Cửa Làng, thôn Trước, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang" - Liên danh Công ty TNHH Ngọc Thơ và Công ty CP tư vấn và xây dựng Nam Hải	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang	1027/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/10/2022	
10.	Xây dựng nhà ở, nhà ở kết hợp thương mại hỗn hợp tại Phân khu số 2, khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang" - Công ty cổ phần đầu tư Văn Phú - Invest	Xây dựng nhà ở	Phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang	622/QĐ-UBND	UBND tỉnh	23/6/2022	
11.	Khu đô thị mới Giáp Ngụột - Trại Cầu, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang" - Công ty cổ phần thương mại và đầu tư HTV	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	Phường Dĩnh Kế và xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang	731/QĐ-UBND	UBND tỉnh	22/7/2022	
12.	Trường phổ thông ngoài công lập" - Công ty TNHH Giáo dục FPT làm chủ đầu tư tại phường Dĩnh Kế và xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang	Xây dựng trường học	phường Dĩnh Kế và xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang	826/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/8/2022	
13.	Dự án "Khu dân cư Song Khê số 2, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang" - Liên danh Công ty cổ phần BG và Công ty TNHH Nam Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Song Khê, thành phố Bắc Giang	909/QĐ-UBND	UBND tỉnh	08/9/2022	

II	<b>Huyện Lạng Giang</b>							
14.	Dự án "Xây dựng xưởng sản xuất hàng may mặc" - Công ty TNHH sản xuất và thương mại VT Nam Phương	Sản xuất hàng may mặc	cụm công nghiệp Vôi - Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang	1233/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/11/2021		
15.	Khu dân cư thôn Mâu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang - Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà HUD2	Khu dân cư	Thôn Mâu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.	1307/QĐ-UBND	UBND tỉnh	24/11/2021		
16.	Tuyến đường huyện đoạn từ QL37 đi đường vành đai V Thủ Đô- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng đường giao thông	Hương Sơn, Hương Lạc, Yên Mỹ, Tân Hưng, Xương Lâm, Tân Dĩnh và thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang	1374/QĐ-UBND	UBND tỉnh	08/12/2021		
17.	Xây dựng khu dân cư trung tâm xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang (giai đoạn 1)" - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	1391/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/12/2021		
18.	Nhà máy sản xuất và gia công linh kiện điện tử Phúc Minh Huy	sản xuất và gia công linh kiện điện tử	thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang	1421/QĐ-UBND	UBND tỉnh	14/12/2021		
19.	Dự án "Xây dựng cửa hàng dịch vụ thương mại, may mặc xuất khẩu, cho thuê nhà xưởng" - Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Huệ Long	Xây dựng cửa hàng dịch vụ thương mại, may mặc xuất khẩu, cho thuê nhà xưởng	tại thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang	1472/QĐ-UBND	UBND tỉnh	20/12/2021		
20.	Khu đô thị số 1, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.- Liên danh Công ty TNHH đầu tư Tây Bắc vùng 4 - Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Tây Bắc.	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	Thôn Ghép và thôn Then, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.	1586/QĐ-UBND	UBND tỉnh	31/12/2021		
21.	Khu đô thị số 4 xã Thái Đào, huyện Lạng Giang. - Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Mai Vàng.	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	Xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.	38/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/01/2022		

22.	Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm từ nhựa, dây chun buộc tóc, túi xách - Công ty TNHH Quân Trạch	sản xuất các sản phẩm từ nhựa	CCN Non Sáo, xã Tân Đình, huyện Lạng Giang.	61/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/01/2022	
23.	Mở rộng và điều chỉnh chủ đầu tư cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang - Công ty Cổ phần Tổng công ty May Bắc Giang LGG	Xây dựng hạ tầng CCN	Xã Nghĩa Hòa và thị trấn Kép, huyện Lạng Giang	127/QĐ-UBND	UBND tỉnh	07/02/2022	
24.	Đầu tư xây dựng công trình khai thác đất san lấp tại khu vực Đồng Mục, thôn Dầu, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Khai thác khoáng sản (đất san lấp)	Công ty TNHH Đức Hồng Phúc	563/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/6/2022	
25.	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp bằng tại khu vực Rừng Giếng, thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang - Công ty TNHH Xây dựng 899.	Khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng)	Xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang.	229/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/3/2022	
26.	Khu đô thị số 3 xã Thái Đào, huyện Lạng Giang - Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Bắc Hà	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	Thôn Già, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.	198/QĐ-UBND	UBND tỉnh	26/02/2022	
27.	Khu dân cư trung tâm xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang - Công ty cổ phần đầu tư Mỹ Thái	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang	510/QĐ-UBND	UBND tỉnh	27/5/2022	
28.	Khu phía Bắc thuộc khu dân cư số 1 xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang- Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ PCCC Phương Nam	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thôn Đình và thôn Gai, xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	385/QĐ-UBND	UBND tỉnh	22/4/2022	
29.	"Khu dân cư xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang"- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng NHS	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	476/QĐ-UBND	UBND tỉnh	20/5/2022	
30.	Xây dựng khu đô thị số 5 xã Thái Đào, huyện Lạng Giang (giai đoạn 1)"- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Thái Đào, huyện Lạng Giang	449/QĐ-UBND	UBND tỉnh	16/5/2022	
31.	Khu đô thị Mỹ Hưng 2, huyện Lạng	Xây dựng hạ tầng	xã Tân Hưng, xã	728/QĐ-		22/7/2022	

	Giang" - Công ty cổ phần kinh doanh bất động sản Minh Đức Land	khud đô thị	Xương Lâm, huyện Lạng Giang	UBND		
32.	Dự án "Xây dựng khu dân cư thôn Kép 12, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)" -Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang 1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	711/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/7/2022
33.	Xây dựng khu dân cư thôn Ruồng Cái, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang (giai đoạn 4)" - Ban Quản lý dự án đầu tư huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang	701/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/7/2022
34.	Xây dựng khu dân cư số 1 xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)" - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang	944/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/9/2022
35.	Xây dựng khu dân cư trung tâm xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)" - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	837/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/5/2022
36.	Xây dựng khu dân cư xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)" - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	786/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/8/2022
37.	Tuyến đường trục kết nối từ khu công nghiệp Tân Hưng đi đường Đại Lâm - An Hà" - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng đường giao thông	xã Tân Hưng, xã Hương Lâm, huyện Lạng Giang	785/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/8/2022
38.	Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức" - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng đường giao thông	xã Tân Thanh, xã Dương Đức, huyện Lạng Giang	782/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/8/2022
39.	Xây dựng khu dân cư công UBND xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 5)" - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang	780/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/8/2022

40.	Khu dân cư Tân Hòa, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang” - Công ty TNHH đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang	718/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/7/2022	
41.	Xây dựng khu dân cư thôn Dầu, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang (giai đoạn 1)” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang	880/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/8/2022	
42.	Dự án “Xây dựng khu dân cư Mái Hả, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 5)” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang	878/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/8/2022	
43.	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đầu giá quyền sử dụng đất khu Chợ Năm, xã Tiên Lục (giai đoạn 5)” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang	873/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/8/2022	
44.	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá quyền sử dụng đất khu dân cư thôn Ao Luông, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang (giai đoạn 4)” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang	903/QĐ-UBND	UBND tỉnh	07/9/2022	
45.	“Khu dân cư thôn Giêng” - Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển hạ tầng Tiên Lục	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang	962/QĐ-UBND	UBND tỉnh	23/9/2022	
46.	Dự án “Xây dựng khu dân cư trung tâm xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang	991/QĐ-UBND	UBND tỉnh	06/10/2022	
47.	Dự án “Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hố Dãy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ánh Hiền	Khai thác đất làm vật liệu san lấp	xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	967/QĐ-UBND	UBND tỉnh	26/9/2022	



III	Huyện Việt Yên	Sản xuất linh kiện điện tử	Mặt phân lô D1-D2, KCN Đình Trám, huyện huyện Việt Yên	1231/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/11/2021
48.	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử - Công ty TNHH DaoL Tech	Sản xuất linh kiện điện tử	Một phân lô D1-D2, KCN Đình Trám, huyện huyện Việt Yên	1231/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/11/2021
49.	Khu đô thị mới Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên - Liên danh công ty TNHH đầu tư Tây Bắc vùng 4- Công ty cp tập đoàn đầu tư Tây Bắc	Khu đô thị mới	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	1280/QĐ-UBND	UBND tỉnh	21/11/2021
50.	“Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Tăng Tiến- Công ty TNHH phát triển hạ tầng công nghiệp Cửu Long	xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp	xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	1344/QĐ-UBND	UBND tỉnh	02/12/2021
51.	Thành lập Công ty điện tử Taeyang Việt Nam sản xuất màn hình điện thoại di động - Công ty TNHH điện tử Taeyang Việt Nam	Sản xuất linh kiện điện tử	Lô B10, B12, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên.	1491/QĐ-UBND	UBND tỉnh	22/12/2021
52.	Dự án “Dự án nhà máy Jinsung Electronics Vina” - Công ty TNHH Jinsung Electronics Vina	Sản xuất, gia công, lắp ráp linh kiện-phụ kiện điện tử (	Lô CN-10 (Nhà xưởng CN-10-16), KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	1532/QĐ-UBND	UBND tỉnh	27/12/2021
53.	Thành lập Công ty TNHH Mobase Sunstar Precision Vina- Công ty TNHH Mobase Sunstar Precision Vina	Sản xuất và gia công các bộ phận, đồ sắt, cắt kim loại	Lô CN-10, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1423/QĐ-UBND	UBND tỉnh	14/12/2021
54.	Khu dân cư đường Dương Quốc Cơ, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên - Ban QLDA ĐTXD huyện Việt Yên	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	Thị trấn Bích Động	1590/QĐ-UBND	UBND tỉnh	31/12/2021
55.	Nhà máy SME Việt Nam - Công ty TNHH SME Việt Nam.	Sản xuất bàn phím, vỏ, nút thao tác của điện thoại di động	khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên.	39/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/01/2022

56.	Nhà máy KJ Tech - Công ty TNHH KJ Tech.	- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử - Cho thuê nhà xưởng dư thừa	Lô CNSG-07, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên.	35/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/01/2022	
57.	Sản xuất linh kiện điện tử - Công ty TNHH dịch vụ IS Tech	Sản xuất linh kiện điện tử	Lô CNSG-07, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên.	33/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/01/2022	
58.	Cho thuê nhà xưởng và sản xuất, gia công linh kiện điện tử của Công ty TNHH công nghiệp Nam Giang - Công ty TNHH công nghiệp Nam Giang.	Cho thuê nhà xưởng và sản xuất, gia công linh kiện điện tử	Lô A2, A3, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên	43/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/01/2022	
59.	Nhà máy JD Cube Bắc Giang. - Công ty TNHH JD Cube.	Sản xuất, gia công linh kiện điện tử	Một phần lô CNSG-07, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên.	65/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/01/2022	
60.	Nhà máy sản xuất tai nghe, dây kết nối New Wing	Nhà máy sản xuất tai nghe, dây kết nối	khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên.	77/QĐ-UBND	UBND tỉnh	20/01/2022	
61.	Công ty TNHH Crystal Martin (Việt Nam).	- Sản xuất trang phục - Cho thuê máy móc, thiết bị ngành may - Cho thuê nhà xưởng	Lô R(R1), lô S, khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên.	91/QĐ-UBND	UBND tỉnh	21/01/2022	
62.	Khu dân cư thôn Như Thiết, xã Hồng Thái (giai đoạn 2) - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	99/QĐ-UBND	UBND tỉnh	24/01/2022	
63.	Dự án sản xuất, kinh doanh sản nhựa SPC và sản gỗ nhựa WPC - Công ty TNHH Jufeng New Materials Việt Nam	sản xuất sản nhựa SPC và sản gỗ nhựa WPC	khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên.	112/QĐ-UBND	UBND tỉnh	26/01/2022	
64.	Khu dân cư Thượng Phúc, Tăng Tiến; Đức Liễn, Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư	xã Tăng Tiến, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	193/QĐ-UBND	UBND tỉnh	24/02/2022	

65.	Nhà máy công nghệ chính xác Fuyu - Công ty TNHH Công nghệ chính xác Fuyu	Sản xuất thiết bị truyền thông	Lô M1 và lô F, khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên.	419/QĐ-UBND	UBND tỉnh	06/5/2022
66.	Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Hoàng Mai - Công ty Nam A - (TNHH)	xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp	Tổ dân phố Hoàng Mai 3, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.	414/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/5/2022
67.	Tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 298 đi khu công nghiệp Thương Lan - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên.	Xây dựng đường giao thông	Xã Minh Đức và xã Thượng Lan, huyện Việt Yên.	243/QĐ/QĐ-UBND	UBND tỉnh	10/3/2022
68.	Nhà máy sản xuất bao bì chất lượng cao Cheng Loong Bắc Giang - Công ty TNHH Cheng Loong Bắc Giang	- Sản xuất bao bì carton cao cấp. - Sản xuất giấy bao bì các loại dạng tấm.	Lô H(H-01), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	196/QĐ-UBND	UBND tỉnh	26/02/2022
69.	Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và đúc khuôn mẫu- Công ty TNHH Tannan Việt Nam.	Sản xuất cơ khí	Lô C11, KCN Đình Trám, huyện Việt Yên.	224/QĐ-UBND	UBND tỉnh	07/3/2022
70.	Khu dân cư Sơn Quang, Tân Sơn, xã Trung Sơn giai đoạn 3- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên I	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Trung Sơn, huyện Việt Yên	391/QĐ-UBND	UBND tỉnh	25/4/2022
71.	GPMB, đầu tư khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất - hạng mục: khu dân cư tổ dân phố Tự, thị trấn Bích Động - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	646/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/6/2022
72.	Đầu tư xây dựng khu dân cư trung tâm thị trấn Bích Động (số 3), huyện Việt Yên” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	607/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/6/2022

73.	Khu dân cư Văn Xá, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	606/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/6/2022	
74.	Khu dân cư Tổ dân phố Kiều, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	611/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/6/2022	
75.	Khu nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang” tại xã Quang Châu, huyện Việt Yên- Công ty cổ phần đầu tư Vega	Xây dựng khu nhà ở	xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	603/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/6/2022	
76.	“Đầu tư xây dựng Trường Tiểu học xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng trường học	xã Tự Lạn, huyện Việt Yên	637/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/6/2022	
77.	Đầu tư xây dựng cầu vượt 295B trên đường vành đai IV huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng cầu vượt	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên,	853/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/8/2022	
78.	Quản thể văn hóa, thể thao huyện Việt Yên” - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Việt Yên	Xây dựng quản thể	thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	872/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/8/2022	
<b>IV</b>	<b>Huyện Hiệp Hòa</b>						
79.	Dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị thông gió, làm mát” - Công ty cổ phần tập đoàn điện cơ Hà Nội	Sản xuất thiết bị thông gió, làm mát	khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa	1457/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/12/2021	
80.	Nhà máy sản xuất Hanoi Sungho Electronics - Công ty TNHH Hanoi Sungho Electronics.	Sản xuất và gia công các loại bảng mạch in và bộ phận của bảng mạch in	Một phần lô CN7, cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa.	1525/QĐ-UBND	UBND tỉnh	27/12/2021	

81.	Xây dựng trang trại hữu cơ Hiệp Hòa (sản xuất lợn thịt, gà, trứng gà đạt tiêu chuẩn hữu cơ) - Công ty TNHH Kim Tân Minh	Xây dựng trang trại nuôi lợn, gà	Xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa.	82/QĐ-UBND	UBND tỉnh	20/01/2022	
82.	Dự án nhà máy sản xuất Worldtop Vina. - Công ty TNHH Worldtop Vina	Sản xuất linh kiện điện tử	cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa.	93/QĐ-UBND	UBND tỉnh	22/01/2022	
83.	Khu đô thị thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa Công ty TNHH Ngọc Thơ	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	Xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.	175/QĐ-UBND	UBND tỉnh		
84.	Công ty TNHH Chunqu Electronic (Việt Nam) - Công ty TNHH Chunqu Electronic (Việt Nam).	Sản xuất các loại vỏ, khung, viên kim loại, nhựa, kim loại kết hợp nhựa dùng cho máy tính xách tay	Lô CN-09, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa	168/QĐ-UBND	UBND tỉnh	16/02/2022	
85.	Dự án "Nhà máy may Việt Pan Pacific" - Công ty TNHH một thành viên Việt Pan Pacific World	Sản xuất hàng may mặc	Xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa.	505/QĐ-UBND	UBND tỉnh	26/5/2022	
86.	Nhà máy sản xuất cơ khí Công ty cổ phần EMC Bắc Giang - Công ty cổ phần kỹ thuật công nghệ EMC	- Sản xuất ống gió, thang cáp, máng cáp; phụ kiện ống gió: tủ điện.	Một phần lô CN-10, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa	219/QĐ-UBND	UBND tỉnh	03/3/2022	
87.	Bệnh viện đa khoa Sơn Uyên - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Uyên Sơn	Bệnh viện	tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa.	226/QĐ-UBND	UBND tỉnh	07/3/2022	
88.	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng làng nghề Mai Hương - Công ty cổ phần xây dựng đô thị số 1 Hà Nội I	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, hạ tầng làng nghề	xã Mai Đình và xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa	545/QĐ-UBND	UBND tỉnh	03/6/2022	
89.	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Việt Nhật - Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Bắc Giang	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, hạ tầng cụm công nghiệp	xã Hương Lâm và xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa	442/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/5/2022	

90.	Khu dân cư Bắc Lý - Hương Lâm (giai đoạn 1), huyện Hiệp Hòa" - Ban Quản lý DA đầu tư xây dựng huyện Hiệp Hòa	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Bắc Lý và xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa	818/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/8/2022	
<b>V</b>	<b>Huyện Lục Nam</b>						
91.	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm Y tế huyện Lục Nam- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang	Y tế	thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	1215/QĐ-UBND	UBND tỉnh	08/11/2021	
92.	Khai thác và chế biến quặng vàng gốc tại xã Phong Minh, xã Sa Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang- Cty có phần tập đoàn khoáng sản Á Cường	Khai thác và chế biến quặng vàng	xã Phong Minh, xã Sa Lý, huyện Lục Nam	1267/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/11/2021	
93.	"Đầu tư khai thác khoáng sản (đất làm san lấp mặt bằng) tại khu vực Hồ Ráy, thôn An Phú, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Khai thác khoáng sản (đất làm vật liệu san lấp)	thôn An Phú, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam	1308/QĐ-UBND	UBND tỉnh	24/11/2021	
94.	Khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng) tại khu vực Hồ Dừng, thôn Tòng Lệnh 3, xã Trường Giang, huyện Lục Nam - Công ty TNHH TMDV vận tải Vũ Quân	Khai thác khoáng sản (đất làm vật liệu san lấp)	thôn Tòng Lệnh 3, xã Trường Giang, huyện Lục Nam,	1332/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/11/2021	
95.	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp mặt bằng tại khu vực Dốc Cửa Khuôn, thôn Quỳnh Cá, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang - Công ty TNHH vận tải Hoàng Cơ.	Khai thác khoáng sản	thôn Quỳnh Cá, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	1459/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/12/2021	
96.	Mua sắm, lắp đặt lò đốt rác và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ tại cụm xã Bình Sơn - Lục Sơn, huyện Lục Nam. - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục Nam	lắp đặt lò đốt rác	xã Bình Sơn, huyện Lục Nam	1554/QĐ-UBND	UBND tỉnh	29/12/2021	

97.	Mua sắm, lắp đặt lò đốt rác và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ tại xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục Nam.	lắp đặt lò đốt rác	Xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam	78/QĐ-UBND	UBND tỉnh	20/01/2022	
98.	Dự án 'Mua sắm, lắp đặt lò đốt rác và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ tại xã Đông Hưng, huyện Lục Nam - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục Nam.	Lắp đặt lò đốt rác	Xã Đông Hưng, huyện Lục Nam.	446/QĐ-UBND	UBND tỉnh	16/5/2022	
99.	Mua sắm, lắp đặt lò đốt rác và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ tại xã Đông Phú, huyện Lục Nam- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục Nam	Lắp đặt lò đốt rác	Xã Đông Phú, huyện Lục Nam.	447/QĐ-UBND	UBND tỉnh	16/5/2022	
100.	Xây dựng tuyến đường nối từ QL 37 đi QL 31 (đoạn từ Cầu Sen đi cầu Giã Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Nam	Xây dựng đường giao thông	Thị trấn Đồi Ngô, xã Tam Di, huyện Lục Nam.	268/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/3/2022	
101.	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp mặt bằng tại khu vực Rừng Quan, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang	Khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng)	Xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam.	230/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/3/2022	
102.	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp mặt bằng tại khu vực Cửa Khuôn, Đập Dốc Vang, thôn Quỳnh Cả, thôn Đồng Man, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang	Khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng)	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam.	232/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/3/2022	

103.	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp mặt bằng tại khu vực Rừng Đèo, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bắc Giang	Khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng)	Xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam.	231/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/3/2022	
104.	Mua sắm, lắp đặt lò đốt rác và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ tại xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục Nam	Lắp đặt lò đốt rác	Xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	240/QĐ-UBND	UBND tỉnh	10/3/2022	
105.	Khu dân cư số 2 (giai đoạn I), xã Phương Sơn, huyện Lục Nam - Công ty cổ phần bất động sản Detech Land	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thôn Phương Lạn 1, thôn Phương Lạn 3 và thôn Phương Lạn 4, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam	464/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/5/2022	
106.	Khu dân cư số 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam” - Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Thiên Ân	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	709/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/7/2022	
107.	Dự án “Khu dân cư số 1, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam”- Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng TMG Lục Nam	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thôn Hồ, Sơn Đình 1, Sơn Đình 2, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam	1021/QĐ-UBND	UBND tỉnh	14/10/2022	
<b>VI</b>	<b>Huyện Yên Thế</b>						
108.	Xây dựng nhà xử lý rác thải thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế -Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế	Xây dựng nhà xử lý rác thải	thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế	1375/QĐ-UBND	UBND tỉnh	08/12/2021	
109.	Khu số 2 thuộc khu dân cư mới thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế. - Công ty cổ phần đầu tư Minh Hùng	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	Thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế.	49/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/01/2022	
110.	“Khu dân cư trung tâm xã Đông Lạc, huyện Yên Thế” - Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Thăng Anh I	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Đông Lạc, huyện Yên Thế	533/QĐ-UBND	UBND tỉnh	01/6/2022	



111.	Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám" - Ban Quản lý dự án đầu tư huyện Yên Thế	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	638/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/6/2022	
112.	Trường THCS thị trấn Bó Hạ; hạng mục: GPMB, tường rào" - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế	giải phóng mặt bằng, xây dựng tường rào	thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế	922/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/9/2022	
<b>VII</b>	<b>Huyện Tân Yên</b>						
113.	Cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên- Công ty cổ phần xây dựng thương mại Đồng Tâm	xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp	Thị trấn Cao Thượng, xã Việt Lập, xã Cao Xá, huyện Tân Yên.	444/QĐ-UBND	UBND tỉnh	13/5/2022	
114.	Đầu tư khai thác đất san lấp mặt bằng tại khu vực núi Tiều, thôn Hương, xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang" - Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hoàng Anh Đạt	Khai thác khoáng sản (đất san lấp mặt bằng)	xã Liên Chung, huyện Tân Yên	560/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/6/2022	
115.	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị (đoạn tuyến từ ĐT295 đi QL17), thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên" -Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên	Cải tạo, nâng cấp đường	thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	712/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/7/2022	
116.	Đường từ ĐT 295 đi ĐT 298 (đoạn từ công Mọc đi công Mắm), thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên" -Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tân Yên	Xây dựng đường giao thông	thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	686/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/7/2022	
117.	Khu dân cư Bắc thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên" -Công ty cổ phần Hawee Bất động sản	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Liên Sơn và thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	645/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/6/2022	
118.	Dự án "Khu dân cư mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên" - Công ty cổ phần Quốc tế Nhân Lực Xanh	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên	921/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/9/2022	

VIII	<b>Huyện Lục Ngạn</b>						
119.	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Trần Phú (giai đoạn 2), huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Ngạn	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	Thị trấn Chủ, huyện Lục Ngạn	1390/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/12/2021	
120.	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư phân khu I, Khu đô thị phía Tây, thị trấn Chủ, huyện Lục Ngạn - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Ngạn	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư	Xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn.	1456/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/12/2021	
121.	Xây dựng, lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt xã Kim Sơn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang -Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Ngạn	lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt	Xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn.	18/QĐ-UBND	UBND tỉnh	06/01/2022	
122.	Xây dựng, lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Ngạn.	lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt	Xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn	16/QĐ-UBND	UBND tỉnh	06/01/2022	
123.	“Xây dựng, lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang - Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Ngạn.	lắp đặt lò đốt rác thải sinh hoạt	Xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn.	15/QĐ-UBND	UBND tỉnh	06/01/2022	
124.	Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Chủ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (thị trấn Chủ, Quý Sơn, Trù Hựu, Thanh Hải)” - Liên danh Công ty 379 - Minh Hùng	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	thị trấn Chủ, xã Quý Sơn, xã Trù Hựu, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn	854/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/8/2022	
125.	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thàn trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang” -Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng	huyện Lục Nam và huyện Lục Ngạn	893/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/9/2022	

126.	Khu dân cư trung tâm Kim 1, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn” -Liên danh Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Tân Thành và Công ty TNHH đầu tư xây dựng CC&I	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	thôn Kim 1, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn	890/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/9/2022	
<b>IX</b>	<b>Huyện Yên Dũng</b>						
127.	Eastfield (ViệtNam) Technology Company Limited -Công ty TNHH công nghệ Eastfield (Việt Nam)	Sản xuất điện tử	KCN Song Khê - Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	1210/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/11/2021	
128.	Khu đô thị mới Nội Hoàng, huyện Yên Dũng - Liên danh Công ty cổ phần phát triển nhà đẹp Vinaland và Công ty cổ phần đầu tư Sun Grand	Khu đô thị	Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	1239/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/11/2021	
129.	Xưởng sản xuất, gia công lắp ráp linh kiện điện tử - Công ty TNHH điện tử ACE Tech Vina	sản xuất, gia công lắp ráp linh kiện điện tử	KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam), huyện Yên Dũng	1265/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/11/2021	
130.	Nhà máy sản xuất chế biến gỗ ván ép- Công ty TNHH Viforest.	sản xuất chế biến gỗ ván ép	Lô CN 02, CCN Yên Lư, huyện Yên Dũng.	1576/QĐ-UBND	UBND tỉnh	31/12/2021	
131.	“Dự án nhà máy Việt Phúc”- Công ty TNHH công nghệ điện tử Việt Phúc.	Sản xuất linh kiện điện tử	Lô CNSG-09, khu công nghiệp Văn Trung, huyện Yên Dũng	1/QĐ-UBND	UBND tỉnh	03/1/2022	
132.	Xưởng sản xuất và gia công linh kiện điện tử Đắc Huy Đạt - Công ty TNHH công nghệ Dehuida Việt Nam.	Sản xuất và gia công linh kiện điện tử	Cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	324/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/4/2022	
<b>V</b>	<b>Huyện Sơn Động</b>						
133.	Đầu tư khai thác khoáng sản cát, sỏi lòng sông khu vực các xã Đại Sơn và Cẩm Đan, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” - Công ty TNHH một thành viên Giai Thị.	Khai thác khoáng sản (cát, sỏi lòng sông)	Xã Đại Sơn, xã Cẩm Đan, huyện Sơn Động	244/QĐ-UBND	UBND tỉnh	10/3/2022	

II		CẤP GIẤY PHEP MỚI TRƯỞNG							
I	Thành phố Bắc Giang								
1.	Khu nhà hàng, khách sạn, thương mại dịch vụ và cho thuê văn phòng	Xây dựng		Thôn An Bình, xã Tân Tiến, TP Bắc Giang (lô CC3, Khu 3, KĐT phía Nam TPBG)	448/QĐ-UBND	UBND tỉnh	16/5/2022		
2.	Nhà máy sản xuất năng lượng mới Allesun tại Việt Nam	Tấm pin năng lượng mặt trời		Lô B1, KCN Song Khê-Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang	907/QĐ-UBND	UBND tỉnh	08/9/2022		
3.	Nhà máy Yiyin Solar Việt Nam	Tấm pin năng lượng mặt trời		Khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng (khu phía Bắc), thành phố Bắc Giang	875/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/8/2022		
4.	Sản xuất tấm pin và module chuyển hóa năng lượng mặt trời - Công ty TNHH khoa học kỹ thuật năng lượng mặt trời Boviet.	ản xuất tấm pin và module chuyển hóa năng lượng mặt trời.		khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang	633/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/6/2022		
5.	Nhà máy Myungbo Cable Công ty TNHH Myungbo Vina	- Sản xuất dây cáp truyền hình, viễn thông		KCN Song Khê-Nội Hoàng thành phố Bắc Giang	787/QĐ-UBND	UBND tỉnh	04/8/2022		
6.	Công ty cổ phần Tổng công ty may Bắc Giang BGG	Sản xuất, gia công, thiết kế các loại quần, áo		số 349 đường Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang	947/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/9/2022		
7.	Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	Sản xuất hàng may mặc và cung cấp các dịch vụ gia công may mặc và các sản phẩm khác.		Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	980/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/9/2022		

8.	Tòa nhà chung cư hỗn hợp tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lilama	Tòa nhà chung cư kết hợp thương mại, dịch vụ	16 đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang	1039/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/10/2022	
9.	Trường mầm non Đồ Rê Mì	Giáo dục	Xã Tân Tiến	1112/QĐ-UBND	UBND thành phố Bắc Giang	26/9/2022	
10.	Xưởng sản xuất đá khô và chiết nạp khí công nghiệp	Chiết nạp khí công nghiệp	Phường Đa Mai	1139/QĐ-UBND	UBND thành phố Bắc Giang	5/10/2022	
11.	Phòng thí nghiệm Công ty TNHH dịch vụ tư vấn môi trường Nam Việt	Quan trắc môi trường	phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang	1166/QĐ-UBND	UBND thành phố Bắc Giang	10/11/2022	
<b>II</b>	<b>Huyện Lạng Giang</b>						
12.	Nhà máy chế biến gỗ ván ép và sản phẩm từ gỗ xuất khẩu	Gỗ ván ép	xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang	821/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/8/2022	
13.	Showroom trưng bày và dịch vụ bảo hành, bảo trì xe ô tô - Công ty cổ phần ô tô Trường Hải	Bán, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì sản phẩm xe ô tô do THACO phân phối	Thôn Cầu Chính, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang	436/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/5/2022	
14.	Xưởng sản xuất, văn phòng giao dịch và cho thuê nhà xưởng - Công ty TNHH cơ khí Quế Sơn	- Sản xuất, gia công, rèn, dập, cán kéo, đúc thép các sản phẩm cơ khí - Cho thuê nhà xưởng dư thừa.	CCN Non Sáo, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang	716/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/7/2022	
15.	Xây dựng cửa hàng dịch vụ thương mại, may mặc xuất khẩu, cho thuê nhà xưởng - Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nam Huệ Long	Xây dựng cửa hàng dịch vụ thương mại, gia công hàng may mặc xuất khẩu; cho thuê nhà xưởng.	Thôn An Long, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	924/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/9/2022	

<b>III</b>	<b>Huyện Tân Yên</b>											
16.	Dự án nhà máy may thời trang cao cấp - Công ty cổ phần tập đoàn HBL	Sản xuất áo Jacket và quần xuất khẩu.	Thôn Kim Tràng, xã Việt Lập, Huyện Tân Yên	624/QĐ-UBND	UBND tỉnh	24/6/2022						
17.	Nhà xưởng, lò rác và hệ thống hạ tầng, phụ kiện xử lý rác thải xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên	Xử lý rác thải	xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên	908/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/8/2022						
18.	Cơ sở: Bệnh viện y học cổ truyền Ngọc Thiện	Khám chữa bệnh y học cổ truyền	Thôn Tân Lập, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên	95/GPMT-UBND	UBND huyện Tân Yên	05/4/2022						
19.	Cơ sở: Bệnh viện y học cổ truyền Phúc Thượng	Khám chữa bệnh y học cổ truyền	Thôn 284, xã Quê Nham, huyện Tân Yên	282/GPMT-UBND	UBND huyện Tân Yên	22/8/2022						
<b>IV</b>	<b>Huyện Sơn Động</b>											
20.	Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học - khu 2 - Công ty TNHH chăn nuôi Sơn Động	Chăn nuôi lợn an toàn sinh học	thôn Hạ, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	751/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/7/2022						
<b>V</b>	<b>Huyện Yên Thế</b>											
21.	Khu xử lý rác thải xã Đông Vương, huyện Yên Thế	Xử lý rác thải	Xã Đông Vương, huyện Yên Thế	946/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/9/2022						
<b>VI</b>	<b>Huyện Lục Nam</b>											
22.	dự án "Xí nghiệp may Lục Nam" - Công ty cổ phần Tổng công ty may Bắc Giang LNG	Sản xuất áo Jacket và quần.	cụm công nghiệp thị trấn Đồi Ngô, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam	1043/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/10/2022						
23.	Khai thác than khu IV mỏ than Nước Vàng	Khai thác khoáng sản	Xã Lục Sơn, huyện Lục Nam	1023/QĐ-UBND	UBND tỉnh	14/10/2022						
<b>VII</b>	<b>Huyện Yên Dũng</b>											
24.	Khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng phía Nam (Khu công nghiệp phụ trợ Fuji)	ĐT XD và kinh doanh hạ tầng KCN	Khu công nghiệp Song Khê-Nội Hoàng phía Nam, huyện Yên Dũng	604/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/6/2022						

25.	Nhà máy sản xuất khay và thanh nẹp góc, xốp phục vụ cho công nghiệp điện tử	Nhà máy sản xuất, lắp ráp linh kiện từ điện thoại di động, đồ gia dụng và ô tô - Công ty TNHH Fine Eleccom Vina -	Sản xuất phụ kiện gỗ, giấy	CN11, CCN Nham Sơn-Yên Lư, huyện Yên Dũng	759/QĐ-UBND	UBND tỉnh	29/7/2022	
26.	Nhà máy sản xuất, lắp ráp linh kiện từ điện thoại di động, đồ gia dụng và ô tô - Công ty TNHH Fine Eleccom Vina -	Nhà máy sản xuất, lắp ráp linh kiện từ điện thoại di động và ô tô - Công ty TNHH Fine Eleccom Vina -	Sản xuất, lắp ráp sạc không dây cho điện thoại di động	KCN Song Khê - Nội Hoàng (khu phía Nam), huyện Yên Dũng	474/QĐ-UBND	UBND tỉnh	20/5/2022	
27.	Dự án sản xuất linh kiện điện tử Sameun Electronics Vina - Công ty TNHH Sameun Electronics Vina	Dự án sản xuất linh kiện điện tử Sameun Electronics Vina - Công ty TNHH Sameun Electronics Vina	Sơn và in vỏ điện thoại.	KCN Song Khê - Nội Hoàng (khu phía Nam), huyện Yên Dũng	432/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/5/2022	
28.	Thành lập Công ty TNHH Desay Battery Vina - Công ty TNHH Desay Battery Vina	Thành lập Công ty TNHH Desay Battery Vina - Công ty TNHH Desay Battery Vina	Sản xuất, gia công và lắp ráp các loại Pin Lithium sử dụng cho điện thoại di động	khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng (phía Nam), huyện Yên Dũng	458/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/5/2022	
29.	Dự án "Eastfield (VietNam) Technology Company Limited" do Công ty TNHH công nghệ Eastfield (Việt Nam)	Dự án "Eastfield (VietNam) Technology Company Limited" do Công ty TNHH công nghệ Eastfield (Việt Nam)	- Sản xuất và gia công đèn LED, đèn pha, đèn đường.	Lô FJ-25, khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	610/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/6/2022	
30.	Dự án "Nhà máy sản xuất hạt nhựa Nam Thiên" Công ty TNHH nhựa Nam Thiên	Dự án "Nhà máy sản xuất hạt nhựa Nam Thiên" Công ty TNHH nhựa Nam Thiên	- Sản xuất hạt nhựa EVA; Sản xuất keo nến.	Lô 17, CCN Nội Hoàng, huyện Yên Dũng,	891/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/9/2022	
31.	Dự án "Nhà xưởng sản xuất hóa chất Đại Quang" - Công ty TNHH Đại Quang chemistry Vina	Dự án "Nhà xưởng sản xuất hóa chất Đại Quang" - Công ty TNHH Đại Quang chemistry Vina	Thực hiện sản xuất, pha chế các loại hoá chất	cụm công nghiệp Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	979/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/9/2022	
32.	Dự án sản xuất Film PVB Sơn Hà	Dự án sản xuất Film PVB Sơn Hà	Sản xuất màng Film PVB cho kính dán an toàn.	Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư	785/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	UBND huyện Yên Dũng	14/07/2022	
33.	Nhà xưởng Công ty TNHH Huy Hoàng Kinh Bắc	Nhà xưởng Công ty TNHH Huy Hoàng Kinh Bắc	Sản xuất keo AKD	Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư	784/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	UBND huyện Yên Dũng	14/07/2022	

VIII	Huyện Hiệp Hòa							
34.	Nhà máy sản xuất thiết bị thông gió, làm mát	Cơ khí	KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, huyện Hiệp Hòa	475/QĐ-UBND	UBND tỉnh	20/5/2022		
35.	Bệnh viện đa khoa Sơn Uyên	Y tế	đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa	609/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/6/2022		
36.	Nhà máy giặt Pan Pacific World	Giặt, nhuộm	Thôn Danh Thượng 2, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa	760/QĐ-UBND	UBND tỉnh	29/7/2022		
37.	Dự án Nhà máy Ecomaterial	Tái chế nhựa, sản xuất màng nhựa	CCN Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	935/QĐ-UBND	UBND tỉnh	14/9/2022		
38.	Nhà máy Kodi New Material Việt Nam - Công ty TNHH Kodi New Material Việt Nam	Sản xuất các loại màng trang trí PVC màu.	KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa	524/QĐ-UBND	UBND tỉnh	31/5/2022		
39.	Nhà máy kết cấu thép CPT Công ty cổ phần CPT Thanh Vân	Sản xuất các kết cấu thép	tại lô CN-08, CCN Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa	752/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/7/2022		
40.	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa Toyoplas. Công ty TNHH Toyoplas Manufacturing (Bắc Giang)	Sản xuất, gia công vỏ nhựa dùng cho thiết bị điện, điện tử	lô CN-04, khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa	847/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/8/2022		
41.	Dự án "Dự án Bromake Việt Nam" - Công ty TNHH Bromake Việt Nam	Các loại khay, khuôn đúc từ plastic	lô CN-05, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa	999/QĐ-UBND	UBND tỉnh	06/10/2022		
42.	Nhà máy may xuất khẩu Hà Thanh - Công ty cổ phần thời trang Hà Thanh	Sản xuất hàng may mặc	xã Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa	911/QĐ-UBND	UBND huyện Hiệp Hòa	06/6/2022		
43.	Nhà máy sản xuất thiết bị làm mát - Công ty Cổ phần Fushini Việt Nam	Sản xuất thiết bị làm mát.	KCN Hòa Phú, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa	1097/QĐ-UBND	UBND huyện Hiệp Hòa	16/6/2022		



44.	Bến xe phía Nam huyện Hiệp Hòa- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Hòa	Giao thông	thôn Chớp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa	73/QĐ-UBND	UBND huyện Hiệp Hòa	05/9/2022	
<b>IX</b>	<b>Huyện Việt Yên</b>						
45.	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa, màng nilong, giấy đóng gói, nhãn mác-Huari VN	Sản xuất nhãn mác, sản phẩm từ nhựa và gạo	Lô CN-17, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	564/QĐ-UBND	UBND tỉnh	09/6/2022	
46.	Dự án Leili Motor Việt Nam	Cơ khí	KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	601/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/6/2022	
47.	Nhà máy Runyang Technology Việt Nam	Sản xuất sản phẩm nhựa, cao su	lô K1-7, KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	918/QĐ-UBND	UBND tỉnh	12/9/2022	
48.	Nhà máy linh kiện điện tử TS Vina	Cơ khí	lô D (D3) KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	1013/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/10/2022	
49.	Nhà máy Naise New Materilas Việt Nam	Sản xuất màng trang trí	Lô K(K-1), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	937/QĐ-UBND	UBND tỉnh	15/9/2022	
50.	Bệnh viện TNHH Thái Nguyên	Y tế	đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	959/QĐ-UBND	UBND tỉnh	23/9/2022	
51.	Nhà máy Long Hưng	Cơ khí	điểm lô CNSG-10, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	852/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/8/2022	
52.	Nhà máy SDS IC Tech Vina	Sơn mạ	Khu Đông Vàng, KCN Đình Trám, huyện Việt Yên	948/QĐ-UBND	UBND tỉnh	19/9/2022	
53.	Nhà máy Song Thịnh	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng	Lô CNSG-04, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	1010/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/10/2022	
54.	Nhà máy U Kwong VietNam - Công ty TNHH U Kwong Việt Nam	Sản xuất, gia công các sản phẩm từ nhựa	KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	459/QĐ-UBND	UBND tỉnh	18/5/2022	

55.	Nhà máy Fousine Việt Nam - Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Fousine Việt Nam	+ Sản xuất dây, cáp điện và cáp điện tử	KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	628/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/6/2022	
56.	Nhà máy Great Union International Việt Nam - Công ty TNHH Great Union International Việt Nam	Sản xuất, gia công, sửa chữa các con lăn bằng kim loại dùng	Lô K(K1-3), KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	485/QĐ-TNMT	UBND tỉnh	23/5/2022	
57.	Nhà máy Crown Advanced Material Việt Nam Công ty TNHH Crown Advanced Material Việt Nam	Sản xuất, gia công các sản phẩm màng nhựa	KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên	671/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/7/2022	
58.	Dự án "Thành lập Công ty TNHH Mobase Sunstar Precision Vina" do Công ty TNHH Mobase Sunstar Precision Vina	Sản xuất và gia công các bộ phận, đồ sắt, cắt kim loại và bán sản phẩm máy may	khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên	632/QĐ-UBND	UBND tỉnh	28/6/2022	
59.	Dự án "Nhà máy nhựa cao cấp chính xác Huimei" do Công ty TNHH nhựa chính xác Huimei	- Sản xuất, gia công, lắp ráp các sản phẩm từ plastic.	Lô M (M-3), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	669/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/7/2022	
60.	Thành lập công ty GL Electronic Vina	- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử	khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên	657/QĐ-UBND	UBND tỉnh	30/6/2022	
61.	Công ty TNHH Rongxin Tech (Việt Nam)	Sản xuất, gia công linh kiện điện tử	KCN Vân Trung, huyện Yên Dũng	673/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/7/2022	
62.	Nhà máy Orange Decoration Film Việt Nam - Công ty TNHH Orange Decoration Film Việt Nam	Sản xuất các loại màng trang trí PVC màu.	khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên	693/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/7/2022	
63.	Sản xuất, lắp ráp, gia công tấm pin năng lượng mặt trời - Công ty TNHH Vina Solar Technology		KCN Vân Trung, huyện Việt Yên		UBND tỉnh		
64.	Xây dựng nhà máy sản xuất gỗ xuất khẩu- Công ty TNHH Đại Hoàng Dương	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác.	Thôn Nghĩa Vũ, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên	670/QĐ-UBND	UBND tỉnh	05/7/2022	
65.	Dự án công nghệ tế bào quang điện JA Solar PV Việt Nam - Công ty TNHH JA Solar PV Việt Nam	Sản xuất tấm tế bào quang điện	khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	602/QĐ-UBND	UBND tỉnh	17/6/2022	

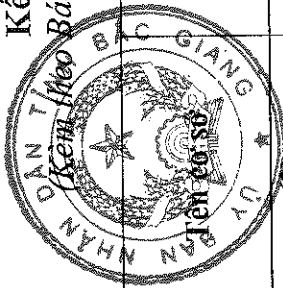
66.	Nhà máy sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử Bôi"- Công ty TNHH Bôi Việt Nam	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	748/QĐ-UBND	UBND tỉnh	23/7/2022	
67.	Nhà máy T&C One - Công ty T&C One	- Sản xuất linh kiện điện tử	cum công nghiệp Việt Tiên, huyện Việt Yên	930/QĐ-UBND	UBND tỉnh	13/9/2022	
68.	Nhà máy Chenfeng New Materials Việt Nam - Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam	Sản xuất và gia công các sản phẩm sản Composite nhựa đá SPC	Tại một phân lô K(K.1-4), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	1011/QĐ-UBND	UBND tỉnh	11/10/2022	
69.	Xây dựng Tổ hợp dịch vụ, thương mại và khách sạn lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên- Công ty TNHH đầu tư dịch vụ MTV Bảo Ngọc	Thương mại, dịch vụ.	lô CC5 thuộc khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, huyện Việt Yên	966/QĐ-UBND	UBND tỉnh	26/9/2022	
70.	Nhà ở riêng lẻ hộ ông Trần Trọng Tùng tại thôn Núi Hiếu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên	Thương mại, dịch vụ.	thôn Núi Hiếu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên	1099/QĐ-UBND	UBND huyện Việt Yên	20/5/2022	
71.	Nhà máy Boruikate Tools Việt Nam	Kinh doanh khách sạn	KCN Quang Châu, huyện Việt Yên	1471/QĐ-UBND	UBND huyện Việt Yên	27/7/2022	
72.	Nhà máy GM-Tech Vina	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại	KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1528/QĐ-UBND	UBND huyện Việt Yên	08/5/2022	
73.	Dự án nhà máy sản xuất Ilsung Electric Vina	Sản xuất, gia công đồ gá JIG bằng kim loại và bằng nhựa	KCN Đình Trám, huyện Việt Yên	1468/QĐ-UBND	UBND huyện Việt Yên	26/7/2022	
74.	Dự án điện tử JianRong Việt Nam	Kiểm tra, làm sạch bề mặt khuôn JIG và các linh kiện điện tử	Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên	1461/QĐ-UBND	UBND huyện Việt Yên	21/7/2022	
75.	Nhà máy Dong Myeong Bắc Giang	Sản xuất khuôn mẫu và phụ tùng khuôn mẫu bằng nhựa	Lô CN-10-06, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên	1671/QĐ-UBND	UBND huyện Việt Yên	13/9/2022	

76.	Nhà máy công nghệ ShinHe - CCN Việt Tiến	gia công vỏ, khung, khuôn và các bộ phận bằng plastic	Cụm công nghiệp Việt Tiến, huyện Việt Yên	1670/QĐ-UBND	UBND huyện Yên	13/9/2022	
-----	--	---	---	--------------	----------------	-----------	--

## Phụ lục VI

Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm

Báo cáo số: 132 /BC-UBND ngày 26 /11/2022 của UBND tỉnh



TT	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng)	Các vi phạm chính	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TOÀN TỈNH		1.368,85		
I	CẤP TỈNH		1195,6		
1	Thanh tra				
Huyện Lạng Giang	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Đại Lục	Thôn Ngoài, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang	56,6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát);</li> <li>- Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định</li> <li>- Xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 3 lần trong trường hợp thải lượng nước dưới 05 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ), thông số BOD<sub>5</sub> (200C) vượt QCVN 1,03 lần, thông số Tổng chất rắn lơ lửng vượt QCVN 1,32 lần, thông số Tổng coliforms vượt QCVN 2,8 lần.</li> </ul>	
	Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh	Xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thải bụi, khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần (tương đương mức vượt quy chuẩn kỹ thuật là 10%), Phạt cảnh cáo;</li> <li>- Không thực hiện báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định</li> </ul>	
	Công ty TNHH Chiến Đại Thắng	Thôn Tân Văn 2, xã Tân Đình, huyện Lạng Giang	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định, cụ thể: Năm 2021 Công ty không thực hiện lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ</li> </ul>	

<b>Huyện Lục Nam</b>	Công ty TNHH Xăng dầu Hải Việt Tiên Lược.	Thôn Giữa, xã Tiên Lược, huyện Lạng Giang	35	Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường khi dự án đi vào vận hành.
	Công ty có phân Đầu tư Sản xuất gạch Ngọc Việt	Thôn Vàng, xã Khảm Lạng, huyện Lục Nam	39	Xã nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 3 lần đến 5 lần trong trường hợp thải lượng nước dưới 05 m <sup>3</sup> /ngày (24 giờ), cụ thể: Thông số BOD5 vượt QCVN 1,28 lần, thông số Tổng coliforms vượt QCVN 1,58 lần, thông số Amoni vượt QCVN 4,98 lần. Các thông số đo, phân tích khác đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 14: 2008/BTNMT, cột B, Cmax quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
	Công ty TNHH gạch Tuynel Tiên Hưng	Thôn 19, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam	90	Xã nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 5 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước dưới 05 m <sup>3</sup> /ngày (24 giờ), cụ thể: thông số Amoni vượt QCVN 8,6 lần; thông số BOD5 (200C) vượt QCVN 3,23 lần; Thông số Phosphat vượt QCVN 2,46 lần; thông số Tổng coliforms vượt QCVN 2,2 lần; thông số Tổng chất rắn hòa tan vượt QCVN 1,46 lần.
	Công ty TNHH MTV Triệu Khánh Thịnh	Thôn Hà Mỹ, xã Chu Điện, huyện Lục Nam	35	Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường khi dự án đi vào vận hành
	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Việt Nhật	Xã Vũ Xá, huyện Lục Nam	100	<p>- Xã nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 5 lần đến dưới 10 lần trong trường hợp thải lượng nước dưới 05 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ),</p> <p>- Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) đối với trường hợp phải thực hiện và có quy mô công suất tương đương với đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường khi dự án đi vào vận hành</p>

2	Kiểm tra	Công ty CP Lâm Việt Nam	CCN Đại Lâm, huyện Lạng Giang	50	<p>Thải khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 5.000 m<sup>3</sup>/giờ đến dưới 10.000 m<sup>3</sup>/giờ (cụ thể: có thông số CO vượt 1,1 lần so với giá trị cột B, Cmax của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, lưu lượng khí thải 8.512 m<sup>3</sup>/giờ)</p>
		Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và thương mại Minh Sơn	Xã Xuân Lương, huyện Lạng Giang	70	<p>Không thực hiện quan trắc chất thải theo quy định (theo báo cáo của Công ty TNHH một thành viên đầu tư xây dựng và thương mại Minh Sơn: Công ty không thực hiện quan trắc chất thải định kỳ hàng năm từ khi hoạt động đến nay; theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh: Chương trình giám sát môi trường định kỳ nước thải với tần suất giám sát là 03 tháng/lần)</p>
Huyện Hiệp Hòa		Công ty TNHH Bãi động sản đầu tư thương mại Hiệp Hòa	Thị trấn thẳng, huyện Hiệp Hòa	55	<p>Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, vị trí, tần suất giám sát) theo quy định</p>
Huyện Lục Nam		Công ty TNHH JMC Việt Nam	Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	80	<p>Thải khí thải có chứa các thông số môi trường thông thường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải (Mẫu khí thải lấy tại điểm trích ống khói khí thải lò hơi của Công ty TNHH JMC Việt Nam có thông số CO vượt 2,26 lần so với giá trị cột B, Cmax của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ).</p>
Huyện Việt Yên		Công ty TNHH Minh Hoàng Long	CCN Việt Tiến, huyện Việt Yên	60	<p>- Không lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo quy định. - Thực hiện không đầy đủ chương trình quan trắc chất thải (về thông số, tần suất, vị trí giám sát) để đánh giá hiệu quả xử lý đối với từng công đoạn và cả công trình xử lý chất thải theo quy định</p>

<p>Công ty TNHH công nghệ Gloveland Vina</p>	<p>CCN Việt Tiên, huyện Việt Yên</p>	<p>55</p>	<p>- Không xử lý sơ bộ nước thải phát sinh theo điều kiện trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Việt Tiên trước khi đấu nối với hệ thống thu gom để tiếp tục xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định (Theo Phiếu kết quả phân tích mẫu do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang thực hiện lấy mẫu ngày 18/8/2022 cho thấy: Mẫu nước thải công nghiệp lấy tại vị trí sau hệ thống xử lý nước thải công nghiệp của Công ty TNHH công nghệ Gloveland Vina trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của CCN Việt Tiên có thông số COD vượt 3,66 lần, Tổng Nitơ vượt 7,08 lần so với so với QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, không đúng theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và biên bản thỏa thuận đấu nối hệ thống xử lý nước thải ngày 21/01/2021 giữa Công ty TNHH Minh Hoàng Long- chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Việt Tiên với Công ty TNHH công nghệ Gloveland Vina, yêu cầu đạt QCVN cột B)</p>
<p>Công ty cổ phần thương mại Thạch</p>	<p>Lô số 13, CCN Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng</p>	<p>440</p>	<p>- Không vận hành thường xuyên đối với công trình xử lý chất thải theo quy định (tại thời điểm làm việc ngày 11/5/2022, Công ty Cổ phần thương mại Sơn Thạch đang hoạt động 03 lò luyện thép tại xưởng 01 và 02 lò luyện thép tại xưởng 02 nhưng không vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh, để bụi, khí thải phát tán trực tiếp ra ngoài môi trường). - Xử lý chất thải nguy hại khi không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định (Công ty Cổ phần thương mại Sơn Thạch hoạt động xưởng sản xuất số 02 với 02 lò luyện phối thép sử dụng nguyên liệu phoi tiện kim loại dính dầu là chất thải nguy hại: Theo Phiếu kết quả thử nghiệm do Viện Công nghệ môi trường thuộc Viện Hàn</p>



				lâm khoa học và công nghệ Việt Nam thực hiện lấy mẫu ngày 11/5/2022 cho thấy 06 mẫu phoi tiện kim loại của xưởng 02 có thông số tổng dầu vượt QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại; theo báo cáo của Công ty Cổ phần thương mại Sơn Thạch: Công ty đã sử dụng khoảng 300 kg phoi tiện kim loại dính dầu nêu trên để luyện phôi thép, Công ty không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định).
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>		<b>173,25</b>	
<b>Tân Yên</b>	Công ty có phân Hưng Thịnh Tân Yên	Xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên	30	Không thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại vào khu vực kho lưu trữ chất thải nguy hại theo quy định, cụ thể: Tại khu vực cửa lò, ngoài khu vực kho lưu trữ, Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Tân Yên để 03 thùng phuy bằng kim loại bên trong chứa dầu thải nguy hại, 02 xô nhựa chứa dầu thải nguy hại đã sử dụng
<b>Yên Dũng</b>	Công ty TNHH đầu tư Eastern Bắc Giang	Số 38, đường Đào Sư Tích, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.	30	Xây lắp đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường
<b>Hiệp Hòa</b>	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Sang	TDP Đình Hương TT Thắng	20	Xả nước thải vượt quy chuẩn ra môi trường
<b>Lạng Giang</b>	Nguyễn Văn Sáu Nguyễn Đức Hoà	Dương Đức Tiên Lục	1,25 92	Tự ý lấp đất đường xả thải xả nước thải chăn nuôi vượt quy chuẩn

**Phụ lục VII**  
**Hiện trạng các trạm quan trắc tự động nước thải, khí thải của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /11/2022 của UBND tỉnh)*

TT	Tên trạm	Địa chỉ	Loại quan trắc (khí thải/nước thải)	Số trạm/vị trí quan trắc	
				Quan trắc thủ công	Quan trắc tự động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>Toàn tỉnh</b>	<b>24 Doanh nghiệp</b>		<b>48 trạm khí thải/nước thải</b>		
1	Công ty cổ phần hoá chất phân đạm Hà Bắc	Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	N-NH <sub>4</sub> , TSS, COD, pH, Flow <sub>1</sub> , Temp, Flow <sub>2</sub>
2	Công ty TNHH Boviet Vina	KCN Song Khê – Nội Hoàng, thành phố Bắc Giang	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	pH, FLOW, TEMP, COD, TSS, TP, TN
3	Công ty 45 – Tổng Công ty Đông Bắc	thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động	Trạm xử lý nước thải tập trung (Hầm lò)	-	TSS, Flow, pH, COD, Flow_IN, Fe, Mn, Temp
4	Công ty TNHH KCN Eparks	Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , Fe, Mn, Flow in, Flow Out
5	Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang	Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng	Trạm xử lý nước thải tập trung (KCN Song Khê – Nội Hoàng)	-	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , Flow <sub>1</sub> , COD, TSS, pH, TEMP, Flow <sub>0</sub>
6	Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn – Bắc Giang	Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	Trạm xử lý nước thải tập trung (KCN Đình Trám)	-	TN, TP, Flow, COD, TSS, pH, TEMP, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>
			Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , Flow, TN, TP
			Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , Flow <sub>in1</sub> , Flow <sub>in2</sub> , Flow <sub>in3</sub>

7	Công ty TNHH Fugiang	Khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH4+, Flow-Out, Total-Out
8	Công ty cổ phần phát triển Fuji Bắc Giang	Khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH4+, Flow-in, Flow-Out
9	Công ty Nam Á (TNHH)	Cụm công nghiệp Hoàng Mai, huyện Việt Yên	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH4+, Flow in, Flow Out
10	Trạm xử lý nước thải thành phố Bắc Giang	xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, BOD, TSS, pH, TEMP, N-NH4+, TP, Flow in 0, Flow Out1, Flow Out2, Flow Out
11	Công ty TNHH Hoà Phú Invest	khu công nghiệp Hoà Phú, huyện Hiệp Hoà	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH4+, Flow Out
12	Công ty TNHH MTV chăn nuôi Hòa Phát	xã Long Sơn, huyện Sơn Động	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH4+, Flow in Flow Out
13	Công ty TNHH công nghệ năng lượng ET (Việt Nam) (NT)	KCN Quang Châu	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, N-NH4+, Flow
14	Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV	thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	Temp, Flow, P, m, HF, HNO3
15	Công ty cổ phần S&G	Khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên	Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, TEMP, N-NH4+, Flow in, Flow Out, Flow1, Flow2
			Trạm xử lý nước thải tập trung	-	COD, TSS, pH, N-NH4+, Temp, Flow Out, Cu, TN

16	Công ty TNHH JA Solar Việt Nam	khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	Trạm xử lý nước thải tập trung		COD, TSS, pH, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , Temp, Flow, F, TN
			Ống khói công đoạn chống dính khuôn	-	Folw, Temp, PM
			Ống khói công đoạn lò nung silic	-	Folw, Temp, PM
			Ống khói công đoạn mài đánh bóng khối silic và cắt tấm silic	-	Folw, Temp, PM
			Ống khói công đoạn tách keo, rửa tấm silic	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn phun cát	-	Folw, Temp, PM
			Ống khói công đoạn rửa thu hồi silic tinh khiết	-	Folw, Temp, PM
			Ống khói công đoạn khắc rãnh laser	-	Folw, Temp, PM
			Ống khói công đoạn ép tầng, đóng khung...	-	Folw, Temp, PM
17	Công ty TNHH vật liệu điện tử Việt Nam	khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên	Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
18	Công ty TNHH Vina Cell Technology	khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên	Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
			Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF

19	Công ty CP xi măng Bắc Giang	xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	Ống khói công đoạn sản xuất hoá chất	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
20	Công ty TNHH Bedra Việt Nam	KCN Song Khê – Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	Ống khói	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF
21	Công ty TNHH SJ Tech Việt Nam	Khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên	Ống khói	-	Folw, Temp, PM, HCl, HF, HCl
22	Công ty TNHH Ja Solar PV Việt Nam	Khu công nghiệp Văn Trung, huyện Việt Yên	Ống khói	-	Folw, Temp, PM, HF, HCl
23	Công ty TNHH Si Flex Việt Nam	Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên	Ống khói	-	Folw, Temp, PM, HF, HCl
24	Công ty TNHH Bắc Hà	Thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang	Ống khói	-	P, Temp, Flow, PM, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> , CO

